

SA DI LUẬT NGHI YÊU LƯỢC

Chủ giảng: **Lão pháp sư Thích Tịnh Không**

Giảng tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán,

Đài Loan, năm 1994

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh, nhuận sắc: Minh Tiến & Huệ Trang

Lời Trần Tình

Đối với hàng Phật tử tại gia, một nguyên tắc gần như bất di bất dịch là không được xem, đọc giới luật của hàng xuất gia, huống chi là chuyển ngữ cho mọi người cùng xem. Sa Di Luật Nghi là giới luật của hàng xuất gia; do vậy, lẽ đương nhiên người Phật tử tại gia không nên lạm xem, lạm dịch. Tuy thế, trong các buổi thuyết giảng hoặc khai thị, Hòa Thượng Tịnh Không thường đặc biệt nhấn mạnh: Người tu Tịnh Tông sở dĩ niệm Phật không đạt được nhất tâm, hay tối thiểu không thể “niệm Phật thành phiền” là vì thiếu một cơ sở vững chắc là Tịnh nghiệp Tam Phước. Để thực hiện viên mãn Tịnh nghiệp Tam Phước, các đồng tu Tịnh Tông phải học và hành được những gì Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, Sa Di Luật Nghi và Đệ Tử Quy đã dạy. Hòa Thượng nhấn mạnh, không những người xuất gia phải học kỹ Sa Di Luật Nghi mà tại gia đệ tử cũng phải học Sa Di Luật Nghi vì Sa Di Luật Nghi chính là chi tiết của việc thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo. Khi pháp sư Ngô Sanh yêu cầu chúng tôi chuyển ngữ bài giảng này của Hòa Thượng Tịnh Không về Sa Di Luật Nghi sang tiếng Việt, chúng tôi cũng rất đắn đo, không biết có nên làm hay không. Tình cờ đọc lại lời Tổ Ấn Quang khuyên dạy ông Từ Ủy Như trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên:

“Người chưa thọ giới chẳng được xem Luật Tạng:

1) Một là vì sợ kẻ chưa hiểu lý sâu, trông thấy hành vi của những người phạm giới cấm, chẳng biết là bậc Đại Quyền Bô Tát thị hiện, vì mong Phật chế giới hồng lợi lạc cho đời sau, bèn hiện tướng chẳng như pháp để Phật có dịp chế lập giới, nêu khuôn phép. Do chẳng hiểu lý này, chỉ căn cứ vào những hành vi trước mắt, cho là khi Như Lai tại thế, các đệ tử Phật phần nhiều chẳng như pháp. Từ đấy, khởi lên tà kiến miệt thị Tăng chúng, tội đó chẳng nhỏ.

2) Hai là những chuyện trong Luật Tạng chỉ Tăng được biết, nếu để kẻ chưa phải là Tăng đọc được, rất có thể có kẻ ngoại đạo giả vờ dựa vào hàng Tỳ-kheo, làm chuyện sai pháp, vu báng Phật pháp thì hại chẳng nhỏ.

Do vậy, nghiêm cấm như thế là để dự phòng. Còn như kẻ hảo tâm hộ pháp, giáo chánh, lưu thông, há có nên cứ tuân theo thường lệ chẳng? Nếu chấp chặt vào lời ấy thì Luật phải do Tăng chép, Tăng khắc, Tăng in, Tăng truyền mới khỏi trái nghịch cấm chế của Phật. Vạn sự trong thiên hạ đều có lý nhất định, làm điều gì phải thuận

theo cái lý nhất định, nhưng cách thực hiện thì phải tuân theo cái đạo thích nghi thời tiết, nhân duyên. Lý kế hợp với Quyền, pháp phù hợp cùng đạo mới nên”. Dựa theo lời dạy này, chúng tôi cảm thấy yên tâm chuyển ngữ mà không sợ làm chuyện trái phận vượt lẽ.

Hơn nữa, những gì được giảng dạy trong phần Sa Di Luật Nghi này, theo ngu ý, rất thiết thực trong vấn đề trì giới cho tất cả mọi người con Phật, có thể vận dụng làm cương lĩnh cho việc tu trì của Tịnh nghiệp hành nhân nói riêng và thọ trì giới luật nói chung, nên chúng tôi mạo muội dịch ra với tâm nguyện góp phần tạo chút tư lương thô thiển cho các đồng tu. Tiếc là do một lý do nào đó, có lẽ vì thời gian hạn chế, Hòa Thượng Tịnh Không chỉ giảng có năm buổi, rồi không tiếp tục giảng nữa. Nếu việc làm đường đột, vượt pháp này có chút công đức nào thì xin hồi hướng cho pháp giới chúng sanh cùng được dự vào hải hội của đức từ phụ A Di Đà. Trân trọng cảm tạ công sức giáo chánh và nhuận sắc của hai đạo hữu Minh Tiến và Huệ Trang khiến cho dịch phẩm này được gãy gọn và lưu loát hơn. Nguyện lịch đại oán thân và các đồng tu Tịnh nghiệp nhờ công đức này đều cùng vãng sanh Cực Lạc.

Biru Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch

Phần 1:

Phương pháp nghiên cứu của chúng ta là chỉ giảng kinh văn, còn phần chú giải [quý vị] tự xem, thấy chỗ nào thắc mắc thì nêu lên [câu hỏi]. Nếu không có câu hỏi nào, chúng tôi sẽ giảng tiếp đoạn kinh văn kế đó. Phần kinh văn được in theo lối đánh cách[1], còn phần chú giải thấp hơn một chữ, rất rõ ràng, rất dễ thấy. Để cho tiện xem, mọi người đều nên đánh số từng đoạn kinh văn, để sau này chúng tôi nói đến đoạn mấy, mọi người mở ra đều đúng chỗ ngay. Chúng ta xem từ đoạn thứ nhất. Đoạn thứ nhất nằm trong trang thứ hai. Bản chúng ta dùng đây không in số trang, số trang ghi bên cạnh, tức là từ nửa phần sau trang thứ nhất đếm ngược lên ba hàng.

Nhất, Phạn ngữ Sa Di, thử vân Túc Từ, vị: Túc ác hành từ; tức thể nhiễm nhi từ tế chúng sanh dã. Diệc vân Cần Sách, diệc vân Cầu Tịch.

(Một: Tiếng Phạn “Sa Di”, ở đây dịch là Túc Từ, ý nói: Dứt ác, hành điều từ, dứt nhiễm ô thế gian mà từ bi cứu giúp chúng sanh. Còn dịch là Cần Sách, hoặc dịch là Cầu Tịch)

Đây là đoạn thứ nhất, ở đầu câu ghi chữ Nhất, tức là đoạn thứ nhất. “Sa-di” là dịch âm tiếng Phạn. “Phạn ngữ Sa-di”: Tiếng Ấn Độ thời cổ gọi là Sa-di, dịch sang tiếng Trung Quốc có ba nghĩa. Đây cũng là vì thời xưa dịch kinh có cái lệ như thế này: Một chữ bao gồm nhiều nghĩa thì không dịch. Danh từ này có rất nhiều ý nghĩa, chẳng phải chỉ có một ý nghĩa; trong từ vựng tiếng Trung Quốc không tìm được chữ thích đáng để phiên dịch bèn dịch âm, sau đó kèm thêm chú giải, cách phiên dịch là

như vậy đó. Ý nghĩa phổ biến nhất [của chữ Sa Di] là “*Tức Từ*”, nên giảng chữ Tức Từ như thế nào? Tiếp theo đó, [chánh văn] chú giải rất rõ ràng, “*vị: Tức ác hành từ*” (ý nói: Dứt ác, hành điều từ). “Ác” chỉ cho nhiễm ô thế gian, thế gian nhiễm ô tâm địa của chúng ta, nhiễm ô tư tưởng, kiến giải của chúng ta. Chữ “Ác” chỉ cho những điều đó, chúng ta phải đoạn trừ những ô nhiễm ấy. Ý nghĩa này hoàn toàn giống như trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã dạy chúng ta “*tẩy tâm dịch hạnh*” (rửa lòng đổi hạnh): Phải rửa cho những ô nhiễm trong tâm sạch lầu lầu, phải sửa đổi cho đúng hết thảy những hành vi lầm lạc của chúng ta, đó gọi là “*đổi hạnh*”. Câu này luận về nguyên tắc, nguyên lý, chứa đựng ý nghĩa rất sâu, cảnh giới rất rộng. Hãy đặc biệt ghi nhớ: Pháp thế gian nhiễm ô tâm tánh chúng ta, pháp xuất thế gian cũng nhiễm ô tâm tánh của ta! Vì thế, Đại Thừa Phật pháp dạy chúng phải vượt khỏi pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Không những chúng ta phải xa lìa pháp thế gian, mà pháp xuất thế gian cũng phải xa lìa, có như vậy mới hòng thật sự thành tựu.

Trong Phật giáo, chúng ta thường thấy nhất là hoa sen, dùng hoa sen để biểu thị pháp. Chúng ta thấy hình tượng Phật, Bồ Tát được đắp nặn [trong tư thế] đứng thì đứng trên hoa sen, ngồi thì ngồi trên hoa sen. Hoa sen tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho sanh ra từ bùn lầy mà chẳng nhuốm nhơ, biểu thị ý nghĩa của chữ “*Tức Ác*” (dứt ác). Bùn cát dưới mặt nước tượng trưng cho lục phàm^[2], nước trong ở phía trên bùn cát tượng trưng cho tứ thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Lục phàm, tứ thánh hợp thành mười pháp giới. Hoa sen nở trên mặt nước, ngụ ý cả lục phàm lẫn tứ thánh thảy đều không nhiễm; do vậy, học Phật chớ nên bị ô nhiễm bởi Phật pháp.

Ô nhiễm là gì? Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng chính là ô nhiễm. Do vậy, người học Phật hiện thời (chẳng phải chỉ hiện tại, thời cô cũng chẳng ngoại lệ) chẳng nhiễm pháp thế gian, buông xuống được [pháp thế gian], nhưng không buông Phật pháp xuống được. Ở nơi Phật pháp bèn khởi phân biệt, chấp trước thì lại bị ô nhiễm bởi Phật pháp. Chẳng tham pháp thế gian, tâm tham buông xuống được, nhưng tham lam Phật pháp! Quý vị hãy suy nghĩ đi: Đức Thế Tôn dạy chúng ta đoạn trừ tâm Tham, chứ không dạy chúng ta thay đổi đối tượng của tâm Tham! Lòng tham của quý vị vẫn còn, không tham pháp thế gian mà tham Phật pháp, quý vị nói xem có sai quấy hay là không? Do vậy, chúng ta trông thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, trông thấy hoa sen, phải nghĩ pháp thế gian hay pháp xuất thế gian đều chẳng được nhiễm, đây mới là đạt được Nhất Chân pháp giới, mới là chân chánh thanh tịnh.

Mấy bữa nay chúng tôi đang giảng A Di Đà Kinh Sớ Sao, nay giảng đến đoạn này, Liên Trì đại sư cũng giảng ý nghĩa này rất rõ ràng, minh bạch. Tức là giảng đến phần Ngũ Giáo của ngài Hiền Thủ^[3], Tứ Giáo^[4] của Thiên Thai. Trong Ngũ Giáo nói đến Viên Giáo, Đốn Giáo, đây là pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều thật sự buông xuống được. “*Tức Ác*” ở đây nghĩa là cái gì cũng buông xuống được! Biệt Giáo Bồ Tát trong Tứ Giáo của tông Thiên Thai được gọi là Chung Giáo trong Hiền

Thủ Ngũ Giáo. “*Nhất tâm bất loạn*” của Chung Giáo tuy nói là buông xuống, nhưng Năng và Sở vẫn tồn tại. Nói cách khác, tâm vẫn chưa thật sự thanh tịnh. Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên trong Biệt Giáo mới là “*minh tâm kiến tánh*” như Thiên Tông đã nói, nhưng vẫn chưa đạt đến viên mãn. Nói đến rốt ráo viên mãn thì kể cả một phẩm sanh tướng vô minh tối hậu cũng phải buông xuống, dứt như vậy là dứt sạch sành sanh, dứt ác mới sạch lâu lâu. [Điều này] cho thấy ý nghĩa chữ Sa Di quyết định chẳng hạn cuộc nơi Sơ Phát Tâm, “*dứt ác*” giảng đến rốt ráo phải bao gồm cả Đẳng Giác Bồ Tát thì mới là thật sự đạt đến thanh tịnh vô nhiễm.

Ở đây nói đến “*thế nhiễm*” (nhiễm ô thế gian), sợ mọi người nầy sanh hiểu lầm nên nói là “*pháp thế gian*”. Pháp thế gian là gì? Pháp xuất thế gian là gì? Nếu chúng ta không phân biệt rõ ràng, sẽ làm hỏng đại sự! Tôi cũng thường nói: Văn tự Trung Quốc [là một loại văn tự mà] bất cứ một dân tộc nào thuộc một quốc gia nào trên cả thế giới cũng đều không có được. Văn tự Trung Quốc là một loại phù hiệu đầy áp trí huệ. Quý vị xem kỹ chữ “*thế gian*”: “*Thế*” chỉ thời gian. “*Thế*” là ba mươi, ba mươi năm là một “*thế*”. Ba mươi năm tượng trưng cho quá khứ, hiện tại, vị lai. “*Gian*” là giới hạn. “*Thế gian*” và “*thế giới*” có cùng một ý nghĩa là giới hạn. Ý nghĩa của hai chữ này là: Thế là chấp trước, Gian là phân biệt. Nói cách khác, chúng ta còn có phân biệt, chấp trước thì là thế gian. Quý vị học Phật pháp, học Đại Thừa Phật pháp hay học Nhất Thừa Phật pháp đều trở thành pháp thế gian. Vì quý vị vẫn có phân biệt, chấp trước, nên Nhất Thừa Phật pháp cũng bị biến thành pháp thế gian; do vậy quý vị mới bị ô nhiễm. Nếu như đối với hết thầy pháp chúng ta không phân biệt, không chấp trước thì pháp thế gian cũng là Phật pháp, cũng là pháp xuất thế gian, xuất thế hết! Mặc áo, ăn cơm, trẻ nhỏ trong vườn trẻ (ấu trĩ viên - kindergarten) đọc “*mèo con kêu, chú cún nhảy*” đều là giảng pháp xuất thế gian cho quý vị. Xuất thế gian như thế nào? Vượt thoát phân biệt, chấp trước, phải hiểu ý nghĩa “*tức thế nhiễm*” (dứt nhiễm ô thế gian) này. Nếu không, dù quý vị chẳng bị pháp thế gian ô nhiễm, cũng sẽ bị Phật pháp ô nhiễm, Phật pháp cũng thành pháp thế gian! Do vậy, nếu quý vị không hiểu Phật pháp, Phật pháp cũng trở thành thuốc độc, Phật pháp cũng hại người, nhất định phải hiểu ý nghĩa này.

Do vậy, trong hội Bát Nhã đức Phật giảng rất rõ ràng: Chẳng những đức Phật không có pháp nhất định nào để nói, mà đức Phật cũng chẳng thuyết pháp. Ý nghĩa [của lời dạy] này nhằm dạy quý vị đối với hết thầy các pháp đức Phật đã nói chẳng nên chấp trước, quý vị chỉ nên hiểu được ý nghĩa này, hiểu rõ ý nghĩa là tốt rồi, nhưng cũng chớ nên chấp vào ý nghĩa. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta những thái độ cơ bản để học Phật:

1) Thứ nhất là “*ly ngôn thuyết tướng*” (liã tướng nói năng): Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, chớ chấp trước những ngôn thuyết ấy. Sau khi đức Phật diệt độ, hàng đệ tử chép lại những lời Phật giáo huấn, trở thành kinh điển như hiện tại. Những lời nói ấy biến thành văn tự, chớ nên chấp trước lời nói; cũng giống như thế, đừng chấp trước văn tự!

2) Thứ hai là “*ly danh tự tướng*” (lìa tướng danh tự). Chữ “danh tự tướng” chỉ rất nhiều danh từ, thuật ngữ trong kinh Phật. “Sa-di” là một danh từ, “thế gian” cũng là một danh từ. Quý vị hiểu ý nghĩa bên trong những danh tự ấy, đừng chấp trước chúng.

3) Thứ ba là “*ly tâm duyên tướng*”: Càng nói sâu hơn nữa! Nói cách khác, hết thấy Phật pháp chúng ta có thể suy nghĩ, nghiên cứu được hay chăng? Không thể nào được! Nghiên cứu là rớt vào thức thứ sáu, tức Ý Thức, bị ô nhiễm rồi, quý vị bị ô nhiễm bởi Phật pháp rồi!

Chúng ta thường nghe câu nói sau đây: Nhà Phật thường nói “*y văn giải tự, tam thế Phật oan*” (y theo câu văn hiểu nghĩa theo mặt chữ, ba đời Phật bị oan): Cứ chiếu theo văn tự để nghiên cứu, giải thích thì tam thế chư Phật (quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật) đều kêu oan uổng, quý vị hiểu lầm ý Phật mất rồi! Tôi cũng đã từng nói: Trong bài kệ Khai Kinh có câu “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, tôi nói con người hiện tại hiểu sai lệch, nên trở thành “*khúc giải Như Lai chân thật nghĩa*” (hiểu cong vạy ý nghĩa chân thật của Như Lai), hoặc “*ngộ giải Như Lai chân thật nghĩa*” (hiểu lầm lạc ý nghĩa chân thật của Như Lai). Quý vị xem: Có phải là Như Lai kêu “oan uổng” hay không? Đấy chính là điều không may, bị ô nhiễm bởi Phật pháp! Khó lắm! Phật pháp khó là khó ở chỗ này. Chúng ta phải dùng được nó, chớ đừng bị nó ô nhiễm, vậy thì quý vị phải học cho ổn thỏa, học đúng vào đường lối.

Học Phật pháp chẳng bị ô nhiễm bởi Phật pháp, hết thấy Phật pháp đều phải quy về tự tánh, điều này khôn yếu lắm. Nói cách khác, giúp cho chúng ta đạt được tâm thanh tịnh, giúp chúng ta mở mang trí huệ, đấy chính là Phật pháp. Chúng ta tu học không đạt được tâm thanh tịnh, chẳng thể mở mang trí huệ, [nghĩa là] chúng ta đã học Phật pháp lệch lạc, có sai lầm. Do vậy, ý nghĩa của từ ngữ “*tức thế nhiễm*” (dứt nhiễm ô thế gian) rất sâu, phạm vi rất rộng, nhất định phải hiểu cho rõ. Nếu không, quý vị thọ Sa Di Giới, học thuộc nhuần như Sa Di Luật Nghi cũng vô ích. Quý vị bị Sa Di Luật Nghi ô nhiễm rồi, vậy thì đáng tiếc quá! Phải biết điều này!

“*Hành từ*”: Từ là từ mẫn (thương yêu, xót thương) chúng sanh. Chúng sanh luân hồi trong lục đạo, thật hết sức đáng thương. Thoạt chìm thoạt nổi trong sáu đường, người không biết chân tướng sự thật nhiều lắm, rất u là nhiều! Chỉ có Phật, Bồ Tát, A La Hán trở lên mới thấy được chân tướng ấy, các Ngài trông thấy, thấy được rồi biết là khổ, mới hiểu sự tình ấy đáng sợ. Người thế gian mờ mờ mịt mịt, hồ đồ, không hiểu chân tướng sự thật ấy. Chư Phật, Bồ Tát biết chân tướng sự thật ấy, thương xót hết thấy chúng sanh, toan nghĩ phương pháp giúp cho những chúng sanh ấy giác ngộ, giúp cho những chúng sanh ấy nhận thức chân tướng, giúp cho họ thoát được biển khổ. Đấy chính là sự nghiệp của Phật, Bồ Tát, chúng ta thường gọi là “*Như Lai gia nghiệp*”. Như Lai gia nghiệp tức là sự nghiệp của Như Lai, sự nghiệp ấy chính là giúp cho chúng sanh lìa khổ được vui. “*Lìa khổ*” chính là thoát ly lục đạo luân

hồi, đây đúng là đại sự. Quý vị nói xem: Có sự việc nào trong thế gian lớn hơn được hay chẳng?

Vì thế, xuất gia không đơn giản! Cổ nhân thường nói: “*Xuất gia phi tướng tướng chi sở năng vi*” (tạm dịch: Xuất gia không phải là chuyện hạng thống soái, tể tướng có thể làm được). Tướng (將) là gì? Thống soái của ba quân. Tướng (相) là gì? Tể tướng! Do trong quá khứ là thời đại đế chế nên chẳng thể nói là hoàng đế [không thể xuất gia được], con người thông thường khi phú quý đến cực điểm thì quan văn là tể tướng, quan võ là thống soái, sự nghiệp xuất gia này bọn họ không làm được. Sự nghiệp của người xuất gia là phải nối gót đức Phật, phải cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, không thể nào so sánh được. Do vậy, người xuất gia là Thiên Nhân Sư (thầy của trời lẫn người).

Nay chúng ta xuất gia đã làm được hay chưa? Giống hay không giống? Làm không được, thậm chí đối với sự hành trì, chúng ta còn làm càn làm quấy, thua cả người tại gia; về phương diện này, người xuất gia còn thua cả người tại gia. Quý vị phải lắng lòng quán sát, vì sao tướng trạng lúc mất của người xuất gia thường đều không tốt đẹp, thường không bằng người tại gia? Tại Đài Loan trong mấy năm qua, người tại gia đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, biết trước lúc mất, riêng tôi biết được mười mấy người, những người tôi không biết, không nghe nói đến còn nhiều hơn nữa! Vì sao? Người tại gia học Phật chỉ cầu vãng sanh, họ không gánh vác Như Lai gia nghiệp, nhưng người xuất gia phải gánh vác Như Lai gia nghiệp, phải tận tâm tận lực lay tỉnh người tại gia, lay tỉnh những kẻ mê hoặc, điên đảo. Chúng ta có sứ mạng ấy, có trách nhiệm ấy. Trong số những vị tại gia, có vị thân không xuất gia nhưng tâm xuất gia, cũng gánh vác Như Lai gia nghiệp như lão cư sĩ Lý Tế Hoa ở Đài Loan, vãng sanh hiện tướng lành hết sức tốt. Cụ là người sáng lập Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, làm vị đoàn trưởng đầu tiên, như lão cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung. Thân phận họ không khác gì người xuất gia, hoàn toàn gánh vác Như Lai gia nghiệp.

Quán Trưởng hiện nay của chúng ta cũng mang thân phận ấy, cũng gánh vác Như Lai gia nghiệp, không xuống tóc, nhưng chúng ta coi bà như Hòa Thượng. Thân thể bà thường hay bị bệnh, tôi bảo bà: “Cái thân bệnh tật của bà đây tôi có thể trị được, chỉ cần bà chịu nghe lời, bảo đảm trị lành mọi bệnh tật nơi thân. Phương pháp gì vậy? Cạo đầu lảng o đi, bệnh gì cũng không còn nữa!” Đầu bà ta cũng không đau nữa. Đau đầu là vì đầu tóc chưa cạo! Do vậy, tiểu đạo tràng này của chúng ta quả thật gánh vác sứ mạng của Như Lai.

Đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp, chư Phật Như Lai đều khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta tu học pháp môn này, hoằng dương truyền bá cũng là pháp môn này, chúng ta phải tận tâm tận lực hoằng dương pháp môn này cho được lớn lao, rạng rỡ trong thời đại này. Chúng ta nghiêm túc thực hiện, nỗ lực thực hiện, chúng ta biết trong thời đại này có tai nạn rất lớn. Tuy số người của chúng ta hoằng dương pháp môn này không nhiều, nhưng nếu mỗi người thật sự có thể tận tâm tận

lực tự hành, hóa độ người, dầu chẳng thể hóa giải tiêu trừ tai nạn ấy thì cũng có thể làm giảm nhẹ tai nạn đó. Vì thế, phải nghiêm túc tu học, nghiêm túc hoàng dương, đừng làm cho có hình thức, đừng làm cho dễ coi, làm vậy vô ích, hết thấy mọi sự phải cầu lấy thực tế mới được, đây là đúng. Đây chính là “*từ tế chúng sanh*”.

Ngoài ra, còn có hai ý nghĩa nữa, một là Cần Sách, hai là Cầu Tịch. Hai ý nghĩa này đều thuộc về tự lợi. “*Tức Từ*” là tự lợi và lợi tha, Tức Ác (dứt ác) là tự lợi, Từ Tế (từ bi cứu giúp người khác) là lợi tha. Do vậy, ý nghĩa này rất viên mãn, giải thích theo cách này rộng hơn. “*Cần*” (siêng năng) là tinh tấn, “*Sách*” nghĩa là “cảnh sách” (nhắc nhở, đốc thúc) chính mình, cổ vũ chính mình. “*Cầu Tịch*”: Tịch là tâm thanh tịnh. Do vậy, người học Phật chẳng cầu gì khác, chỉ cầu tâm địa thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm; không ô nhiễm là thanh tịnh, ô nhiễm là không thanh tịnh. Do vậy, chúng ta học Phật phải đặc biệt chú ý sao cho không bị ô nhiễm bởi Phật pháp. Pháp thế gian phải buông xuống, đối với Phật pháp chúng ta cũng phải học tập để buông xuống được, cũng đừng chấp trước! Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp). “*Phi pháp*” chỉ cho pháp thế gian, “*pháp*” là Phật pháp; Phật pháp lẫn thế gian pháp đều phải buông xuống hết.

Nay chúng ta không phải là thánh nhân, cũng chẳng phải là hạng căn tánh rất bén nhạy, nghiệp chướng, tập khí, phiền não hết sức sâu nặng. Trong Phật pháp, chúng ta chỉ chọn lấy Tịnh tông, chỉ chấp lấy Tịnh tông, bởi lẽ hoàn toàn không chấp trước thì hiện nay chúng ta chưa thể làm được, không có cách nào cả! Chỉ chấp trước Tịnh tông, còn hết thấy kinh điển Đại Thừa khác chúng ta đều buông xuống hết, như vậy là tốt! Với trình độ, hoàn cảnh hiện thời của chúng ta, chỉ có thể làm được như vậy. Kiên quyết chỉ trì ba kinh một luận, hoặc là năm kinh một luận của Tịnh Tông, hạ công phu nơi đó. Phải hạ “*độn công phu*” (công phu kém cỏi, cùn nhụt), chúng tôi thường nói là phải hạ “*tử công phu*”, [tức là] chết lòng trọn ý tu học. Trong phần chú giải có câu hỏi gì hay không? Không có câu hỏi thì chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai.

Hỏi: Nói là “*phát tâm từ bi*”, có phải là chúng ta đợi đến khi nào tâm địa đối với tất cả mọi người đều điều chỉnh thành bình đẳng rồi thì mới phát tâm từ bi hay không?

Đáp: Phát tâm từ bi, thương xót hết thấy chúng sanh phải làm ngay trong hiện tại! Nếu đợi đến khi tâm mình bình đẳng rồi mới làm thì sẽ biến thành Tiểu Thừa. Phải làm ngay trong hiện tại, phải giúp đỡ người khác, tận tâm tận lực giúp người, làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu. Lúc làm cũng chẳng chấp tướng, đừng mong người khác báo đáp. Chúng ta bố thí ân huệ cho người ta không cầu báo đáp thì tâm chúng ta bèn thanh tịnh, cũng chớ nên nhớ canh cánh bên lòng “*tôi làm bao nhiêu là việc tốt, tôi giúp đỡ bao nhiêu là chúng sanh*”, tâm quý vị bị ô nhiễm, mất thanh tịnh rồi! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta “*tam luân thể không*”^[5], phải làm, tận sức làm, làm xong quên đi, chớ nên chấp trước. Như vậy thì tâm mới thanh tịnh.

Đoạn thứ hai nơi trang thứ ba, chúng ta xem dòng được in cao hơn:

Nhị, luật nghi giả, thập giới luật, chư oai nghi dã.

(Hai: Luật nghi là mười giới luật và các oai nghi)

Đoạn này giảng về giới luật của Sa Di. Giới Sa Di tổng cộng gồm mười điều. Trong Phật pháp, đặc biệt là với người xuất gia, mười giới điều này được gọi là Căn Bản Đại Giới, bắt buộc phải tuân thủ. Mọi người nhất định phải hiểu: Những người mới học phải thọ Căn Bản Giới, người đã tu lâu cũng phải thọ. A La Hán, Bích Chi Phật cũng phải tuân thủ, Bồ Tát cho đến tận địa vị Đẳng Giác Bồ Tát vẫn phải tuân thủ. Chẳng được nói kẻ nọ đã là Tỳ-kheo, đã là Bồ Tát, luật nghi Sa Di này có thể không cần phải thọ nữa. [Nói] vậy là lầm lẫn quá đỗi! Giống như cất nhà, dựng nhà trước hết phải đắp nền, rồi mới xây tầng thứ nhất, tầng thứ hai, tầng thứ ba. Xây đến tầng thứ ba rồi không cần hai tầng dưới nữa, có được hay không? Không có đạo lý ấy! Do vậy, Căn Bản Giới từ lúc sơ phát tâm cho đến khi thành Phật đều phải thọ trì kiên cố, phải biết điều này. Nói cách khác, Bồ Tát Giới có thể không cần thọ. Ta xây nhà có thể không cần xây tầng thứ ba, còn có hai tầng dưới thì vẫn có thể ở được. Giới Tỳ Kheo có thể không cần thọ; ta vẫn có tầng trệt để ở được. Quý vị phải hiểu đạo lý này! Làm Tỳ-kheo không cần luật Sa Di nữa giống như ta ở tầng hai, không cần đến tầng trệt nữa, xong ngay, quý vị ngã lăn chiêng! Hiểu rõ sự thật này thì quý vị mới hiểu được tánh chất quan trọng của luật nghi Sa Di.

Nói thật ra, chúng ta thực hiện tốt đẹp mười điều này, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát có thể gác qua một bên, có thể không cần đến. Nếu không, sẽ là giả Tỳ-kheo, giả Bồ Tát, hữu danh vô thực, ấy là dối mình lừa người. Chúng ta trọng thực chất, không làm cho có hình dáng. Trì giới niệm Phật có thể đạt đến Thượng Thượng Phẩm vãng sanh, quý vị thật sự làm được. Thọ Bồ Tát giới chưa chắc được vãng sanh, vì sao? Là Bồ Tát giả, chưa phải là Bồ Tát thật! Phải biết, phải hiểu rõ điều này. Do vậy, chúng ta phải thật sự làm, nghiêm túc, chất phác tu hành.

Sa Di có mười giới điều và hai mươi bốn oai nghi. Nay ta gọi “oai nghi” là những “khuôn mẫu sanh hoạt”. Trong cuộc sống thường ngày, xử sự, đãi người tiếp vật, chúng ta phải tuân thủ những quy củ nào? Những nguyên tắc nào? Hai mươi bốn môn ấy chính là quy củ, là nguyên tắc. Nhưng những điều ấy do Thích Ca Mâu Ni Phật định ra lúc Ngài còn tại thế, đã cách thời gian hiện tại ba ngàn năm. Nay chúng ta đang sống ở Đài Loan, còn thời ấy là Cổ Ấn Độ; do vậy, phương thức sống của chúng ta khác hẳn, hết thảy cách nghĩ, cách nhìn đều khác với tiền nhân. Chúng ta phải làm thế nào để hiểu rõ tinh thần Luật Nghi, thấu suốt đạo lý, rồi ứng dụng vào cuộc sống thường nhật của con người hiện tại, như vậy thì mới đúng. Giống như pháp luật, ngay cả hiến pháp cũng không là ngoại lệ, cứ cách bao nhiêu năm đó lại phải tu chỉnh một lần, vì sao? Thời đại khác rồi. Có những điều khoản được quy định chỉ thích hợp cho thời ấy, không phù hợp với hiện tại, cần phải tu chỉnh.

Căn Bản Giới siêu việt thời gian lẫn không gian, chẳng thể biến đổi. Căn Bản Giới chỉ gồm bốn điều: Không sát sanh, không dâm dục (đây là đối với người xuất gia mà nói), không trộm cắp, không nói dối. Bốn điều ấy gọi là Căn Bản Giới, siêu việt thời gian lẫn không gian, bất luận ở khu vực nào, bất luận trong thời đại nào cũng đều chẳng thể biến đổi. Những điều khác có thể do thời gian, địa phương, tập quán sanh hoạt bất đồng, chỉ tuân thủ nguyên tắc tinh thần, có thể tu chỉnh những điều khoản ấy. Ở Trung Quốc gọi những điều ấy là Thanh Quy. Như trong đời Đường, Mã Tổ Đạo Nhất hòa thượng đề xướng lập từng lâm, tức là đề xướng “mọi người cùng tu chung”. Bách Trượng đại sư lập Thanh Quy, Thanh Quy ấy chính là Giới Luật được “bồn thổ hóa” (tức địa phương hóa Giới Luật, diễn dịch Giới Luật cho phù hợp với văn hóa, quy củ của một đất nước). Hiện đại hóa Giới Luật, đem tinh thần, nguyên tắc bất biến của Giới Luật ứng dụng vào cuộc sống của con người hiện đại. Đây là [đại sư] đã vì người Trung Quốc mà chế định một bộ Tân Giới Luật đại quy mô, mọi người chúng ta đều phải tuân thủ. Từ thời Bách Trượng đến nay cũng đã gần một ngàn bốn trăm năm, tình hình của chúng ta hiện thời không còn giống với một ngàn bốn trăm năm trước. Do vậy, mỗi một đạo tràng, mỗi một chùa miếu của chúng ta đều có “Thường Trụ Công Ước”, đều có quy củ. Đó đều là những chuyện thuộc về việc hiện đại hóa, bồn thổ hóa Giới Luật thích hợp cho đại chúng cùng tu trong một đạo tràng, lập ra một quy củ.

Nói riêng về thành phố Đài Bắc, quy củ của mỗi một chùa miếu không giống nhau, Thường Trụ Công Ước của mỗi một chùa miếu cũng khác nhau, [miễn sao] thích hợp với hoàn cảnh tu học của chính chúng ta. Những quy củ, công ước ấy đều thuộc vào Luật Nghi, do vậy, nhất định phải hiểu. Không hiểu sự thật này, chúng ta không thể thực hiện thông suốt những Luật Nghi ấy được. Do vậy, chúng ta đọc chúng, nghiên cứu chúng phải hiểu rõ tinh thần ở chỗ nào, phải thấu hiểu nguyên lý, nguyên tắc của chúng.

Thượng thiên Giới Luật môn *(Thiên đầu là phần Giới Luật)*

Sa Di Luật Nghi chia thành hai bộ phận: Thiên đầu giảng về Giới Luật, thiên sau giảng về Oai Nghi. Tiếp theo đây, trước hết giảng về phần Giới Luật. Giới Luật là căn bản, do Giới Đắc Định, Oai Nghi nhằm phụ trợ Giới Luật, chúng là những khuôn phép trong cuộc sống hằng ngày.

Chúng ta phải nhận thức rõ ràng hai chữ Giới và Luật. Trong trang này, đếm ngược lên là hàng thứ tư, [có ghi]: “*Giới vi cấm giới, Luật tức pháp luật*” (Giới là ngăn cấm, Luật tức pháp luật). Chữ Giới chỉ cho “cấm giới”, tức là ngăn cấm. Phật dạy chúng ta không được làm những chuyện nào, nên làm những chuyện nào. Do vậy, trong Giới Luật lại chia thành hai loại lớn: Một loại là Chỉ Trì (những điều không nên làm), loại kia là Tác Trì (những điều nên làm). Phật dạy chúng ta làm gì,

chúng ta phải làm điều đó, không làm là Phạm Giới. Phật chẳng chấp nhận cho làm, chúng ta chớ nên làm, đó là Trì Giới. Không cho quý vị làm, quý vị cứ làm thì phạm giới rồi. Dạy quý vị làm mà quý vị không làm, cũng là phạm giới! Do vậy, Giới Luật có hai loại: Một là cấm chỉ, hai là dạy những điều quý vị phải làm. Luật là sau khi quý vị phạm giới rồi, giống như phán xét quý vị tội nặng hay nhẹ, đây chính là pháp luật: Dùng luật pháp để đoán định quý vị tội nặng hay nhẹ. Đó gọi là Luật.

Tiếp đó là câu giải thích: “*Phòng phi chỉ ác viết Giới, xử đoán khinh trọng, khai - giá - trì - phạm viết Luật*” (Ngăn điều sai, dứt điều ác là Giới. Xử đoán nặng nhẹ, mở, ngăn, giữ, phạm, gọi là Luật). Giới là gì? “*Phòng phi chỉ ác*”. Luật là gì? Phán xử nặng - nhẹ, Khai, Giá, Trì, Phạm, chính là Luật. Quý vị chỉ cần nhớ kỹ hai câu này là được rồi.

Ở đây phải thuyết minh về “Khai - Giá - Trì - Phạm”. Mỗi một điều Giới Luật đều sống động, phương thức trì giới khác nhau, không giống nhau, phải biết điều này. Đây là đức Phật đối với căn tánh bất đồng của hết thảy chúng sanh mà phạm vi của Khai - Giá - Trì - Phạm sẽ cạn, sâu, rộng, hẹp đều khác nhau. Giống như chúng ta dạy học trò, đối với học trò Tiểu Học chúng ta phải quản thúc rất nghiêm, vì sao? Do chúng nó chưa hiểu chuyện; không dạy dỗ, quản thúc nghiêm nhặt, chúng sẽ gây ra chuyện, bị tổn hại. Đối với học sinh Trung Học, chúng nó đã dần dần hiểu biết, cho nên hơi nói lỏng quy củ quản lý một chút. Đến bậc sinh viên Đại Học, chúng nó có năng lực phân biệt đúng - sai, hiểu rõ lợi - hại rồi, phạm vi dạy dỗ, quản thúc chúng càng được nói rộng hơn nữa.

Giới luật nhà Phật cũng cùng một đạo lý này. Đối với những phạm phu mới học, phải quản thúc thật nghiêm, thật gắt. Trong Phật pháp, như Tiểu Thừa giáo quản thúc rất nghiêm ngặt, hết sức bảo thủ. Đối với người Đại Thừa mà nói thì tương đối dễ dãi hơn. Vì sao? Người Đại Thừa có trí huệ, có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, chính quý vị có năng lực phân biệt rồi, nên nói rộng rất nhiều. Đợi đến khi quý vị minh tâm kiến tánh, Kiến Tư, Trần Sa đều đoạn sạch, vô minh cũng phá được mây phủ, bèn nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm, “*lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”, đến lúc đó Giới Luật này mới được thật sự trì đến thanh tịnh viên mãn.

Thanh tịnh viên mãn thì có còn trì giới nữa hay không? Vẫn trì giới! Như chúng tôi thường hay nói: “*Trì nhưng không trì, không trì mà trì*”. Người ấy nhập cảnh giới này, tự nhiên chẳng phạm làm lỗi, không có làm lỗi. Về mặt sự tướng, Bồ Tát vẫn nghiêm túc chấp trì như thế để nêu gương cho những người mới học, tức là “hành trì” như trong phần trên đã nói. Chính bản thân vị đó đạt đến Sự Sự Vô Ngại, vì sao vẫn còn phải trì giới như thế? Làm cho người sơ học trông thấy, khiến cho kẻ sơ học thấy Bồ Tát luôn trì giới, vậy thì chúng ta không trì giới đâu có được! Nếu không, Bồ Tát đều không trì giới, chúng ta trì giới làm gì? Gây ra tác dụng ngược, hiệu quả ngược cho hàng sơ học thì chẳng phải là từ bi! Do vậy, Phật, Bồ Tát cũng trì giới, trì giới rất nghiêm, làm cho hàng sơ học trông thấy, phải hiểu các Ngài quả

thật “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”, họ làm như vậy là hành trì. Các ngài đã đoạn sạch hết ác rồi, ác đã không còn nữa, những gì các ngài làm đều thuộc về Hành Trì.

“Khai” là khai duyên, chữ Duyên có nghĩa là điều kiện. Dưới một điều kiện nào đó thì có thể khai giới, khai giới chứ không phá giới! Nếu không nhằm đúng những điều kiện ấy, Phật cấm ngặt quý vị làm, quý vị cứ khai là phá giới đó nghe! Nếu dưới một điều kiện hợp tình hợp lý nào đó, quý vị phá giới ấy thì chẳng gọi là “phá giới” mà là “khai giới”. Khai giới không có tội, chẳng những không có tội mà còn có công đức. Trong kinh Phật Thuyết Vị Tăng Hữu Nhân Duyên[6] có nêu một thí dụ, sách Pháp Uyển Châu Lâm, Chư Kinh Yếu Tập[7] cũng có dẫn thuật. Đương thời có một ông vua rất nóng nảy, hầu như đầu bếp nấu thức ăn không ngon, vua ăn vào không vừa ý, toan giết gã đầu bếp. Ngày hôm ấy, nhằm lúc Phu Nhân đang trì Bát Quan Trai Giới, thấy tình hình đó, vì muốn cứu gã đầu bếp, bà liền đặc biệt trang điểm thật lộng lẫy, khuyên quốc vương ca hát nhảy múa, hy vọng quốc vương thay đổi ý niệm, quên đi chuyện đó. Do vậy, Bát Quan Trai Giới của bà trong ngày ấy hoàn toàn bị phá sạch. Đây có phải là phá giới hay không? Bà vì muốn cứu mạng một gã đầu bếp, vì để cứu một người, nên hành động ấy thuộc về khai giới, chẳng những phá sạch giới không bị tội, lại còn có công đức lớn. Đoạn văn này ghi chép rất tỷ mỉ, chúng tôi nhớ không rõ lắm, chắc là trong những bản chú giải đều có kể về chuyện Bát Quan Trai Giới này. Do vậy, phải hiểu “khai duyên” (duyên để khai giới) là gì? Nếu không có khai duyên mà tự mình muốn tìm cơ hội [để phạm giới] thì là sai mất rồi! Ấy là phá giới, chẳng phải là khai giới! Do vậy, chuyện Khai hay Giá này chính mình phải có trí huệ để phán đoán.

Chiều hôm qua, một người bạn cũ mời tôi ăn cơm tối, tôi không biết là sinh nhật ông ta, cứ đường đột đi đến. Cũng không đến nỗi nào là hôm qua tôi mang mấy bộ Vô Lượng Thọ Kinh đến tặng ông ta, chúc ông ta vô lượng thọ, cũng rất hay! Trong thời kỳ kháng chiến, ông ta gặp phải chuyện sau đây: Ba người bọn họ cùng thực hiện công tác bí mật tại Nam Kinh, bị hiến binh (cảnh sát) Nhật Bản phát giác. Hiến binh Nhật Bản liền truy đuổi họ. Họ chạy đến ngôi chùa ở ngoài cửa Trung Hoa thành Nam Kinh, nhằm lúc chùa đang làm pháp hội, ba người bọn họ chạy vào cầu cứu lão hòa thượng. Vị lão hòa thượng ấy rất có trí huệ, ngay lập tức bảo họ cạo đầu, mặc áo hải thanh, cùng mọi người niệm Phật. Do vậy, khi đội hiến binh Nhật đuổi tới nơi, cũng không sao tìm được ba người ấy, ba người bọn họ giữ được tánh mạng vẹn toàn.

Sau khi [kháng Nhật] thắng lợi, nghĩ đến ân cứu mạng của lão hòa thượng, bọn họ đặt một tiệc rượu hết sức linh đình mời lão hòa thượng nhằm tỏ chút lòng cảm tạ. Lão hòa thượng cũng đến; tới rồi, bọn họ mới nghĩ hòa thượng thì ăn chay, mà ở đây toàn là gà, vịt, cá, thịt chất đống, đều là đồ mặn, đúng là rượu nồng thịt béo. Không ngờ vị lão hòa thượng ấy thật bất phàm, lão hòa thượng nghiêm nhiên ngồi xuống, chuyện gì cũng không hỏi đến, nâng chén vui vẻ cùng uống với họ, khiến cho bọn họ trong tâm bội phục, rất cảm động. Đó gọi là khai duyên, là khai giới, không phải

là phá giới! Lão hòa thượng không có tâm ý gì, nhưng Ngài biết bọn họ thành tâm cảm kích, trọn chẳng phải là bõn cợt người xuất gia; do vậy, Ngài thỏa ý họ, khiến cho lòng họ vui vẻ. Đây là khai duyên, nhất định phải hiểu điều này.

Có rất nhiều đồng tu tại gia tự mình học Phật, phát tâm ăn chay, nhưng người trong nhà không học Phật. Thọ Bồ Tát giới rồi, người ấy có nên nấu những món thịt thà cho cha mẹ ăn hay không? Đã nói là cắt thịt cũng phạm giới mà, điều này không sai! Quý vị cúng dường cha mẹ, lúc cha mẹ vẫn chưa tin Phật thì đó là “khai duyên”, chứ không phải phá giới. Quý vị phải từ chỗ này mà cảm hóa người trong nhà quý vị. Muốn cảm hóa người ta, trước hết quý vị phải làm cho họ có cảm nghĩ tốt đẹp đối với Phật giáo, sanh tâm hoan hỷ đối với Phật pháp thì quý vị mới có thể cảm động họ được. Nếu quý vị “làm như thế này không đúng, làm thế kia cũng không đúng”, bảo họ: “*Người ăn thịt chúng sanh, tương lai người phải đền mạng*”. Quý vị càng nói người nhà càng phiền não, càng nói càng nổi nóng hơn, chẳng những không giáo hóa, cảm hóa được họ mà trái lại còn tạo khá nhiều khẩu nghiệp, vậy là sai lầm lớn rồi! Như vậy là thiếu trí huệ. Quý vị thuận theo hết thảy, người ta cảm thấy Phật giáo tốt đẹp, Phật giáo thật sự tốt đẹp! Cách một thời gian sau sẽ dần dần cảm hóa được họ, phải vận dụng trí huệ. Thời gian dài hay ngắn tùy thuộc vào phương tiện thiện xảo của quý vị, mà cũng tùy thuộc thiện căn, phước đức của người nhà quý vị. Do vậy, phải có tâm nhẫn nại, phải có phương tiện, làm như vậy mới đúng. Tự nhiên người ta sẽ hồi đầu, sẽ hướng thiện, muôn vàn chẳng được cậy mình học Phật mà đối địch với người nhà, làm vậy là sai, hoàn toàn sai lầm.

Phật pháp được kiến lập trên cơ sở hiểu đạo. Câu thứ nhất trong Tam Phước là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”. Câu đầu tiên là “hiếu dưỡng phụ mẫu”. Vì thế, phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo, phải có tâm nhẫn nại để cảm hóa người nhà, quyết định chẳng được đối lập. Trước khi người ta chưa hiểu rõ, chưa thấu suốt, người ta muốn gì đều nên tùy thuận. Trong lúc tùy thuận, chúng ta có tâm nhẫn nại, có trí huệ, có phương pháp để dần dần chuyển biến họ, vậy mới là đúng! Đây gọi là hiếu dưỡng chân chánh!

“Giá” là cấm ngăn, quyết định chẳng được vi phạm. Vì thế, phải hiểu Khai - Giá mới có thể trì giới. Lúc nào nên Khai mà không Khai, cũng gọi là phạm giới! Lúc nào nên Giá mà không Giá thì cũng gọi là phạm giới! Đủ thấy hai chữ “trì giới” nói dễ dàng ư? Chấp chết cứng vào giới điều thì không phải là trì giới, giới luật điều nào cũng sống động. Nếu như quý vị không hiểu Giới Luật, không hiểu vì sao Phật đặt ra giới điều ấy, dụng ý ở chỗ nào, đạo lý là đâu, làm sao ứng dụng được trong cuộc sống thường ngày? Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta có thuận cảnh, có nghịch cảnh, những cảnh giới ấy sai biệt rất lớn, trong những hoàn cảnh hết sức rắc rối, phức tạp, áp dụng giới điều này như thế nào? Đây chính là Khai - Giá. Quý vị hiểu rõ Khai - Giá sẽ ứng dụng linh hoạt, sống động, ứng dụng hết sức viên mãn, tự lợi, lợi tha, đây mới là trì giới. Do vậy, [trì giới] không phải là chuyện đơn giản.

Không phải chấp chết cứng vào giới điều là trì giới, quý vị đã làm hoàn toàn trái ngược, sai lầm mất rồi!

Tôi vừa mới nêu thí dụ: Lão hòa thượng thuận theo mọi người cũng ăn thịt, cũng uống rượu, bọn họ cảm động rất mạnh, đối với Phật pháp thật sự khởi sinh tâm cung kính, biết vị xuất gia ấy vĩ đại, người xuất gia bắt phạm, mười mấy người bọn họ đều được độ. Nếu vị lão hòa thượng ấy theo quan niệm trì giới như mọi người đã nói thì rượu làm sao uống được? Phải bỏ ngay đi! Đúng vậy, không sai, tội hồ chính mình rất trì giới, nhưng khiến cho mọi người đối với Phật giáo có ấn tượng kém ác, mang ấn tượng cự tuyệt bài xích, vậy là sai mất rồi! Do vậy, Khai - Giá - Trì - Phạm hết sức quan trọng, không hiểu thì đừng bàn đến trì giới. Nhất định phải hiểu điều này. Hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi!

Hỏi: Xin hỏi có phải là mỗi giới điều đều có Khai - Giá - Trì - Phạm?

Đáp: Đúng vậy! Nay quý vị hiểu rõ Khai - Giá - Trì - Phạm, coi trọng; sau này trong mỗi một giới điều đều có giảng đến. Trước hết là phải xây dựng quan niệm, hiểu trì giới hoàn toàn không phải là như kiểu trì giới mà mọi người thường nói, trì giới kiểu đó thì kết quả là Phật giáo sẽ bị tiêu diệt mất trong thế gian này.

Hỏi: Không thọ giới thì không có vấn đề, hễ thọ giới sẽ có cả đồng vấn đề, xin hỏi nên làm như thế nào?

Đáp: Đúng vậy! Vì thế, phải nghiêm túc nghiên cứu Sa Di Luật Nghi Yếu Lược, nhất định phải hiểu rõ. Quý vị hiểu rõ được bộ sách này rồi, người ta hỏi quý vị câu gì, quý vị đều có thể giải đáp được, lại còn hiểu trường hợp nào là thích đáng, tự mình phải nên làm theo cách nào.

Phần 2:

Đoạn thứ tư, trang thứ sáu:

Tứ, thị cố Sa Di thể lạc, tiên thọ Thập Giới. Thứ tắc dăng đàn Cụ Túc. Kim danh vi Sa Di, nhi bổn sở thọ giới. Ngu giả mang hồ bất tri, cuồng giả hốt nhi bất học, tiện nghĩ lập đẳng, vọng ý cao viễn, diệc khả khái hỹ!

(Bốn, vì thế, Sa Di xuống tóc, trước hết thọ mười giới. Kẻ đó dăng đàn thọ giới Cụ Túc. Nay gọi là Sa Di, có bổn phận phải thọ giới. Kẻ ngu mờ mịt không biết, kẻ cuồng coi thường không học, lại toan học lung tung, mơ tưởng cao xa, cũng đáng cảm khái lắm thay!)

Chúng ta tu học, bất luận là kinh, luật, luận hoặc ngũ lục của tổ sư, người biết học sẽ gan lấy những khai thị trọng yếu, giống như Hoàng Nhất đại sư trích lục [kinh điển tạo thành] bộ Văn Tình Tập, Ngài sao chép lại những giáo huấn trong kinh, luận, ngũ lục đối trị căn bệnh, tập khí của chính mình. Mỗi một người sao lục cũng hầu như không giống nhau vì mỗi người tập khí bất đồng. Tập khí nào nặng nhất,

nếu câu nói này nói đến căn bệnh của ta thì ta bèn ghi lại, tự mình thường xem, thường dùng nó để phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi đổi mới, đó gọi là “chân chánh tu hành”. Trong Giới Luật, những chỉ dạy để đổi trị tập khí rất nhiều; do vậy, chúng ta đọc đến bản kinh này và chú giải phải biết trích lục, tự mình trích lục chép vào một cuốn sổ nhỏ, đó mới là “chân chánh tu hành”.

Đoạn này nói về người mới xuất gia. “*Thế lạc*” nghĩa là cạo tóc, xuống tóc. Hễ xuất gia thì “*tiên thọ Thập Giới*” (trước hết thọ mười giới). Đây chính là như trong phần trên đã nói: Đó là giáo dục dành cho học sinh mới bước vào cửa Phật. Học làm một người đệ tử xuất gia của Phật, nhất định phải tuân thủ Mười Giới, lại còn có hai mươi bốn Oai Nghi ở phía sau nữa. Hai mươi bốn môn Oai Nghi chính là những quy củ chúng ta phải tuân thủ trong cuộc sống thường ngày, đây chính là quy phạm (quy củ, khuôn mẫu) cuộc sống. Có cơ sở tu học ấy rồi, sau đó mới có thể thọ Cụ Túc Giới[8], trở thành Tỳ-kheo.

Trong phần trước, chúng tôi đã nói thời gian tu học Sa Di Giới là năm năm, còn nay thọ giới (tức Tam Đàn Đại Giới[9]) thọ hết luôn một lần. Trước kia, không phải như vậy. Xưa kia, Sa Di Giới, Tỳ Kheo Giới, Bồ Tát Giới cách nhau một thời gian rất dài, không thọ cùng một lần. Thọ rồi giữ không được thì có khác gì dạy cho quý vị tạo tội nghiệp đâu? Vì thế, phải học Sa Di Giới năm năm, học rất giống, rất có quy củ rồi, năm năm sau mới được thọ Cụ Túc Giới, tức là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni Giới. Lại phải cách ba năm nữa mới được xin thọ Bồ Tát Giới. Giữ Tỳ Kheo Giới rất khó, lại mở rộng tâm lượng, hành Bồ Tát đạo, như vậy mới là chánh xác. Giống như chúng ta đi học, Sa Di là Tiểu Học, Tỳ Kheo là Trung Học, Bồ Tát là Đại Học, là ba tầng cấp, nhất định phải có khoảng cách tương đương, chẳng thể học chương trình Tiểu Học, Trung Học, Đại Học cùng một lúc được. Không có đạo lý ấy! Chúng ta phải hiểu rõ điều này.

“*Thứ*” (kê đến) là giai đoạn thứ hai, mới bèn “*đăng đàn thọ Cụ*”: “Cụ” chính là Cụ Túc Giới. Câu này dạy chúng ta hành môn (trình tự tu hành) phải có thứ tự.

“*Kim danh vi Sa Di*” (nay gọi là Sa Di): Nay chúng ta vừa mới xuống tóc xuất gia thì là Sa Di.

“*Bổn sở thọ giới*”: Bổn là bản phận, “*thọ*” là phải thọ trì những giới pháp được nói trong kinh này, tức là Mười Giới và hai mươi bốn Oai Nghi.

Rất đáng tiếc, “*ngu giả mang hồ bất tri*” (kẻ ngu mờ mịt không biết): Có rất nhiều kẻ thọ giới xong, Tam Đàn Đại Giới đều thọ xong, không biết Giới là gì cả. Thọ trên mặt hình thức, chứ thực tế chẳng hiểu rõ nội dung, vì vậy “*hữu danh vô thực*”.

“*Cuồng giả hốt nhi bất học*” (Kẻ cuồng coi thường chẳng học): “Cuồng giả” là những kẻ cuồng huệ, chữ “*cuồng huệ*” chỉ cho ai? [Kẻ ấy tưởng] những giới này nhỏ nhặt không quan trọng, đâu có biết những giới ấy cũng không chịu làm theo.

“*Tiện nghĩ lập đẳng*” (lại toan học lung tung). Một đẳng là ngu, một đẳng là cuồng, tức cuồng vọng! Không nghiêm túc tu học, lại còn học tràn lan lung

tung. “*Liệp đẳng*” nghĩa là kẻ ấy thọ giới Tỳ Kheo, thọ giới Bồ Tát. Tu học tầng cấp thứ nhất chưa tu hành nên thân, lại muốn học qua tầng cấp thứ hai, tầng cấp thứ ba. Tầng cấp thứ hai là Tỳ Kheo Giới, tầng cấp thứ ba là Bồ Tát Giới, kẻ ấy muốn thọ hết. Như vậy là “*liệp đẳng*”.

“*Vọng ý cao viễn*”: Đây là điều được thể tục gọi là “ham cao chuộng xa”, không thực tế! Do vậy, kinh bảo “*diệc khả khái hỹ!*” (cũng đáng cảm khái thay!): “*Khái*” là cảm khái, than thở. Người thật sự hiểu rõ trông thấy những hiện tượng ấy hết sức cảm khái.

Do vì bản in này không đánh số trang, số chương theo thứ tự, vẫn dùng theo nguyên bản. Nguyên bản thì mỗi tờ gồm hai mươi dòng, mặt trước mười dòng, mặt sau mười dòng. Chúng tôi lấy hai mươi dòng làm đơn vị để nói, như đến hàng thứ mười một thì bảo là trang thứ hai. Chúng tôi dùng phương pháp này cho mọi người dễ tìm. Trong phần chú giải có hai câu rất quan trọng, ở đây tôi nhắc nhở mọi người chú ý. Xin hãy xem hàng thứ hai mươi trong trang thứ sáu, tức là hàng cuối cùng. Hãy xem từ chữ thứ ba trở đi: “*Học Ký vân: Áu giả thính nhi phát vấn, học bất liệt đẳng dã*” (Thiên Học Ký [trong sách Lễ Ký] nói: “Trẻ nhỏ nghe chứ không hỏi, chẳng học tràn lan”). Đây là một câu trích trong thiên Học Ký của sách Lễ Ký, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với những điều đã nói ở trên. “*Áu giả*” là kẻ mới học, mới học thì phải tuân thủ quy củ, không có ý kiến. Thầy dạy thế nào, chúng ta học như thế ấy, nhất định phải tuân theo quy củ, theo thứ tự thuận mà làm. Điều này hết sức quan trọng.

Trước kia, tôi đã thưa cùng quý vị: Trong quá khứ tôi học với thầy Lý; trước khi học với thầy, tôi học với Chương Gia đại sư ba năm. Thầy Lý hoàn toàn không chấp nhận chuyện ấy, [bảo tôi] phải bỏ toàn bộ đi, học lại từ đầu. Do nguyên nhân nào? Những gì anh học trong quá khứ, anh có một tiêu chuẩn, tục ngữ thường nói “*tiên nhập vi chủ*” (cái gì học ban đầu là chính), người ta đã có thành kiến rồi. Lúc nghe thầy giảng khác với Chương Gia đại sư chúng tôi sẽ khởi nghi hoặc, muốn hỏi. Vì thế, thầy bảo: “*Những gì anh đã học trước kia tôi không chấp nhận*”. Nói cách khác, chỉ có nghe lời thầy, không có chỗ để hoài nghi! Những gì đã học trước kia chẳng chấp nhận, vứt bỏ toàn bộ. Thật thà, ngoan ngoãn nghe lời thì mới nên. Như vậy thì sẽ có thể thành tựu.

Hiện nay gặp khó khăn là vì hiện thời tự do, dân chủ, cởi mở, không ai có thể hạn chế được bất cứ một ai nên học rất nhiều, học rất tạp. Nghe lời thầy giảng ắt có so sánh, chuyện này phiền phức lắm. Do vậy, kẻ mới học phải học điều gì? Không học Giáo. Giáo thì có thể thảo luận. Phật pháp chủ trương nghiên cứu thảo luận, hy vọng quý vị sẽ nêu lên câu hỏi để cùng nhau nghiên cứu. Thế nhưng kẻ mới học không học Giáo, cũng không học Giải, kẻ mới học phải học Định, tức là học thanh tịnh cái tâm. Nói cách khác, trong tâm có nghi vấn, có phân biệt, có thành kiến, sẽ không đắc Định. Vì thế, mục đích là ở chỗ này. Chúng ta mới học Phật pháp thì dốc sức nơi Định. Giới là “thủ đoạn” (phương cách), do Giới đắc Định, mục tiêu là đắc

Định. Đắc Định rồi sẽ khai ngộ. Trước kia, cách dạy học của Nho Gia cũng giống như vậy. Phương pháp của họ cũng là tu Định; do vậy, tông chỉ dạy học của Nho Gia đối với Tiểu Học là “đắc Định”.

Hiện thời chúng ta rất ít nghe nói tới, [chứ trong] quá khứ, tôi học Tiểu Học, khi học Sơ Trung, các thầy lúc ấy thường cùng nhau chuyện trò. Chúng tôi vẫn còn nghe thầy nói trò nào có ngộ tánh, vẫn còn nghe nói như thế, nay thì hình như không nghe như vậy nữa. “Ngộ tánh” là nói về người có tâm địa thanh tịnh, người ấy có “thể ngộ” (thấu hiểu), trong Phật pháp chúng ta gọi là “khai ngộ”. Có tiểu ngộ, có đại ngộ, như vậy mới thật sự có hiệu quả. Tâm càng thanh tịnh, ngộ tánh càng cao. Giới luật Sa Di là Tiểu Học trong Phật pháp, tông chỉ tu học là Định, nhằm giúp cho quý vị tu tâm thanh tịnh. Tâm địa đạt đến mức độ thanh tịnh nhất định thì Phật pháp gọi là “pháp khí”, cũng có nghĩa là nói “người ấy có tư cách tiếp nhận Phật pháp”. Do đây biết được rằng: Năm năm Sa Di ấy hoàn toàn là công phu dự bị, là cơ sở để tu học Phật pháp, là sự chuẩn bị để tu học Phật pháp, Phật pháp dùng thời gian dài như thế để tạo nên cơ sở giáo dục ấy. Cơ sở được xây dựng vững vàng rồi, quý vị nghe kinh sẽ khai ngộ, sẽ lãnh ngộ, tham Thiền sẽ đắc Định, niệm Phật sẽ được Nhất Tâm. Nay chúng ta học Giáo chẳng thể khai ngộ, tham Thiền chẳng thể đắc Định, niệm Phật chẳng thể đạt Nhất Tâm, nguyên nhân là gì? Là vì học tràn lan, không xây dựng cơ sở kỹ càng. [Do vậy], quý vị mới hiểu cơ sở rất quan trọng.

Chúng ta muốn tương lai có thành tựu, tự mình có thành tựu cũng như có thể giúp đỡ người khác, tự hành hóa tha thì cơ sở của chúng ta nhất định phải hết sức ổn thỏa. Điều này phải cậy vào sự nỗ lực của chính mình, tự mình giác ngộ, tự mình nghiêm túc tu học. Do trong thời đại này chẳng thể có thầy nghiêm khắc đốc thúc, răn dạy như trước kia, cả xã hội tiến vào dân chủ, tự do, cởi mở; do vậy, đối với việc [xây đắp] cơ sở giáo dục [cho chính mình] ngày càng khó khăn, hoàn toàn phải cậy vào thiện căn của chính mình. Tự mình có thiện căn, tự mình hiểu rõ chuyện này, tự động, tự phát, chẳng thể cậy vào sự đốc thúc, chỉ dạy của thầy được nữa! Thầy thấy quý vị tự động tự phát đương nhiên rất vui mừng, sẽ toàn tâm toàn lực giúp đỡ quý vị. Không thể tự động tự phát thì cũng không làm sao được hết. Phải biết điều này!

Lại xem đến hàng thứ mười trong trang thứ bảy, câu cuối cùng: “*Phật tạng kinh vân*”, [nghĩa là] đây chính là điều được ghi trong kinh Phật: “*Bất tiên học Tiểu Thừa, hậu học Đại Thừa giả, phi Phật đệ tử*” (Nếu trước hết không học Tiểu Thừa rồi mới học Đại Thừa thì không phải là đệ tử Phật). Câu này luận về thứ tự tu học. Trước hết học Tiểu Thừa, sau đó học Đại Thừa, tức là chiếu theo thứ tự thuận, tu học theo lớp lang, như thế là đệ tử Phật. Nghe lời Phật, tôn trọng lời thầy giáo huấn, tôn sư trọng đạo, đây là đệ tử Phật.

Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc, vào giai đoạn đầu của các đời Tùy, đời Đường, Tiểu Thừa đã từng có lúc hưng thịnh, nhưng thời gian rất ngắn, không lâu. Về sau, pháp Tiểu Thừa mất hẳn tại Trung Quốc. Hiện thời ở Trung Quốc, những tông Tiểu Thừa như Thành Thật Tông^[10], Câu Xá Tông^[11] đã biến thành danh từ

lịch sử, không thấy đạo tràng Tiểu Thừa nữa. Giai đoạn đầu đời Đường còn có, về sau không còn. Thế nhưng kinh điển Tiểu Thừa trong Đại Tạng Kinh có thể nói là khá hoàn chỉnh vì hiện tại đem Tam Tạng Tiểu Thừa Nam Truyền so với những kinh Tiểu Thừa trong Đại Tạng Kinh Trung Quốc (chúng tôi không làm công việc này, có người khác làm, họ bảo cho tôi biết) thì chỉ sai khác với kinh điển Tiểu Thừa của chúng ta khoảng chừng hơn năm mươi mấy bộ. Nói cách khác, năm mươi mấy bộ ấy phân lượng quá nhỏ! Kinh luận Tiểu Thừa rất ngắn, gần như có chừng một, hai ngàn bộ. Giữa một hai ngàn bộ kinh [của hai tạng Hán Truyền và Nam Truyền] chỉ khác biệt năm mươi mấy bộ. Do vậy, có thể biết là chúng ta đã phiên dịch kinh điển Tiểu Thừa khá viên mãn. Nhưng hiện thời những kinh Tiểu Thừa không có ai đọc, chúng ta học tập kinh Tiểu Thừa làm cơ sở, đương nhiên không cần phải đọc hết toàn bộ kinh điển Tiểu Thừa. Đại Thừa phân tông phái, Tiểu Thừa cũng có thể chọn đọc. Trong quá khứ, khi chúng tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý cũng chọn ra mười mấy bộ kinh điển Tiểu Thừa dạy cho chúng tôi, như vậy là đủ rồi. Như hiện tại chúng ta đọc A Nan Vấn Sự Phật Cát Hưng Kinh, đây chính là kinh Tiểu Thừa, kinh Tiểu Thừa có thể chọn ra vài bộ để đọc.

Tiểu Thừa mất đi ở Trung Quốc là vì có nguyên nhân. Nguyên nhân ấy chính là vì người xưa đọc những sách vở của Nho Gia, Đạo Gia Trung Quốc, Khổng Tử, Lão, Trang. Những điều Khổng Tử, Lão, Trang nói quả thật không kém Tiểu Thừa. Nói cách khác, bị Nho Gia, Đạo Gia Trung Quốc thay thế. Do vậy, từ Nho, Đạo mà vào Phật pháp, chẳng cần phải học pháp Tiểu Thừa, trực tiếp tiến vào Đại Thừa, đạo lý là như vậy.

Trước kia, Tàng Kinh Lô (lầu trữ kinh) trong tự viện (nay gọi là Đồ Thư Quán) không chỉ có kinh Phật mà còn có kinh của Nho Gia, Đạo Gia, thậm chí đều có hết. Vì vậy, trước kia người có học trong thế gian đến đâu để đọc sách? Ở nơi đâu cất giữ nhiều sách vở như vậy để cho họ đọc? Tự viện! Chúng tôi đọc Phạm Trọng Yên Truyện, đọc Nghĩa Điền Ký [là những sách] kể về tiểu sử của Phạm Trọng Yên. Phạm tiên sinh lúc tuổi trẻ là một chàng Tú Tài đọc sách ở tự viện. Trong tự viện cất giữ rất nhiều sách vở hoàn bị, hầu như người đọc sách thời đó muốn tìm sách vở gì đều có thể tìm được nơi chùa miếu. Vì thế, Tàng Kinh Lô chính là thư viện. Người xuất gia đều đọc sách Nho Gia, những sách vở của Nho Gia họ đều đọc qua, đọc lan qua cả những sách của Đạo Gia, bách gia chư tử họ đều thông đạt. Đọc sách ở chùa miếu, không những tìm được sách vở rất thuận tiện mà còn nếu như có câu hỏi nghi nan nào, cũng có thể thỉnh giáo pháp sư. Pháp thế gian hay xuất thế gian pháp sư đều thông đạt, đều có thể hướng dẫn, đều có thể giúp cho người ta. Vì thế, chùa miếu chính là trường học, khác với hiện tại, khác hẳn! Đây chính là lý do vì sao Tiểu Thừa bị biến mất ở Trung Quốc.

Nhưng đến thời hiện tại, sách Nho gia cũng không đọc, sách Đạo gia chúng ta cũng không xem, lại coi thường Tiểu Thừa, vừa học Phật bèn vào thẳng ngay Đại Thừa, lẫn lộn với Đại Thừa suốt đời mà có thành tựu gì hay chăng? Nếu nói thành

tự thì đúng như Thanh Lương đại sư đã bảo: “*Tăng trưởng tà kiến*”. Thanh Lương đại sư nói như vậy đó. Nay chúng tôi nói cho dễ nghe hơn một chút thì là kiến thức Phật học rất phong phú giúp cho kẻ ấy ăn nói linh hoạt, giúp kẻ ấy viết lách. Ngoài trừ việc ấy ra, đối với đức hạnh, tu trì, tâm thanh tịnh, trí huệ, kẻ ấy hoàn toàn không có gì! Do vậy, chúng ta thường thấy người học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, khi chưa thông đạt Phật pháp, họ rất thật thà, rất kiên thành, nhưng hiểu được chút ít Phật pháp rồi bèn kiêu căng ngỗ mạn, coi thường người khác, vậy là sai mất rồi! Không những học Phật sai mà học Nho cũng sai luôn! Quý vị thấy Nho gia nói rất hay: “*Học vấn thâm thời ý khí bình*” (lúc học vấn sâu xa, tính tình điềm đạm). Học vấn của một người phải nhìn từ đâu? Tâm bình khí hòa thì người ấy có học vấn. Viết thì một tay văn chương lỗi lạc, giảng đến nổi hoa trời rơi lá tả, nhưng trong tâm ngạo nghễ, ngỗ mạn, ghen ghét, nóng giận, người ấy có học vấn hay chăng? Không có học vấn, đó là kiến thức nông cạn! Quý vị muốn tu học pháp thế gian, xuất thế gian vì sao tu học lại trở thành như vậy? Do đánh mất cơ sở, không chiếu theo cơ sở ấy để tu học!

Trước kia bậc Tiểu Học của Nho Gia học cuốn Ngũ Chung Di Quy[12] do Trần Hoảng Mưu biên soạn vào thời Thanh xưa kia. Trong quá khứ tôi đã từng bảo mọi người đọc; do đây, chúng ta có thể thấy tông chỉ dạy học của nền giáo dục Tiểu Học thời cổ quả thật là tu Định. Lúc tôi ở Đài Trung, thầy Lý chọn cuốn sách này làm sách tham khảo phải đọc trong việc tu thân. Trong quá khứ, tôi đã mua rất nhiều bản Ngũ Chung Di Quy, mua đến hai ba chục bản, mỗi người một bản, trước kia đã từng phát ra rồi, nay Ngũ Chung Di Quy cũng không thấy nữa, tôi thấy trong tủ sách cũng hoàn toàn không có cuốn này.

Nếu quý vị chẳng khéo dạy dỗ trẻ nhỏ thì cái đầu nhỏ bé của chúng cũng suy nghĩ lung tung. Làm thế nào để dạy chúng tu Định? Đương nhiên chẳng thể bắt chúng khoan chân ngồi yên. Trẻ nhỏ không ở yên một chỗ được thì có thể dạy nó học thuộc sách. Thuộc sách là tu Định ư? [Hề phải] học thuộc sách thì nó không thể suy nghĩ lung tung. Vì thế, Tứ Thư, Ngũ Kinh, bách gia chư tử, bộ nào cũng dạy chúng nó học thuộc, không giảng giải. Trước kia, từ bảy tuổi đến mười hai tuổi là Tiểu Học, những thứ học ở Tiểu Học là quét dọn[13], ứng đối, toàn là học làm người như thế nào, nói năng như thế nào. Giáo dục Tiểu Học nhắm vào đức hạnh, ngôn ngữ, mỗi một cử chỉ hành động phải có quy củ, nói năng phải có chừng mực. Do được huấn luyện như vậy, những đứa nhỏ mười một, mười hai tuổi ấy rất giống với người lớn, chúng cũng có oai nghi, mỗi một cử chỉ đều chững chạc. Đây là giáo dục về cách sống, dưỡng thành từ nhỏ. “*Tiểu thành nhược thiên tánh*” (tập thành từ nhỏ nên giống như là bẩm sinh vậy). Bồi dưỡng tập thành từ nhỏ, nên giống như được thiên phú. Từ nhỏ đã được bồi dưỡng giáo dục cách sống, hầu hạ phụng sự cha mẹ như thế nào, cư xử với huynh trưởng ra sao, quan hệ giữa người và người được dạy rất rõ ràng, phân chia vai vế rất rành mạch, hiểu được lễ tiết. Đây chính là cơ sở thật sự của xã hội trật tự, gia đình hòa thuận, xã hội an định. Ngoài ra là đọc sách, đọc

sách phải học thuộc, thầy phải dạy từng câu. Do vì sách thời cổ không có ký hiệu chấm câu; lúc đọc, thầy chấm câu cho nó. Hiện thời, quý vị thấy [những tác phẩm] trong Tứ Khố Toàn Thư không có ký hiệu chấm câu. Do vậy, lúc đọc thầy phải dùng bút đỏ để khuyên[14] từng câu, dạy đọc từng câu. Đó là vì trước kia sách vở không chia thành từng đoạn, [mỗi đoạn] có tựa đề nhỏ (tiểu tiêu đề) giống như hiện thời. Chẳng hạn kinh Vô Lượng Thọ của chúng ta được chia thành bốn mươi tám đoạn, mỗi đoạn đều có tựa đề. Xưa kia không có, cách này do người đời sau đặt ra. Vì thế, thầy phải dạy đọc từng câu, rồi đốc thúc trẻ nhỏ học thuộc.

Trước kia, tiêu chuẩn đọc sách là đọc đến mười lượt mà chưa thuộc được thì có nghĩa là đứa trẻ ấy chưa thể dạy [như vậy] được, nó chưa tiếp nhận được. Vậy thì làm sao? Mỗi người thiên phú khác nhau. Xưa kia trong mỗi buổi học, đứa trẻ nào thiên phú tốt, căn tánh lanh lợi, thông minh, mỗi một ngày có thể dạy cho nó số lượng nhiều hơn một chút, có thể cho nó học mười dòng, học hai mươi dòng. Hai mươi dòng là một trang, mỗi một trang của chúng ta đây là hai mươi dòng. Khi đọc hai mươi dòng đó mười lượt mà đứa trẻ ấy nhất định thuộc được, tức là với sức nó, có thể dạy cho nó hai mươi dòng. Mười lần không thuộc thì giảm bớt đi, dạy mười dòng thôi. Nếu mười dòng vẫn không thuộc được thì dạy năm dòng. Năm dòng vẫn không thể thuộc thì dạy ba dòng, dùng phương pháp ấy. Do đó, một vị thầy thường dạy mười, hai mươi đứa học trò, mỗi trò đọc mấy dòng khác nhau tùy theo năng lực của từng đứa. Nếu năm sáu lần nó đã thuộc thì là đứa có thiên phận (bẩm tánh) tốt, thầy phải đốc thúc nó học một trăm lần, phải đọc cho lớn tiếng, như vậy thì nó sẽ vĩnh viễn không quên. Đứa kém hơn, thiên tư tệ hơn một chút, nhất định phải đọc tới mười lần mới thuộc được thì thầy phải đốc thúc nó đọc hai trăm lần. Do vậy, căn tánh so ra kém cõi hơn một chút thì phải siêng năng, phải học nhiều hơn; như câu nói: “*Nhân nhất năng chi, kỳ thập chi*”, [tức là] người ta một lần là được, mình phải dụng công mười lần, dùng siêng năng để bù vụng về, thầy đốc thúc trò học nhiều lần hơn.

Đến hôm sau vào lớp, trước buổi học, phải nhắm lại những bài hôm trước một lượt rồi mới học bài ngày hôm nay. Như vậy, ngày nào cũng phải ôn luyện bài hôm trước, ngày ngày đều phải nhắm lại bài hôm trước, đem những điều đã được dạy lần trước nhắm lại hết một lượt. Học tới hết cuốn sách đó, phải đọc lại những phần trước một lượt rồi mới cho quý vị học cái mới. Vì thế, ngày ngày phải nhắm lại sách, ghi nhớ vào tâm. Sách nhất định không giảng, không có ý nghĩa gì cả, học trò nhỏ không hiểu được đạo lý ấy, mục đích nhằm huấn luyện cái Định, huấn luyện kỷ ức, cho nên dùng phương pháp này.

Đại khái đến năm mười hai tuổi, đứa nào thiên phận tốt thì đã đọc mười ba kinh[15], đọc tác phẩm của chư tử. Tác phẩm của chư tử phải chọn lựa. Rồi lại còn học một phần Sử, tức là đọc hai mươi lăm bộ sử. Hai mươi lăm bộ sử ấy không thể đọc toàn bộ, cũng phải chọn lựa, hoặc là đọc Cương Giám Dị Tri Lục[16], tức là sách viết về đại cương lịch sử Trung Quốc. Nếu là đứa có thiên phận cao, có căn bản

thì đọc bộ Thông Giám Tập Lãm[17], mọi thứ đều phải đọc thuộc. Từ năm bảy đến mười hai tuổi liền hoàn thành toàn bộ. Quý vị hỏi nó câu nào nằm trong cuốn sách nào, trang thứ mấy, dòng thứ mấy nó đều biết cả. Đúng là thuộc như ý. Nó không khởi vọng tưởng, tâm định rồi. Do vậy, xưa kia cổ nhân lúc mười hai, mười ba tuổi, tâm rất thanh tịnh, rất định, do dùng phương pháp này để huấn luyện vậy.

Bây giờ khó lắm, hoàn cảnh quá tệ hại. Trẻ nhỏ hiện thời đều coi TV, chơi video game, bảo chúng nó học thuộc sách chúng không thể làm được: “Ai cũng đi chơi hết, kêu mình con đọc sách thôi à!”, nó bèn không làm. Hoàn cảnh hiện thời đã khác hẳn, quá khác biệt so với hoàn cảnh dạy học xưa kia. [Thế nên] quý vị hiểu cổ nhân vì sao có thể khai ngộ, vì sao có thể chứng quả. Con người hiện tại rất thông minh, hết thầy hoàn cảnh đều tốt đẹp hơn trước, vì sao tu mấy chục năm vẫn không thể khai ngộ, không thể chứng quả, nay quý vị đều thấy rõ ràng, quý vị hiểu được căn bệnh phát sanh từ đâu. Cổ nhân tôn sư trọng đạo, thầy dạy sao trò học vậy, thật thà đọc sách, thật thà học thuộc sách. Do vậy, giai đoạn Tiểu Học chính là học Định.

Học Huệ thì Huệ là gì? Đọc, đọc rất thuộc thì gọi là Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Kinh Bát Nhã giảng là “*Bát Nhã vô tri*”, vô tri là Căn Bản Trí. Trước hết là vô tri, cái gì cũng đều học thuộc hết, cái gì ta cũng không hiểu, hoàn toàn là học cho thật thuộc lòng. Thời cổ trường học không có bậc Trung Học, học Tiểu Học xong liền lên Thái Học, nay chúng ta gọi Thái Học là Đại Học. Tiểu Học kết thúc, mười ba tuổi bèn vào Thái Học. Trong Thái Học dạy những gì? Giảng giải, nghiên cứu, thảo luận. Chẳng hạn như giảng giải Tứ Thư, nghiên cứu, thảo luận Tứ Thư, không đọc thuộc, hoàn toàn là giảng giải. Cổ nhân nói “*đọc sách vui*”, thật vui sướng lắm! Giảng giải là thầy dẫn cả đám học sinh hàng ngày du sơn ngoạn thủy, “*có việc học trò phải ra sức*”, thầy ngồi xe, học trò phải đẩy xe cho thầy, chuẩn bị rượu, thức ăn lên đường du hành. Vì sao? Thầy lẫn trò đã thuộc lòng những sách vở ấy rồi, mọi người chẳng cần phải mang theo sách. Giảng đến chương thứ mấy, trang thứ mấy, vừa đi vừa nghiên cứu, thảo luận, đi rong chơi cả hai ba tháng, là dạy xong khóa trình ấy. Xưa kia học hành vui vẻ chứ không khổ sở như hiện thời, [quá trình học] được chia thành hai giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là học thuộc sách, giai đoạn thứ hai là giảng giải. Lúc nhỏ không hiểu chuyện thì chuyên học thuộc; đến năm mười ba, mười bốn tuổi trí huệ mở mang, có thể nghiên cứu, thảo luận. Cách dạy học ấy quả thật cao minh hơn cách dạy học hiện thời nhiều lắm!

Từ khi [chế độ] Dân Quốc được thành lập đến nay, lối dạy học truyền thống của Trung Quốc bị phê bỏ, chọn theo cách giáo dục của Tây Phương, tệ hẳn đi. Căn Bản Trí không có, Hậu Đắc Trí khởi cần bàn đến nữa! Căn Bản Trí là vô tri, Hậu Đắc Trí là Vô Sở Bất Tri (không gì không biết). Quý vị thấy trong cách dạy học trước kia: Trẻ con mới mười mấy tuổi, chưa đến hai mươi tuổi (hai mươi tuổi sẽ làm lễ Gia Quan, tức lễ đội mũ), đi thi đậu Cử Nhân, đỗ Tiến Sĩ (Cử Nhân là thi ở tỉnh, Tiến Sĩ là thi ở cấp quốc gia), thường được phái đi làm quan, mười mấy tuổi đã làm huyện trưởng, làm huyện thái gia (ông quan huyện)! Người ta coi sóc việc cai trị có lớp

lang, hợp lý. Nay những đứa trẻ mười mấy tuổi, chuyện gì cũng không biết! Phương pháp, chế độ giáo dục khác nhau, thấu được hiệu quả khác nhau.

Tại Đài Loan, ông Trương Linh soạn bài Tổng Thống Kỷ Niệm Ca cũng là một Phật giáo đồ kiên thành. Trong quá khứ, khi tôi giảng kinh, hai vợ chồng ông mỗi buổi đều đến nghe, chưa hề thiếu buổi nào. Nay hai vị đều đã khuất bóng cả rồi. Cư sĩ Trương Linh năm mười chín tuổi làm huyện trưởng, [trong số những người] làm huyện trưởng dưới thời Dân Quốc, e rằng ông ta là người trẻ tuổi nhất. Đây là cách dạy dỗ giáo dục khác nhau, phương thức khác nhau; cho nên chúng ta hiểu trước kia giáo dục của Nho Giáo và Phật giáo tốt đẹp, quá tốt đẹp! Quý vị chiếu theo phương pháp ấy mà tu học, có thể nói là những hạng thiên bẩm từ bậc trung trở lên đều có thể thành tựu. Vứt bỏ, không chiếu theo quy củ ấy, không chiếu theo quy củ sẽ không thành vương - tròn[18] được! Nhất định phải tuân thủ quy củ!

Hiện tại chúng ta có cần bắt đầu học từ Tiểu Thừa hay chẳng? Vấn đề này hết sức nghiêm túc, phải xây dựng cơ sở từ đây. Do vậy, chúng tôi buộc mọi người đọc Tứ Thư, tôi định ra bảy môn học cho các đồng tu Tịnh Tông. Trong bảy môn học ấy, ba môn là căn bản của Tông chúng ta: Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh Yếu Giải và Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, tức là chọn ra ba kinh quan trọng nhất trong năm kinh. Tôi chọn lựa như vậy, không bàn bạc mà hợp ý các cụ Hạ Liên Cư, Hoàng Niệm Tổ. Chúng tôi không thương lượng trước, tôi chọn lấy những bộ đó, họ cũng chọn các bộ ấy. Ngoài ra, thêm vào bốn thứ tương đương những kinh luận của Tiểu Thừa. Về kinh Tiểu Thừa, chúng tôi chọn bộ A Nan Văn Sự Phật Cát Hung Kinh; ngoài ra, chúng tôi chọn Tứ Thư của Nho Gia Trung Quốc, Liễu Phàm Tứ Huấn và Cảm Ứng Thiên Vựng Biên. Gộp lại, tổng cộng có bảy loại. Nho, Phật, Đại, Tiểu Thừa đều có, phân lượng không nhiều. Thật sự từ bảy môn này mà thâm nhập, đủ cho chúng ta dùng suốt cả một đời rồi! Sau đây, thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, không ai không thành tựu.

Chúng tôi chọn hai bộ sách Liễu Phàm Tứ Huấn và Cảm Ứng Thiên Vựng Biên thay cho Giới Luật. Đương nhiên hiện thời mọi người phát tâm học Sa Di Luật Nghi Yếu Lược là chuyện hết sức khó có. Y theo bộ Sa Di Luật Nghi Yếu Lược này mà tu học thì nói cách khác, chúng ta có thể bỏ qua Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và Liễu Phàm Tứ Huấn, một bộ Sa Di Luật Nghi này có thể thay cho hai bộ sách kia, chúng ta phải nghiêm túc học tập bản luật này.

Nhưng tôi hy vọng mọi người phải thông thuộc hai bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và Liễu Phàm Tứ Huấn, vì sao? Chúng có thể giúp cho các đồng tu tại gia, có thể phổ cập trong xã hội. Đặc biệt là Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên đều do người Hoa viết. Người Hoa đọc sách của người Hoa sẽ cảm thấy đặc biệt thân thiết, vui lòng thọ trì. Chúng ta phải thấu hiểu, phải biết rõ điều này. Vì thế, Ấn Quang đại sư không đề cao Giới Luật mà lại hướng về quảng đại xã hội đề cao Liễu Phàm Tứ Huấn và Cảm Ứng Thiên, thấu được hiệu quả rất tốt, khiến cho mọi người hiểu rõ nhân quả, tin sâu nhân quả, đoạn ác tu thiện.

Liễu Phạm Tứ Huấn dạy quý vị nhận thức nhân quả, tin sâu nhân quả. Cảm Ứng Thiên dạy quý vị đoạn ác tu thiện. Cảm Ứng Thiên viết về tiêu chuẩn thiện - ác. Nói cách khác, tông chỉ của hai bộ sách này là “*Chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Sa Di Luật Nghi Yếu Lược cũng thuộc về loại này. Giống như mấy câu quan trọng, chúng ta nhớ được mấy câu là được rồi, thường dùng mấy câu đó để phản tỉnh, kiểm điểm, đó là chân chánh tu hành. Chúng ta lại xem tiếp đoạn kinh văn thứ năm kể đó:

Ngũ: Nhân thủ Thập Giới, lược giải số ngũ.
(*Năm, do giữ Thập Giới, lược giải mấy lời*)

Do vì những đạo lý trên đây là tiêu chuẩn giáo học nhà Phật, là nguyên tắc của giáo học Phật giáo; căn cứ vào những nguyên tắc này, lấy Thập Giới làm tiêu chuẩn, thêm vào những giải thích đơn giản, nên gọi là “*Lược Giải*”. Liên Trì đại sư soạn lược giải, Hoàng Tán đại sư soạn lời giải thích chi tiết. Như vậy, những lời chú thích ở dưới là của Hoàng Tán đại sư [19] chú thích thêm. Hoàng Tán đại sư là người đời Thanh, sợ chúng ta xem Lược Giải vẫn chưa thể thấu hiểu ý nghĩa của kinh, chẳng biết thực hiện từ chỗ nào. Do vậy, Ngài chú giải tường tận cho chúng ta. Chúng ta thấy Liên Trì đại sư soạn phần Lược Giải rất văn tắt, không đầy mấy trang, thấy phần Tăng Chú (chú thích bổ sung) chú thích rất nhiều. Những dòng in theo lối “đánh cách” đều là do đại sư Liên Trì đã viết, tức là phần Lược Giải. Những dòng in thấp xuống một chữ chính là lời Tăng Chú của Hoàng Tán đại sư.

Lục, sử môn học tri sở hướng phương.
(*Sáu, để kẻ mới học biết được phương hướng*)

“*Môn học*” tức là sơ học. Những kẻ sơ học chúng ta biết được phương hướng, biết tông chỉ tu học, biết phải dụng công từ nơi đâu. Điều này quả thật rất quan trọng.

Thất, hảo tâm xuất gia giả, thiết ý tuân hành, thận vật vi phạm.
(*Bảy, kẻ hảo tâm xuất gia, dốc ý tuân hành, cẩn thận chớ vi phạm*)

Đoạn văn này hết sức khẩn yếu. Cả ba câu đều rất quan trọng. “*Hảo tâm*” là chân chánh phát tâm, “*xuất gia*” vì để liễu sanh tử, vì độ chúng sanh. Đây là hảo tâm xuất gia; chứ chẳng phải vì trốn tránh thực tại mà xuất gia, chẳng phải vì ở trong thế gian bị đủ mọi vùi dập, [vì bị thất bại mà xuất gia] thì gọi là “*tiêu cực*”. Không phải vậy, hảo tâm xuất gia là tích cực, đối với Phật pháp có trình độ hiểu biết, giác ngộ khá. Trong các nghề nghiệp của thế gian, chúng ta chọn lựa nghề nghiệp này, chúng ta biết trong hết thảy các nghề nghiệp hiện thời, nghề nghiệp này thù thắng nhất. Đây là hạnh nghiệp giác ngộ, là hạnh nghiệp liễu sanh tử, xuất tam giới, giúp cho hết thảy

chúng sanh giác ngộ, giúp cho hết thảy chúng sanh liễu sanh tử, xuất tam giới. Hạnh nghiệp này chính là hạnh nghiệp vĩ đại nhất, tích cực nhất. Chúng ta phát tâm theo đuổi công tác giáo dục Phật giáo, tuyệt đối chẳng phải là tiêu cực, tuyệt đối chẳng phải là trốn tránh hiện thực xã hội, người thế gian không hiểu đạo lý này, hiểu lầm Phật pháp, nhìn thành ra như vậy đó!

Đương nhiên, quả thật có không ít những kẻ vì trốn tránh hiện thực xã hội mà xuất gia, tạo thành khá nhiều hiểu lầm cho người khác. Những kẻ ấy chúng ta không bàn đến; còn bản thân chúng ta xuất gia là vì lẽ gì? Chúng ta hiểu rõ, chúng ta nhận thấy nền giáo dục này tốt đẹp, có giá trị, phải nên hoằng dương cho rộng rãi, rộng lớn, đáng tiếc không có ai làm! Không có ai làm thì mọi người không biết, không hiểu, không nhận thức. Chúng ta hiểu rõ, hiểu trọn vẹn, nhận thức thì bản thân chúng ta phải gánh vác trách nhiệm, nghiêm túc nỗ lực làm, làm cho tốt. Chúng ta xuất gia là vì vậy!

Phát tâm xuất gia như thế, quý vị nhất định phải tôn sư trọng đạo. Chúng ta đọc cuốn sách này thì Liên Trì đại sư là thầy của chúng ta, Hoằng Tán đại sư là thầy của chúng ta, chúng ta phải tôn trọng những giáo huấn của các Ngài trong cuốn sách này. Chúng ta phải kính trọng thầy, phải tôn trọng lời các Ngài giáo huấn, phải chú tâm lãnh hội nghiên cứu, y giáo phụng hành. Đây là tôn sư trọng đạo. Do vậy, phải “*thiết ý tuân hành*” (độc ý tuân hành), dùng ý chí khẩn thiết tuân thủ phụng hành. “*Thận vật vi phạm*” (cẩn thận chớ vi phạm): Chẳng được trái nghịch, chẳng được vi phạm lời thầy giáo huấn. Lại xem tiếp đoạn thứ tám:

Bát, nhiên hậu cận vi Tỳ Kheo giới chi giai thể, viễn vi Bồ Tát Giới chi căn bản.

(Tám, sau đây gần thì là bậc thang cho giới Tỳ Kheo; xa thì là căn bản cho giới Bồ Tát)

Đây là ba giai đoạn. Cơ sở trong giai đoạn thứ nhất không tốt thì đừng mong chi giai đoạn thứ hai, giai đoạn thứ ba càng khỏi cần phải nói đến nữa. Do vậy, phải khéo tu giai đoạn này mới có thể tiếp nhận giới Tỳ Kheo. Giới Tỳ Kheo tu tốt đẹp rồi mới có thể tiếp nhận giới Bồ Tát. Đây là ba giai đoạn, ba bậc thang. Chúng ta chân tu, không trọng hình thức. Do vậy, mọi người hảo tâm xuất gia, “chúng tôi muốn mau được thọ Tam Đàn Đại Giới, ngay lập tức làm Bồ Tát”, ấy là giả, không thật đâu! Chúng ta làm Sa Di suốt đời trọn chẳng nhục nhã, chúng ta tu thật, chúng ta là Sa Di thật sự, còn họ là Bồ Tát giả, khác hẳn! Do vậy, thực hiện công phu chậm chạp, thật thà, chất phác nơi cơ sở mới là chân thật. Đoạn tiếp theo nói:

Cửu, nhân Giới sanh Định. Nhân Định phát Huệ. Thứ kỷ thành tựu thánh đạo, bất phụ xuất gia chi chí hỷ.

(Chín: Nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ. Ngõ hầu thành tựu thánh đạo, chẳng phụ chí xuất gia)

Đây là thứ tự. Trình bày thứ tự thật rõ ràng, minh bạch. Do vậy, cơ sở của chúng ta là Giới - Định. Sa Di Luật Nghi là tu đại căn bản Giới và Định. Tu Giới và Định ấy nơi đâu? Tu trong cuộc sống hằng ngày, tu nơi khởi tâm động niệm. Đó gọi là tu hành! Chứ không phải mỗi ngày cầm lên đọc mấy biến là tu hành, không phải vậy! [Tu Giới] nơi khởi tâm động niệm, xử sự, đãi người, tiếp vật, tu Giới trong ấy. Giới là tuân thủ quy củ, hết thấy đều làm đúng pháp. Tu Định như thế nào? Tu tâm thanh tịnh trong những điều ấy. Tôi vừa mới trình bày cùng quý vị rồi đó: Hai mươi bốn môn oai nghi là những khuôn mẫu sanh hoạt, mà cũng là cuộc sống thường nhật, chúng ta phải dùng những tâm thái gì để đối xử với con người, đối sự, đối vật.

Tuy trên văn tự nói là “sự sư” (thờ thầy), tức là đối với thầy, nhưng theo như hết thấy các kinh dạy thì là đối với Phật, Phật đại biểu cho đại chúng. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên dạy “*lễ kính chư Phật*”, chư Phật là ai? Hết thấy chúng sanh đều là chư Phật. Không chỉ hữu tình chúng sanh là chư Phật, mà vô tình chúng sanh cũng là chư Phật. Bàn ghế, thực vật, khoáng vật đều là chư Phật. Hữu tình chúng sanh có Phật Tánh là chư Phật, vô tình chúng sanh có Pháp Tánh, cũng là chư Phật. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình và vô tình, đồng viên chủng trí*”. Lấy Phật làm đại biểu, đối với đức Phật chúng ta cung kính nhất thì đối với hết thấy mọi người cũng phải có cùng một cái tâm cung kính giống hết như vậy. Đối sự, đối vật quyết định không có sai khác, cùng một cái tâm cung kính.

Hai mươi bốn Oai Nghi được nói đến ở đây chính là những khuôn mẫu sanh hoạt thường nhật. Sách này dạy “thờ thầy”, thì Thầy ở đây cùng một ý nghĩa với chữ Phật được nói trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Chúng ta tôn kính thầy, dùng cùng một cái tâm tôn kính thầy đối với hết thấy đại chúng, đối với hết thấy mọi người, đối với hết thấy sự, đối với hết thấy vật thì quý vị mới biết học Phật! Cung kính Phật, cung kính thầy, nhưng những ai không phải thầy mình bèn khinh mạn họ một chút là trật rồi! Làm sao quý vị đắc Định cho được? Làm sao quý vị đạt cái tâm thanh tịnh cho được? Do vậy, kinh nói đến Phật, nói đến thầy là nói đến đại biểu. [Hiểu] như vậy mới là đúng.

Đoạn văn này nêu rõ thứ lớp, thứ tự theo chiều thuận, mục tiêu tu học. Chúng ta dựa vào mười giới, hai mươi bốn oai nghi này, chúng đều nằm trong một chữ Giới. Dựa vào phương pháp này mới hồng đắc Định, đắc tâm thanh tịnh, đắc Căn Bản Trí. Đắc Định xong rồi mới có thể nghe kinh, mới có thể tham Thiền, mới có thể niệm Phật, mới có thể học rộng nghe nhiều, thành tựu Hậu Đắc Trí cho chính mình. Hậu Đắc Trí không gì không biết: “*Bát Nhã vô tri, không gì không biết*”. Do vậy, trước hết phải đạt được Vô Tri, sau đây mới sẽ không gì không biết. Thứ tự thuận này chẳng được đảo lộn. Nếu đảo lộn thì Căn Bản Trí không có, Hậu Đắc Trí hoàn toàn

không có. Chẳng thể coi tà tri tà kiến là “không gì không biết”; nếu vậy là làm lần quá đỗi rồi! “Không gì không biết” là Chánh Tri Chánh Kiến, phải hiểu điều này!

Hôm nay chúng tôi giảng đến đây. Những điều này không cần giảng nhiều, quan trọng là phải thật sự thấu hiểu được ý nghĩa, hiểu rõ chúng ta nên làm như thế nào? Tu học như thế nào thì sẽ đạt được lợi ích lớn lao ấy!

Phần 3:

Xin xem đoạn mười thuộc trang chín. Câu cuối cùng trong phần chú giải cho đoạn chín chính là một câu nói của Đàm Nhất^[20] luật sư: “*Tam thế Phật pháp, Giới vi căn bản, bản chi bất tu, đạo viễn hồ tai*” (Giới là căn bản, không tu cái gốc thì xa cách đạo lắm thay). Câu này rất quan trọng. Trong cả một đời này, chúng ta thường nghe nói: “*Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn*” (Thân người khó được, Phật pháp khó nghe). Được thân người, nghe Phật pháp, quả thật chẳng dễ dàng, quả thật là may mắn lớn lao. Trong kinh thường nói đến điều này, như bài kệ Khai Kinh có câu: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp gỡ!), cổ đức nói: “*Vô lượng kiếp lai hy hữu nan phùng đích nhân duyên*” (Nhân duyên hy hữu khó gặp được từ vô lượng kiếp đến nay). Những câu nói ấy không giả chút nào hết! Nhưng mọi người thường rất hồ hững, rất vô tâm bỏ lỡ qua, không để ý đến! Nói cách khác, hoàn toàn chẳng thể nghiệm tánh chân xác, tánh trọng yếu của những câu nói này. Nếu ai thật sự hiểu rõ, người ấy nhất định quý tiếc cuộc đời này vô cùng, cuộc đời này cũng là một cơ duyên, cơ hội cho chúng ta phá mê khai ngộ, liễu sanh thoát tử. Chúng ta gặp được cơ hội thì phải làm sao mới có thể vượt thoát luân hồi lục đạo, thật sự liễu sanh thoát tử? Nhất định phải y giáo phụng hành! Nếu tự cậy mình thông minh, tự mình muốn làm theo một cách [riêng] thì uổng phí công phu, mà cũng là kẻ cuồng vọng, ngu si như người xưa đã nói! Không thể tin tưởng, đây là ngu si! [Tuy] tin tưởng nhưng ý mình thông minh, muốn làm theo cách khác, đây là cuồng vọng! Hai điều ấy đều là nguyên nhân gây nên thất bại.

Mấy câu nói này của Đàm Nhất luật sư hết sức hay: “*Tam thế chư Phật*” là quá khứ, hiện tại, vị lai. “*Giới vi căn bản*” (Giới là căn bản): Giới ở đây được dùng theo nghĩa rộng, không phải là [hiểu theo] nghĩa hẹp, nhất định phải hiểu cho rõ ràng! Theo nghĩa rộng, điều quan trọng nhất là phải tuân thủ lời thầy dạy răn, đó chính là cái mà xưa kia chúng ta gọi là “*sư thừa*”. Học như thế nào? Mới học, nhất định phải học theo một người thì quý vị mới có thành tựu, đây gọi là “*học theo một nhà*”. Vừa bắt đầu liền học rất nhiều mà nghiêm nhiên có thành tựu thì những người thành tựu ấy đều là thiên tài, là bậc tái lai, chắc chắn không phải là phàm phu. Xem trong lịch sử, chúng ta thấy người vừa bắt đầu bèn học rộng nghe nhiều, được thành tựu thì trong lịch sử có lẽ chỉ có một mình Vĩnh Gia thiên sư. Vĩnh Gia là thiên tài, vừa bắt đầu Ngài đã nghe rất nhiều pháp sư giảng kinh thuyết pháp. Trước ngài Vĩnh Gia, sau ngài Vĩnh Gia, chúng ta đều chưa từng thấy [có ai được như vậy]. Ngài đúng là

một bậc thiên tài. Ngài đến gặp Lục Tổ, Lục Tổ ấn chứng cho Ngài, vấn đề được giải quyết ngay khi ấy. Được ấn chứng rồi, Ngài bèn muốn đi ngay, Lục Tổ giữ ở lại một đêm, bảo Ngài: “Vì sao ông đi lẹ như thế? Hãy ở lại một đêm!” Do đó, Ngài bèn ở lại Tào Khê một đêm, đây chính là câu chuyện “*nhất túc giác*” (một đêm giác ngộ) rất nổi tiếng của Thiền Tông. Vị này là bậc tái lai, là thiên tài, chúng ta không thể học theo được, chúng ta không phải là thân phận ấy, không có tư cách đó. Vì thế, nhất định phải thật thà học theo một người, học theo lời dạy của một nhà mà thôi!

Hiện thời, khó gặp được thiện tri thức, chúng ta học với ai? Ai là thiện tri thức chân chánh? Ai có năng lực chỉ dạy chúng ta? Trong tâm chúng ta khâm phục ai? Nếu chẳng phải là người trong lòng chúng ta ngưỡng mộ nhất, dù người ấy đã thành Phật rồi hay là bậc tái lai thì quý vị theo người ấy suốt đời cũng vô dụng! Người ấy cái gì cũng không thông, đạo đức, học vấn đều không có, nhưng quý vị hết sức tôn trọng người ấy, hết sức kính ngưỡng thì quý vị học với người ấy sẽ được thành tựu. Do đây, biết được rằng: Trong sự thành tựu tu học của một người thì thầy dạy là thứ yếu, quan trọng nhất là thái độ tu học của chính mình, có thể thành tựu hay không là do chính mình quyết định.

Trong kinh Phật cũng có câu chuyện nhỏ thế này. Đây cũng là chuyện thật xảy ra tại Cổ Ấn Độ: Có một vị xuất gia muốn cầu đắc quả A La Hán, có một vị xuất gia khác biết được, bèn cọt bảo ông ta: “Tôi có thể truyền pháp cho ông. Tôi truyền cho ông thì ông phải lo rượu ngon, thức ăn ngon để cúng dường tôi!” Vị xuất gia ấy thật sự đem y bát, hành lý bán sạch hết, chuẩn bị rượu ngon, những món thức ăn ngon để cúng dường người kia, mời ông ta xơi. Ăn uống xong, vị pháp sư cọt nhà ngồi trong phòng, kê vị kia ngồi xôm trong một góc phòng, cầm trái banh da ném vào đầu, kê: “Ông chứng quả Tu Đà Hoàn rồi!” Chọc ghẹo vị ấy như vậy, vừa ném vị ấy thì Ngài bèn thật sự chứng đắc! Được! Lại đổi sang góc khác, lại ném banh vào Ngài lần nữa, nói: “Ông chứng đắc Nhị Quả rồi!” Ném banh cả bốn góc xong, nói: “Ông chứng đắc A La Hán rồi!” Vị xuất gia kia lập tức dập đầu, cảm tạ ân đức pháp sư. Vị pháp sư đùa cọt bảo: “Tôi giỡn chơi với ông thôi mà!” Vị xuất gia kia nói: “Tôi thật sự chứng đắc rồi!”

Nguyên nhân nào vậy? Tổ Ấn Quang giảng: “*Thập phần cung kính đắc thập phần lợi ích*” (Mười phần cung kính được mười phần lợi ích). Do vậy, thành tựu của một cá nhân là do sự chân thành của chính mình, không chút dính dáng gì đến thầy cả! Tục ngữ Trung Quốc cũng có câu: “*Có học trò Trạng Nguyên, chứ không nghe nói có thầy của Trạng Nguyên*”. Thầy là Tú Tài, học trò đậu Trạng Nguyên, đó gọi là “*thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (màu xanh phát xuất từ chất chàm, nhưng lại trội hơn chất chàm). Chưong ngại lớn nhất cho đạo và học là gì? Chính là tâm khinh mạn, không cung kính. Chư Phật Như Lai ở nơi đây, quý vị không tin tưởng các Ngài, xem thường, không tôn trọng thì quý vị đều không đạt được! Quý vị tôn trọng kẻ ngu, kẻ ác thì quý vị sẽ thành tựu đạo nghiệp trong tay họ.

Như vậy thì thiện tri thức ở chỗ nào? Thiện tri thức phải cầu từ lòng chân thành, cung kính của chính mình, hết thấy mọi người đều là thiện tri thức. Năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm đã chỉ ra rõ ràng cho chúng ta. Trong năm mươi ba lần tham học ấy, trên thực tế là dạy chúng ta đối với các nghề nghiệp, nam - nữ - già - trẻ trong xã hội, nếu quý vị dùng lòng chân thành, cung kính cầu pháp để tiếp xúc họ thì đều có thể tăng cao địa vị Bồ Tát của chính mình. Quý vị xem năm mươi ba vị ấy là những người như thế nào? Trong số đó có ngoại đạo, ngày nay chúng ta nghe nói đến ngoại đạo bèn xem thường, khinh rẻ, làm rồi! Phật pháp tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu tâm chân thành. Năm mươi ba lần tham học dạy chúng ta “*trải qua sự việc để luyện tâm*”, thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng được, thiện duyên cũng tốt, ác duyên cũng xong, chúng ta tu hành tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng từ trong ấy, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

Do vậy, cảnh giới thiện - ác, cảnh duyên thiện - ác không gì chẳng phải là thiện tri thức, tâm của chính chúng ta thanh tịnh rồi, bình đẳng rồi thì tất cả hết thấy mọi người, cảnh giới thiện - ác đều là cảnh giới Phật. Trong mắt Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật; trong mắt phàm phu thấy hết thấy Phật, Bồ Tát đều là phàm phu. Đây là sự thật! Chúng ta tạc hình tượng Phật, Bồ Tát; người không học Phật đối với những hình tượng ấy chẳng có chút cung kính nào, coi đó là những ngẫu tượng bằng đất nặn, gỗ khắc. Do vậy, trong mắt phàm phu, Phật, Bồ Tát đều là phàm phu, Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. Khi nào quý vị thành Phật? Lúc nào quý vị thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật, quý vị bèn thành Phật! Thấy hết thấy chúng sanh tâm đều thanh tịnh, tâm người lành thanh tịnh, tâm kẻ ác cũng thanh tịnh, không có gì không thanh tịnh thì quý vị đã thanh tịnh được cái tâm rồi! Tu hành thì phải tu ở chỗ này.

Ở đây nói “*Giới là căn bản*”, Giới ở đây là nghĩa rộng, không phải nghĩa hẹp, nhất định phải tuân thủ lời răn dạy của thầy, tuân thủ phương pháp của thầy. Nếu thầy thật sự có trí huệ, có thiện xảo, có hiểu biết, ông ta cũng sẽ không bó buộc, đòi hỏi quý vị vô lý, không bao giờ có chuyện đó! Thời xưa, thầy ước thúc học trò theo nguyên tắc chung là năm năm, nhưng năm năm cũng không phải là nhất định, có thể dài hơn hay ngắn hơn, hoàn toàn tùy thuộc vào sự thành tựu trong tu học của học trò. Học trò căn cơ nhạy bén thì thời gian rút ngắn lại, chẳng hạn như Vĩnh Gia thiền sư tôi mới vừa nhắc đến đó. Vĩnh Gia thiền sư chỉ cần một ngày, không cần đến năm năm. Lục Tổ đại sư cũng có rất nhiều học trò theo Ngài học suốt ba mươi năm. Quý vị đọc Đàn Kinh thấy có những vị ba mươi năm chẳng lìa thầy, họ cũng chưa chắc là độn căn, có những vị tuy đã được khai ngộ, nhưng vì báo đáp ân đức thầy, chẳng muốn rời khỏi thầy, tình hình ấy cũng có. Đương nhiên có vị căn khí chậm lụt hơn nên theo thầy trong một thời gian khá dài. Do vậy, năm năm ấy hoàn toàn không phải là một tiêu chuẩn cố định, thời gian có thể kéo dài hay có thể rút ngắn, hoàn toàn tùy thuộc vào thành tựu. Nói cách khác, chưa thành tựu thì chẳng được rời khỏi thầy, thành tựu rồi thì có thể tách lìa thầy lúc nào cũng được!

Như thế nào mới được coi là thành tựu? Trong Thiền Tông là “*minh tâm kiến tánh*”, đó mới tính là thành tựu, trong Giáo Hạ là “*đại khai viên giải*”, đó mới kể là thành tựu; trong pháp môn Tịnh Độ là “*nhất tâm bất loạn*”, đây mới kể là thành tựu. Nói một cách nghiêm ngặt, tiêu chuẩn này của Tịnh Độ là thấp nhất, vì theo tiêu chuẩn của Thiền và Giáo đều cần phải đoạn phiền não, phải phá một phẩm vô minh mới tính là thành tựu được, chứng đắc Tứ Quả La Hán đều không tính là thành tựu. Quý vị thấy trong kinh điển của đức Phật, Thường Tùy Chúng (những vị thánh giả thường theo đức Phật) của Phật là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, đều đã chứng được quả A La Hán, nhưng vẫn chẳng thể lìa khỏi thầy, vì sao vậy? Chưa kiến tánh! A La Hán chỉ là thành tựu Cửu Thứ Đệ Định[21], đoạn Kiến Tư phiền não chứ chưa đoạn hết Trần Sa phiền não, Vô Minh chưa phá được, không thể thành tựu, nên phải theo thầy. Trong số các đệ tử Bồ Tát của đức Phật, họ đều là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, có thể tách rời thầy, tiêu chuẩn là ở chỗ này. Kiến tánh rồi, có thể thay Phật giáo hóa chúng sanh, có thể đi giáo hóa tại một phương, nơi nào có duyên với quý vị, quý vị liền đến nơi đó, “*Phật độ người hữu duyên*”. Không có duyên, quý vị đến cũng uổng công! Phật độ người hữu duyên mà! Do vậy, ở đây chúng ta phải nhớ kỹ “*Giới là căn bản*”, phải tu học từ căn bản thì mới là đúng!

Chúng tôi khuyên mọi người học một bộ kinh, học một bộ kinh là học với một vị thầy. Ở Đài Trung, tôi thờ cụ Lý Bình Nam làm thầy, nhưng Ngài không công nhận như thế. Lão nhân gia rất khiêm hư, cụ xem chúng tôi như đồng học, cụ lớn tuổi hơn một chút, có thời gian học lâu hơn chúng tôi, đến dạy kèm chúng tôi, chẳng dám nhận lấy thân phận làm thầy, đây chính là đức hạnh của cụ. Cụ răn dạy chúng tôi thờ Ấn Quang đại sư làm thầy, Ấn Quang đại sư là thầy cụ; nói cách khác, chúng tôi mang thân phận đồng học kể trước người sau, cùng ở một chỗ với nhau như thế đó. Quý vị thấy lão nhân gia rất khiêm hư, chúng tôi không bằng được thầy Lý, sao dám nhận thân phận làm thầy? Thầy Lý dạy tôi học Ấn Tổ (tổ Ấn Quang), đương nhiên Ấn Tổ thật phi thường, [Ngài là] Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai mà, làm sao lầm lẫn được! Quyết định không lầm!

Nhưng hiện thời chúng ta tu học, chiếu theo nguyên tắc cơ bản thầy đã nói, chúng ta chọn ra một bộ kinh, căn cứ theo một bộ chú giải, bộ chú giải ấy do ai viết thì vị ấy là thầy ta, như vậy là không sai. Trực tiếp nương theo kinh thì Phật là thầy của chúng ta. Chúng ta chuyên học Vô Lượng Thọ Kinh thì A Di Đà Phật là thầy chúng ta. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ soạn một cuốn chú giải cho kinh Vô Lượng Thọ, cụ Hoàng cư sĩ là đồng học của chúng ta, cụ là trưởng tràng của chúng ta, vì chúng ta chọn lọc, tổng hợp rất nhiều tài liệu quý báu. Nhưng chẳng thể chiếu theo bản chú giải ấy để giảng giải kinh, dựa theo bản chú giải ấy để giảng kinh chắc chắn quý vị sẽ thất bại. Tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều lần, quý vị nghe kỹ lời tôi giảng rồi đem so sánh với những gì cụ chú giải, tôi chẳng hề chọn dùng những lời chú giải của cụ. Tôi thường nói: Đối với người mới học, bản chú giải ấy có tác dụng như là đại từ điển của kinh Vô Lượng Thọ, bất luận đối với danh tướng hay đối với nghĩa lý đều

có rất nhiều tài liệu tham khảo. Cụ tập hợp những lời giải thích kinh Vô Lượng Thọ của cổ đại đức, có đặc tánh rất gần giống với bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông. Bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của Giang lão cư sĩ cũng có thể coi như là một bộ đại từ điển của kinh Kim Cang.

Chúng ta học kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, [thấy] Thiện Đạo đại sư chú giải khác hẳn, Ngài không tổng hợp toàn bộ [những chú giải] của mọi nhà, bản thân Ngài quả thật có những kiến giải độc đáo, thật khác hẳn. Mọi người đều biết ngài Thiện Đạo chính là hóa thân của A Di Đà Phật tái lai. Trong lịch sử Trung Quốc, hóa thân của Phật A Di Đà là Thiện Đạo đại sư, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, Phong Can hòa thượng. Trong lịch sử, ba vị này gần như chắc chắn [thật sự là hóa thân của Phật A Di Đà]. Ngài Thiện Đạo là A Di Đà Phật tái lai, bản chú giải của ngài Thiện Đạo là A Di Đà Phật đích thân tự chú giải, há còn lầm chăng? Do vậy, chúng ta phải học kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta phải y chỉ Thiện Đạo đại sư, làm học trò của Thiện Đạo đại sư.

Chúng ta nghiên cứu kinh A Di Đà, kinh A Di Đà có hai bản chú giải, một là cuốn Sớ Sao của Liên Trì đại sư, còn bản kia là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Học Sớ Sao, chuyên chú dụng công nơi Sớ Sao thì ngài Liên Trì là thầy. Học Yếu Giải, bèn chuyên chú dụng công nơi Yếu Giải thì ngài Ngẫu Ích là thầy. Thời cận đại, sách Yếu Giải có bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh[22], bộ Thân Văn Ký của pháp sư Bảo Tịnh[23], chúng ta coi sư Viên Anh, Bảo Tịnh như trường lớp, kèm cặp chúng ta, chúng ta thờ ngài Ngẫu Ích làm thầy, còn sai được chăng? Chúng ta thật sự tìm được thiện tri thức, thật sự tìm được thầy.

[Đối với] Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, chúng ta nương theo bản Sớ Sao của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh[24], bản ấy chúng tôi đã in rất nhiều. Với Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm thì chúng ta nương theo bản Sớ Sao của Thanh Lương đại sư. Thanh Lương, Tông Mật là thầy, quyết định không sai. Cả một đời chuyên chú dụng công, chuyên tu, phải như vậy mới có thể thành công, đừng học loại thứ hai nào nữa! Những thứ được tôi giảng đây chỉ nhằm để cung cấp tài liệu tham khảo cho quý vị, giúp cho quý vị thâm nhập lý giải, nhất định phải thâm nhập một môn, y giáo phụng hành, đây mới là hữu dụng!

Nhất định phải hiểu mỗi một bộ kinh bao gồm bốn bộ phận Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Thứ nhất là Giáo, Giáo là văn tự, chúng ta thường nói “*tiêu văn*” [tức là] thông đạt văn tự không chướng ngại, đó là Giáo, đây là bước tu học thứ nhất. Thứ hai là Lý, [tức là] những lý luận được giảng trong [bộ kinh] ấy, phải hiểu rõ đạo lý đã được giảng bởi kinh ấy, hiểu rõ lý luận, tự nhiên quý vị sẽ có tín nguyện. Thứ ba là Hạnh, phải biến lý luận thành tư tưởng, hành vi của chúng ta, biến giáo huấn thành chỗ dựa, thành căn cứ để chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật. Tư tưởng, lời lẽ, hành trì của chúng ta đều là những gì quý vị đã học từ bộ kinh ấy. Nói cách khác, quý vị học kinh Vô Lượng Thọ, quý vị liền biến thành Vô Lượng Thọ Phật, quý vị học kinh A Di Đà liền học thành A Di Đà Phật, quý vị học Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm liền

thành Phổ Hiền Bồ Tát, quý vị học Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, quý vị liền là Đại Thế Chí Bồ Tát. Ấy mới gọi là học, học được giống như các Ngài. Chúng ta có giống như Phật hay chẳng? Giống như Bồ Tát hay chẳng? Trong khởi tâm động niệm, xử sự đãi người, tiếp vật [phải học] như thế thì mới gọi là “Giới là căn bản”, mới gọi là “học từ căn bản”. Do vậy, Giới ở đây là nghĩa rộng, chứ không phải nghĩa hẹp. Đây là nói học theo một nhà, dốc sức nơi một bộ kinh. Chúng ta cùng một tông phái, cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu, tuy học kinh không giống nhau, nhưng phương hướng, mục tiêu hoàn toàn nhất trí. Chúng ta lấy Lục Hòa Kính làm cơ sở, mọi người cùng tu, cùng nhau học tập, đây - kia khuyến khích lẫn nhau, dùi mài, gọt giũa lẫn nhau.

Cổ đức giảng kinh, tuyên giảng, còn chúng tôi không dám. Tôi giảng kinh bên ngoài từ trước đến nay chẳng dám nói là giảng kinh, tôi chỉ báo cáo sự tu học, tôi dùng thái độ, tâm tướng này. Đồng học chúng ta tụ lại một chỗ, mỗi một người báo cáo sự tu học của chính mình, mọi người ở cùng một chỗ cùng nhau thảo luận. Tôi báo cáo kinh Vô Lượng Thọ, các quý vị nghe xong đối với nội dung kinh Vô Lượng Thọ đều hiểu rõ ràng, quý vị báo cáo kinh A Di Đà, chúng tôi cũng nghe. Những kinh điển như thế ấy của tông này chúng ta đều học hết, nhưng tôi chỉ phát huy tại một bộ kinh. Tôi nghe năm kinh một luận, lúc tôi báo cáo sự nghiên cứu tu tập bên ngoài, đem tất cả những gì nghe được gộp vào trong kinh Vô Lượng Thọ để báo cáo. Quý vị học A Di Đà Kinh Yếu Giải, quý vị dung hội quán thông những gì đã nghe được từ năm kinh một luận, đều gộp hết vào Yếu Giải để báo cáo. Chúng ta đem ý nghĩa kinh, đem sự tu học giới thiệu với đại chúng như thế, dâng lên đại chúng, khiến cho người ta nghe đến đều vui vẻ tiếp nhận thì chúng ta tu học thành công.

Chúng ta lắng lòng quán sát, trình độ học Phật trong thế giới hiện thời cao nhất là ở Trung Quốc đại lục. Qua những sách vở và băng thâu âm được gửi đến Đại Lục, quý vị có thể thấy được [điều ấy]: Họ có chọn lựa, họ có so sánh. Có rất nhiều băng thâu âm được gửi sang Đại Lục, họ nghe một lần bèn bảo quý vị: “Sau này các vị không cần phải gửi những băng thâu âm này nữa, chúng tôi không muốn nghe. Những loại sách này chúng tôi đã đọc rồi, về sau không cần gửi nữa”. Từ chỗ này biết được rằng trình độ học Phật của họ so ra cao hơn chúng ta. Chúng ta học thứ này thứ nọ loạn cả lên, học hỗn tạp, bọn họ đầu óc sáng suốt, tinh táo. Đầu óc tinh táo, sáng suốt nên phân biệt dễ dàng. Nay chúng ta không phân biệt dễ dàng [là vì] học quá nhiều, quá tạp, quá loạn, khả năng phân biệt bị mất đi rồi, đáng tiếc quá chừng! Nói thật ra, chúng ta không bằng người ta! Phải chú ý chỗ này. Đoạn thứ mười nói:

Thập, nhược nhạo quảng lãm, tự đương duyệt Luật Tạng Toàn Thư.
(Mười, nếu thích đọc rộng, hãy tự xem Luật Tạng Toàn Thư)

“*Nhược nhạo quang lăm*”: Chữ Nhạo nên đọc theo Khứ Thanh[25], đọc giống chữ Dược (yàu)[26], có nghĩa là yêu thích. Quý vị ưa thích học rộng nghe nhiều thì hãy “*tự đương duyệt Luật Tạng Toàn Thư*” (hãy tự xem Luật Tạng Toàn Thư) vì ở đây Liên Trì đại sư giới thiệu hết sức giản lược cho chúng ta, giới thiệu đại cương. Cái hay của đại cương là chúng ta dễ thực hiện được trong sanh hoạt thường ngày. Nếu quý vị có hứng thú nơi Giới Luật, muốn thâm nhập nghiên cứu, đương nhiên phải cần đến Luật Tạng Toàn Thư. Đây cũng chính là Luật Tạng trong Tam Tạng kinh điển, nội dung rất rộng, rất phong phú.

Đây là đoạn văn dẫn nhập mở đầu, mà cũng là phân khái luận như trong các sách vở hiện thời, phần dẫn nhập đến đây là hoàn tất, câu cuối cùng là lời tổng kết của phần dẫn nhập. Từ đoạn mười một trở đi, chúng ta có thể coi như là phần Chánh Tông của cuốn sách này, chánh thức giới thiệu với chúng ta.

Thập nhất, hậu Thập Giới, xuất Sa Di Thập Giới Kinh, Phật sắc Xá Lợi Phát, vị La Hầu La thuyết.

(Mười một, mười giới sau đây trích từ kinh Sa Di Thập Giới, Phật bảo Xá Lợi Phát nói cho La Hầu La)

“*Hậu Thập Giới, xuất Sa Di Thập Giới Kinh*” (mười giới sau đây trích từ kinh Sa Di Thập Giới): Cho biết Sa Di Luật Nghi Yếu Lược là từ nơi đâu mà có, Liên Trì đại sư có căn cứ, Ngài trích lục từ kinh Sa Di Thập Giới[27] ra. Giống như chúng ta thấy thể loại trích lục tinh hoa của một bộ kinh hiện thời, đây là một sách trích lục tinh hoa của Sa Di Thập Giới Kinh do Liên Trì đại sư vì chúng ta trích lục. Cuốn sách này không phải là Sa Di Thập Giới Kinh hoàn chỉnh, mà là trích lục [từ kinh ấy] ra. Việc trích lục này nhằm để thuận tiện cho sự tu trì.

“*Phật sắc Xá Lợi Phát, vị La Hầu La thuyết*” (Phật bảo Xá Lợi Phát nói cho La Hầu La): Sa Di Thập Giới Kinh không phải do đức Phật nói, mà do tôn giả Xá Lợi Phát nói. La Hầu La xuất gia y chỉ với hòa thượng là ngài Xá Lợi Phát. Do vậy, trong Tăng đoàn, sư ông của La Hầu La là Phật, sư phụ là Xá Lợi Phát. Trong Tăng đoàn, La Hầu La mang thân phận như vậy, có vai vế rất nhỏ, chúng ta phải biết điều này. Đoạn lịch sử này Hoằng Tán đại sư cũng trích lục vài phần; lời chú giải này cũng do Hoằng Tán đại sư trích lục. Mọi người xem đi, nếu có chỗ nào chưa hiểu rõ thì hãy nêu câu hỏi, không hỏi thì chúng tôi sẽ lướt qua. Hãy xem tiếp điều thứ mười hai kế đó, đây chính là [một giới trong] Thập Giới.

Thập nhị, nhất viết bất sát sanh.

(Mười hai, một là không sát sanh)

Điều thứ nhất trong Mười Giới. Giới Luật có hai thứ, một thứ là thuần vì tự lợi, một loại khác là lợi tha - tự lợi cả hai đều đầy đủ. Trong giới tự lợi thì điều thứ nhất

là không dâm dục, trong giới lợi tha thì điều thứ nhất là không sát sanh. Không sát sanh nhằm bồi dưỡng tâm từ bi của chính mình, đại từ đại bi. Phật pháp là “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Không có đại từ bi sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Do vậy, muốn được thành Phật phải khởi sự tu từ tâm từ bi, tu dưỡng cái tâm từ bi chân thật của chính mình. Trong tự lợi thì không dâm dục nhằm bồi dưỡng cái tâm thanh tịnh của chính mình, quyết định vượt thoát tam giới, liễu thoát sanh tử.

Phật dạy vì sao một cá nhân bị lưu chuyển trong tam giới? Do vì dâm dục! Dâm dục là căn bản của tam giới lục đạo. Cổ đức thường nói: “*Ái bất trọng bất sanh Sa Bà, niệm bất nhất bất sanh Tịnh Độ*” (Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà, niệm chẳng chuyên nhất chẳng sanh Tịnh Độ). Muốn vắng sanh Tịnh Độ, niệm phải chuyên nhất. “Nhất” nghĩa là nhất tâm bất loạn; đạt đến nhất tâm bất loạn thì không ai chẳng vắng sanh! Ái dục không đoạn sẽ chẳng thể vượt thoát sanh tử luân hồi được! Quý vị phải hiểu: Chẳng những không thể vượt thoát, mà trong tam giới quý vị chỉ có thể ở trong Dục Giới, không thể sống trong Sắc Giới. Sắc Giới là ngũ dục đều đã đoạn hết, [tức là] năm điều Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy (của cải, sắc dục, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ) đều không có. Nhưng họ không thật sự đoạn; nếu thật sự đoạn liền ra khỏi tam giới. Bọn họ chỉ “phục đoạn” (đoạn bằng cách đè nén, khuất phục), bọn họ có định lực, dùng công năng của Định để chế ngự khuất phục phiền não, chẳng cho chúng dậy lên, chẳng khởi tâm động niệm, họ dùng công năng định lực khuất phục, chế ngự, nên mới có thể sanh lên Sắc Giới, sanh lên Vô Sắc Giới. Nếu không chế ngự được những ý niệm ấy, dù tu giỏi đến đâu vẫn ở trong Dục Giới. Cao nhất trong Dục Giới là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Do vậy, phải hiểu rõ tự lợi và lợi tha. Vì sao Phật dạy điều thứ nhất là không sát sanh? Có Giới kinh dạy điều thứ nhất là không dâm dục, trọng điểm không giống nhau. Do vì Sa Di Giới là căn cơ của Bồ Tát, của Phật, tự lợi, lợi tha [gồm đủ], điều thứ nhất là không sát sanh, bồi dưỡng tâm từ bi của chính mình.

Phần chú giải có lời giải thích đơn giản: “*Đoạn mạng viết Sát, hữu tình viết Sanh*” (Dứt mạng là Sát, có tình thức là Sanh). Nói rất rõ ràng! Chữ “Sanh” chỉ cho hữu tình chúng sanh, hữu tình chúng sanh là động vật, đối với tất cả hết thảy động vật chúng ta phải có tâm thương xót, chẳng nên sát hại. Trong kinh Tân Ước và Cựu Ước của Cơ Đốc Giáo, Gia Tô Cơ Đốc (Jesus Christ) cũng có bốn điều răn, hết sức giống với bốn giới trọng ở đây. Điều thứ nhất là “không được giết người”, phạm vi của điều này rất nhỏ, không nên giết người thôi, không bao gồm những loài động vật vào trong đó. Kế đến là “không tà dâm”, “không trộm cắp” và “không nói dối”, đều giống với Tại Gia Ngũ Giới của chúng ta. Trong Ngũ Giới của chúng ta có giới “không uống rượu”, bọn họ không có. Chúng ta nói “không sát sanh”, bọn họ nói “không được giết người”, sai khác ở chỗ này.

Thập tam, giải viết
(Mười ba, giải rằng)

Dưới đây là phần giải thích.

Thập tứ, thượng chí chư Phật, thánh nhân, sư tăng, phụ mẫu.

(Mười bốn, trên đến chư Phật, thánh nhân, sư tăng, cha mẹ).

Thập ngũ, hạ chí quyền phi nhu động, vi tế côn trùng.

(Mười lăm, dưới đến những loài cựa quậy, bay, bò, côn trùng nhỏ nhất)

Thập lục, dẫn hữu mạng giả, bất đắc cố sát.

(Mười sáu, chỉ cần có mạng thì không được cố ý giết).

Đây là giảng về phạm vi không sát sanh. Quý vị thấy rất đơn giản, nói rất rõ ràng rành mạch, mọi người phải học tập điềm này. Đặc biệt là trong thời đại này, khoa học kỹ thuật phát đạt, thông tin phát triển, sự tiếp xúc giữa người với người hết sức dày đặc; do vậy, ngôn ngữ, văn tự phải sao cho đơn giản, càng đơn giản càng hay, càng đơn giản càng được hoan nghênh. Không nên trường thiên đại luận, cà kê dài dòng, phải biết giảm bớt thời gian cho người ta. Do vậy, Đông - Tây đều yêu cầu “*giản, yếu, tường, minh*” [tức là] đơn giản, nêu được những điểm quan trọng, nhưng phải rất tường tận, rất rõ ràng. Các quý vị thấy mấy câu [giải thích] trên đây rất phù hợp với [yêu cầu] “*giản, yếu, tường, minh*” Khi chúng ta giảng kinh hay báo cáo bên ngoài đều phải biết “*giản, yếu, tường, minh*”

Phạm vi của giới này trên là đến “*chư Phật, thánh nhân*”, “*thánh nhân*” chỉ [những vị] từ A La Hán trở lên; do vậy, phạm vi của nó rất rộng. Từ Tiểu Thừa Sơ Quả trở lên đều gọi là “*thánh nhân*”. Có những vị Sơ Quả đã đoạn được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc[28] trong tam giới, chứng đắc Vị Bất Thoái trong Tam Bất Thoái, các ngài tuyệt đối chẳng đọa thành phàm phu trở lại. Từ trong kinh, chúng ta thấy rất rõ ràng: Tuy Ngài chưa ra khỏi tam giới, qua lại bảy lần trong cõi trời, cõi người, chẳng cần biết có gặp được Phật pháp hay không, Ngài đều thành tựu. Gặp được Phật pháp, ngài thành Thanh Văn, chứng quả A La Hán; không gặp được Phật pháp, ngài thành Bích Chi Phật, thành Độc Giác. Do vậy, Ngài tuyệt đối không phải [thọ sanh] đến lần thứ tám, Ngài nhất định qua lại bảy lần trong cõi trời, cõi người, bèn chứng quả. Ấy là thánh nhân, quyết định chẳng đọa lạc trong tam đồ. Do vậy, Sơ Quả là Dự Lưu, từ địa vị này trở đi đều gọi là “*thánh nhân*”. Cúng dường thánh hiền là đại phước báo, há nên sát hại?

Từ thánh hiền trở xuống, có ân đức lớn nhất đối với chúng ta là thầy. “*Thầy*” ở đây chúng ta thường gọi là “*hòa thượng*”, ngài là Thân Giáo Sư của chúng ta. Ta theo học Phật pháp với ngài, đó là Thân Giáo Sư. Ân đức thầy vượt trội [ân đức] cha mẹ. Ân đức cha mẹ đối với chúng ta là ân dưỡng dục trong một đời, ân đức của thầy đối với chúng ta là ân đức giúp chúng ta khôi phục Pháp Thân Huệ Mạng; vì thế, ân đức thầy cao hơn cha mẹ, đây là ân thầy!

Thầy dạy trong thế gian của chúng ta không có năng lực ấy cho nên địa vị của thầy dạy trong thế gian kém hơn cha mẹ. Không như trong Phật pháp, Phật pháp xếp thầy dạy trên cha mẹ. Trong quá khứ chúng tôi ở Đại Lục, ở nhà mỗi người tại Đại Lục đều thờ bài vị tổ tiên, nghèo hèn hay phú quý đều giống nhau, người như thế nào đi nữa cũng nhất định thấy có thờ bài vị tổ tiên trong nhà họ. Hiện thời đều không còn nữa, hiện tại ở Đại Lục cũng không thờ bài vị tổ tiên nữa. Ở Giang Nam, bài vị tổ tiên đề “*thiên địa quân thân sư*” (trời, đất, vua, cha mẹ, thầy), thờ như thế đó! “Thân” là cha mẹ, thầy được thờ ở dưới cha mẹ. Cách thờ như vậy là đúng vì thầy dạy trong thế gian không giúp chúng ta thoát khỏi tam giới, không giúp chúng ta lìa khỏi lục đạo luân hồi. Ân thầy và ân cha mẹ bình đẳng, nhưng chúng ta vẫn đặt cha mẹ lên trên. Hòa Thượng trong Phật pháp khác hẳn, Ngài giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới, ân đức ấy cha mẹ không thể làm được, thầy dạy trong thế gian chẳng thể làm được; vì thế, đặt thầy lên trên cha mẹ, hãy nên chú ý điều này.

Dưới Sư là Tăng, Tăng là người xuất gia, là người truyền thừa Phật pháp. Tuy không trực tiếp dạy dỗ chúng ta, họ có thể giáo hóa hết thảy chúng sanh, giúp chúng sanh liễu sanh tử, xuất tam giới. Vì thế, trong chữ “Sư Tăng” này, Sư là Hòa Thượng đích thân chỉ dạy chúng ta, [còn Tăng là] những vị xuất gia không chỉ dạy ta, nhưng đức hạnh, năng lực, sứ mạng của họ chẳng khác gì Hòa Thượng của ta. Tuy không trực tiếp chỉ dạy ta, ta cũng phải tôn kính họ. Tiếp đến là “phụ mẫu”.

Thánh nhân có thể gian thánh nhân, có xuất thế gian thánh nhân, ở đây giải thích rất hay. Tổng hợp các ý nghĩa lại, chúng ta có thể dùng bốn câu để bao quát toàn bộ: “*Có đức hạnh, tâm quang minh, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Tâm địa thanh tịnh, quang minh, ngôn hạnh hữu đức (lời nói lẫn hành vi đều có đạo đức - tiêu chuẩn là đạo đức), bốn câu này bao trọn tất cả những ý nghĩa trong lời chú giải. Quý vị nên xem kỹ trong phần chú giải.

Chúng ta xem đoạn thứ mười lăm, “*hạ chí quyên phi nhụ động, vi tế côn trùng*” (cho đến những loài côn trùng cựa quậy, bay, bò, nhỏ nhặt). Đã nói những hạng cao rồi lại nói bậc thấp, bao gồm tất cả trong ấy, lược bớt phần giữa. “*Quyên phi nhụ động*” là những loài trùng nhỏ, những thứ côn trùng bé nhỏ như muỗi mòng, kiến... Tuy là tiểu trùng, nó vẫn có thần thức, là một chúng sanh, cũng đều có một cái mạng! Chỉ là vì nghiệp chướng nặng nề, đọa lạc trong đường súc sanh, biến thành tiểu trùng. Trong loài súc sanh, chúng bị sanh tử nhiều lần, đây là do nghiệp chướng biến hiện. Chúng ta phải hiểu “kiến, muỗi cũng có thể thành Phật”. Khi chúng trả hết nghiệp báo, chúng sẽ chuyển sanh vào loài người, chúng ta cũng chớ nên coi thường chúng.

Trong Giới Kinh kết tội sát nghiệp nặng - nhẹ bất đồng. Chẳng hạn như Phật, Bồ Tát, thánh hiền, sư tăng, phụ mẫu đã nói trong phần trên, sát hại những vị ấy tội cực nặng. Không thông qua sám hối, không có cách sám hối thì thành tội Ngũ Nghịch. Trong Giới Kinh đã dạy: Quả báo của tội Ngũ Nghịch là tại A Tỳ địa ngục, muốn thoát ra hết sức khó khăn! Thật sự phải trải qua vô lượng kiếp, nên biết điều này!

Còn như sát hại những loài côn trùng nhỏ nhất, phạm những tội ấy thì có thể sám hối. Hễ sám hối thì tội ấy liền nhẹ đi, chẳng nặng như trong phần trên. Nói cách khác, người có ân đức càng nặng đối với chúng ta mà quý vị muốn sát hại thì tội ấy càng nặng. Hết thảy chúng sanh có quan hệ thật nhẹ, thật mỏng đối với chúng ta thì tội [sát hại] ấy cũng nhẹ.

Sát hại chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền, chữ “*thánh hiền*” ấy bao gồm cả thánh hiền thế gian, kết thành tội trong A Tỳ địa ngục. Điều này chẳng thuộc nơi cá nhân chúng ta. Chúng ta không qua lại với họ, họ cũng không có ân đức gì với ta, vì sao sát hại họ lại mắc tội nặng đến như thế? Vì họ là khuôn mẫu cho tất cả đại chúng trong một xã hội, trong một địa phương, họ ở nơi ấy có thể làm cho nơi ấy thay đổi phong tục, làm cho lòng người được thanh tịnh, công đức ấy lớn lắm. Vì thế, thánh hiền thế gian hay xuất thế gian công đức vô cùng lớn, đáng gọi là “*nhân thiên nhân mục*” (tròng mắt cho trời người), hạnh phúc của đại chúng, an toàn xã hội đều dựa vào sự chỉ dạy của họ. Giết hại họ là tội nặng! Do vậy, kết tội với họ là kết tội nơi thân chúng sanh.

Phật là tam giới đạo sư cho nên giết Phật là tội nặng nề nhất. Phật là đại thánh nhân; nói thật ra, phước báo của Ngài quả thật rất lớn, không ai có thể giết được Phật, chẳng thể nào! Vì thế, hễ “*làm thân Phật chảy máu*” chính là có tâm ác đối với Phật, giống hệt như giết hại Phật, tội đó là tội A Tỳ địa ngục. Quý vị phải biết: Tuy chúng ta vô ý giết hại những động vật nhỏ, tội lỗi rất nhẹ, nhưng chúng nó có ôm lòng báo thù trong tương lai hay không? Chắc chắn có! Chúng ta giết lầm người khác, tương lai cũng sẽ bị giết lầm. Quý vị nhớ ngài An Thế Cao là người phiên dịch kinh Bát Đại Nhân Giác, quý vị xem trong truyện ký của ngài An Thế Cao: Đòi trước An Thế Cao từng giết lầm người, không phải cố ý, chỉ là giết lầm, đòi này vẫn phải đền mạng, cũng bị người khác giết lầm. Quả thật, một miếng ăn, một hớp uống đều có nhân quả, chẳng thể không biết, chẳng thể không lưu ý.

Quý vị muốn được thuận buồm xuôi gió trên con đường Bồ Đề, phải nghiêm trì giới luật, phải đại bi thanh tịnh thì mới có thể đạt được. Nếu không, đời đời kiếp kiếp oán gia trái chủ sao không gây rắc rối cho quý vị được? Vì thế, người thật sự tu hành hiểu rõ đạo lý này, biết sự thực này thì “*cảnh nghịch xảy đến bèn vâng chịu*”. Gặp phải nghịch cảnh, gặp phải nghịch duyên, biết là trong quá khứ mình đối xử với người ta không ra gì, đương nhiên đời này họ gây khó khăn cho mình, quý vị dùng tâm thanh tịnh, tâm nhu hòa để tiếp nhận. Chúng ta tính sổ xong xuôi, thanh toán xong, về sau không còn nữa. Nếu như tâm bất bình thì oán ấy càng kết sâu, rắc rối càng lớn. Hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi!

Phần thứ tư:

Chúng ta xem đến đoạn mười sáu “*đản hữu mạng giả, bất đắc cố sát*” (chỉ cần có mạng, thì chẳng được cố ý giết). “*Hữu mạng*”, trong phần chú giải Mạng được

định nghĩa là “sáu căn sáu thức liên tục sanh ra”, đó gọi là Mạng. Nói cách khác, ở đây [chữ Mạng] chỉ động vật, chứ không phải là thực vật. Thực vật không có sáu căn sáu thức, chỉ động vật mới có sáu căn sáu thức. “Sáu căn” là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, chỉ những thứ đó. Phạm là động vật thì “*bất đắc cố sát*” (chẳng được cố ý giết), chú trọng nơi chữ Cố. “Cố” là cố ý giết hại chúng, như vậy là phạm giới. Nếu chẳng cố ý làm thì có khai duyên, cho nên ở đây chú trọng đến chữ Cố. Nói cách khác, dưới một điều kiện nào đó thì có thể giết mà không phá giới, có lúc chẳng những không có tội mà lại còn có công đức. Tiếp theo là nói về thủ đoạn giết hại, cũng nêu ra rất nhiều thí dụ:

Thập thất, hoặc tự sát
(*Mười bảy, hoặc tự mình giết*)

Tự mình ra tay, bất luận dùng thủ đoạn, phương thức gì, chỉ cần chính mình ra tay thì đều là “tự giết”.

Thập bát, hoặc giáo tha sát.
(*Mười tám, hoặc dạy người khác giết*)

“*Giáo tha sát*” là ra lệnh, giống như người chủ nhà kêu người làm, đầy tớ sát sanh, ra lệnh cho đầy tớ chấp hành. Trách nhiệm sát nghiệp thuộc về người ra lệnh; tuy kẻ ấy không đích thân động thủ giết, nhưng đã ra lệnh, sát nghiệp quả thật là trách nhiệm của hắn. Vì vậy, kẻ ra lệnh có tội, người chấp hành mắc lỗi; tội và lỗi khác nhau, tội thì nặng, còn lỗi thì là gì? Do kẻ ấy chấp hành mạng lệnh, là chuyện bất đắc dĩ, không phải là kẻ ấy có tâm muốn giết, có khác biệt. Ví như tòa án chấp hành lệnh tử hình, quan tòa là người phán quyết, người chấp hành phục tùng mạng lệnh. Quan tòa xử án nếu xét xử người ta oan uổng thì ông ta có tội, nhưng người chấp hành chỉ bị lỗi. Vì sao? Anh ta là kẻ chấp pháp. Nếu quan tòa chánh trực, không xử oan uổng, ông ta không có tội, mà người chấp hành cũng không mắc lỗi. Vì vậy, phải hiểu rõ chỗ này. Đây là “*dạy người khác giết*”.

Thập cửu, hoặc kiến sát tùy hỷ.
(*Mười chín, hoặc thấy giết bèn vui theo*)

Trông thấy sát sanh, dầu không tự mình giết, cũng không phải là mình chấp hành, trông thấy chuyện sát sanh ấy bèn sanh lòng hoan hỷ. Đây đều là phạm giới. Trong cửa Phật, Phật, Bồ Tát trông thấy chúng sanh tuy là có tội bị xử tử hình, tội đáng phải chịu, Bồ Tát cũng sanh lòng thương xót, cũng sanh lòng buồn thương. Nếu như sanh lòng hoan hỷ tức là đánh mất lòng từ bi, trái nghịch tâm từ bi. Vì vậy, trong

Luật phán định tội có nặng - nhẹ khác biệt, điều này cũng giống như pháp luật thế gian định tội, cân nhắc xử phạt.

Nhị thập, quảng như Luật trung, văn phiên bất lục.

(Hai mươi, nói rộng như trong Luật, do kinh văn rườm rà nên không sao chép).

Trong Giới Luật, nói rất tường tận về sự khác biệt nặng - nhẹ. Chữ “Luật” chỉ Sa Di Thập Giới Kinh và Tỳ Kheo Giới, Bồ Tát Giới, những bộ luật lớn ấy giảng về sát pháp, kết tội nặng - nhẹ, tâm cảnh bất đồng, nói rất tường tận. Đoạn tiếp theo:

Nhị nhất, kinh tải: “Đông nguyệt sanh sất, thủ phóng trúc đồng trung, noãn dĩ miên như, dưỡng dĩ nhị vật, khùng kỳ cơ đồng nhi tử dã”.

(Hai mươi một, kinh chép: “Tháng mùa Đông sanh rệp, bắt bỏ vào trong ống tre, giữ cho nó ấm bằng bông gòn, nuôi bằng chất dơ, sợ nó đói lạnh chết đi”)

“*Kinh tải*” là trong kinh Phật có một đoạn ghi chép [như thế]. “*Đông nguyệt sanh sất*” (tháng mùa Đông sanh rệp), hiện thời hoàn cảnh sống của chúng ta được cải thiện, thiết bị vệ sinh tốt, gần như những thứ ký sinh trùng khá hiếm thấy. Phật pháp thường nói “khé cơ ké lý”, Cơ trên thực tế chính là nói về hoàn cảnh sống, đặc biệt là hoàn cảnh tinh thần. Trong hoàn cảnh sống của chúng ta có hoàn cảnh tinh thần và hoàn cảnh vật chất, có thể thích ứng với hết thảy đại chúng thì là đúng, Phật pháp như thế sẽ có thể hoằng dương thuận lợi. Tuy trên mặt lý không có vấn đề gì, tức là Ké Lý, nhưng nếu không Ké Cơ, sẽ tạo ra phản ứng trái ngược nơi đại chúng, sẽ dẫn đến chuyện đại chúng bài xích Phật pháp, ấy là sai rồi. Vì thế, Phật pháp truyền bá trong thế gian, chư Phật, Bồ Tát cũng phải uyển chuyển cầu toàn thì mới lưu hành được.

Phật pháp có Ngũ Thừa Phật Pháp, bốn thứ đầu đều là uyển chuyển cầu toàn, hằng thuận chúng sanh. Pháp chân chánh chính là “*duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, hữu vô tam*” (chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai cũng không ba). Thế nhưng bản lãnh của mỗi một cá nhân có cao như thế hay không? Chưa đạt đến cảnh giới ấy, quý vị nói pháp Nhất Thừa với bọn họ, họ chẳng thể tiếp nhận. Vì thế, đối với người có thể tiếp nhận Đại Thừa, bèn giảng Đại Thừa cho người ấy. Kẻ đó tiếp nhận được Tiểu Thừa thì giảng Tiểu Thừa cho. Chẳng thể tiếp nhận Tiểu Thừa, nhưng tiếp nhận được Nhân Thiên thừa thì quý vị bèn giảng pháp Nhân Thiên cho kẻ ấy. Trong xã hội hiện tại thì ngay cả người tiếp nhận được pháp Nhân Thiên cũng không nhiều, con người hiện tại muốn gì? Muốn danh văn, lợi dưỡng, cầu danh văn, lợi dưỡng, nói toàn tham - sân - si. Nói cách khác, trong Phật pháp đã nói về thứ tâm hạnh ấy rất rõ ràng, đó là tâm hạnh tam ác đạo! Vì thế, thật sự giảng được Nhân Thiên đã là hết sức khó được. Đây là một sự thật chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải hiểu rõ ràng tình trạng hoàn cảnh, nên tu học như thế nào.

Khuyên chúng sanh thì các Giới Kinh đều chẳng nên để cho người mới học xem. Vì sao? Kẻ mới học xem đến những thứ ấy nhất định bài xích. Kẻ ấy muốn sát sanh, muốn ăn thịt, quý vị lại bảo hắn đừng sát sanh, đừng ăn thịt, lại bảo hắn [sát sanh] tội nặng như thế đó, hắn lập tức biến sắc mặt bỏ chạy. Vì thế, thầy Lý dạy học suốt cả một đời, chẳng khuyên người khác thọ giới, chẳng khuyên người khác ăn chay, như vậy thì mới có thể tiếp dẫn quảng đại quần chúng. Nói cách khác, nếu nhất định phải coi trọng giới luật, nhất định phải coi trọng ăn chay, 80% con người sẽ đều bỏ đi. Đây là phương tiện thiện xảo của đại Bồ Tát: Đến khi họ đã tiến vào được cửa Phật, họ sẽ dần dần hiểu rõ, họ sẽ tự nhiên làm theo. Vì thế, suốt đời thầy Lý khuyên người khác học Phật, khuyên người ta quy y, không khuyên người ta thọ giới, không khuyên người khác ăn chay, không khuyên người khác ăn đúng Ngọ, hàng sơ học hết sức khó thể tiếp nhận những điều ấy. Như những điều đã được nói trong đoạn này, rất khó làm cho người thế gian tiếp nhận được, lại còn dễ dàng dẫn khởi những phân tử tri thức bài xích Phật giáo. Vì thế, chúng ta cần phải hiểu: Trong trường hợp nào thì cần phải tránh né, không nhắc đến thì tốt hơn, nhưng chính chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Nhị nhị, nãi chí lự thủy, phú dưỡng, bất súc miêu ly dưỡng, giai từ bi chi đạo dã. Vi loại thương nhiên, đại giả khả tri hỹ.

(Hai mươi hai, cho đến lọc nước, che đèn, chẳng nuôi mèo, chồn v.v... đều là đạo từ bi. Đối với loài nhỏ nhất mà còn như thế thì đối với loài lớn ắt có thể biết được)

“*Nãi chí lự thủy, phú dưỡng*” (cho đến lọc nước, che đèn), trong xã hội hiện tại cũng không còn cần đến những điều này nữa. Nay chúng ta uống nước, mọi người đều biết ăn uống hợp vệ sinh, nước đều phải lọc, chẳng cần phải dùng dĩa lọc nước. Dĩa lọc nước không lọc nước sạch bằng máy lọc hiện thời. “*Phú dưỡng*” (che đèn) là sợ buổi tối có loài trùng nhỏ, thiêu thân bay vào đèn dầu để tiếp cận ánh đèn, thường bị thiêu chết. Vì thế, đèn phải dùng cái chụp. Đấy cũng là tâm từ bi. Nay đèn dùng đèn điện, không dùng đèn dầu nữa.

“*Bất súc miêu ly dưỡng*” (không nuôi mèo, chồn v.v...): Nói theo hiện thời là khuyên con người không nên nuôi những con thú cưng. Hiện thời người ngoại quốc, người Trung Quốc rất nhiều người thích nuôi thú cưng. Vì sao không nên nuôi những con thú cưng hay những động vật ấy? Là vì những động vật nhỏ ấy có thể sát sanh! Tuyệt đại đa số những con thú cưng là loài ăn thịt, chúng ta ăn chay, lại phải chuẩn bị thịt cho nó ăn, vậy là thương tổn tâm từ bi. Đồng thời, quý vị nuôi những con thú cưng phải tốn tinh thần, tốn thời gian chăm sóc chúng. Hiện thời, ngay cả thời gian niệm Phật chúng ta còn cảm thấy không đủ, nào còn có thời gian để chăm sóc những con thú cưng đó? Phải hiểu điều này!

Những ai nuôi thú cưng, thật ra chẳng ngoài hai thứ tâm lý: Một là nuôi làm cảnh, trông chúng rất đáng yêu, rất đáng cưng nên nuôi chúng làm cảnh. Ngoài ra là có những người lớn tuổi tinh thần không có chỗ gởi gắm, giống như khi chúng tôi ở tại Dallas, Mỹ Quốc, đối diện nhà số 422 là một cụ già, cụ nuôi khoảng một trăm con mèo, nuôi nhiều như thế đó! Cụ gởi tâm tư vào chúng. Nhưng trên thân những con mèo ấy có bọ chét, chúng tôi đến sống tại Dallas, bao nhiêu lần bị bọ chét cắn. Lại nghe nói trong quá khứ có người bị bọ chét cắn khắp thân, đấy là tự hại mình lẫn hại người khác.

“Giai từ bi chi đạo dã. Vi loại thượng nhiên, đại giả khả tri hỹ” (Đều là đạo từ bi vậy, đối với loài nhỏ còn thường như thế, đối với loài lớn ắt có thể biết được): Vì vậy, người học Phật phải hiểu được đạo lý này, chúng ta yêu thương che chở động vật, chứ không nuôi nâng động vật. Đối với động vật đều bảo vệ thì đối với người đương nhiên lại càng phải nảy sinh tâm từ bi. Chúng ta xem đoạn thứ hai mươi ba:

Nhị tam, kim nhân bất năng như thị hành từ, phục gia thương hại khả hô?

(Hai mươi ba, người hiện thời chẳng thể thực hành lòng từ như thế, lại còn gây thêm tổn hại, há có nên chăng?)

Ở đây, đại sư cảm thán, con người hiện thời chẳng từ bi như chư Phật, Bồ Tát, thương xót hết thấy chúng sanh, cái tâm từ bi ấy chẳng hề có, trái lại còn tổn thương, tàn hại chúng nó, vậy là sai rồi. Nhưng trong xã hội hiện thời, nếu nghe chúng ta vẫn đọc những thứ này, mọi người sẽ chê cười, nói chúng ta quá lạc hậu, đầu óc quá cũ kỹ, mê tín đầy mà! Bọn họ nói có sai hay không? Đương nhiên nói sai rồi! Nhưng quý vị phải ghi nhớ: Mọi người đều sai thì đấy là đúng! Nói thật đấy! Ai nấy đều nói như vậy, họ cho rằng đấy mới là đúng, coi chúng ta là sai lầm. Trong tâm của chính chúng ta hiểu rõ thì chúng ta tự làm, nhưng chắc chắn chẳng đòi hỏi người khác phải làm. Quý vị bó buộc người khác làm thì quý vị đã sai rồi, chính quý vị muốn làm thì quý vị cũng sai rồi. Chính mình phải học Phật, y giáo phụng hành, ta không cần đòi hỏi người khác phải y giáo phụng hành. Phật pháp như vậy thì mới đề xướng, phát triển thuận lợi trong thế gian được! Phải hiểu điều này!

Đạo tràng của chúng ta ở nước Mỹ trước mỗi lần tổ chức một hoạt động với quy mô lớn, nhất định phải tìm một công ty sát trùng (pest control) để diệt trừ triệt để nhà, viện của chúng ta một lượt. Việc này nhìn vào là sát sanh. Đúng là giết không ít những loài động vật nhỏ: muỗi, kiến, gián, bọ chét... quả thật rất nhiều. Nguyên nhân là đâu? Là vì để Phật pháp được thúc đẩy thuận lợi tại nước Mỹ. Những người ngoài tiểu bang đến chỗ chúng ta dự Phật thất, nếu những loài động vật nhỏ ấy lan truyền bệnh truyền nhiễm, họ mang bệnh trở về làm sao chúng ta không thẹn với họ cho được? Lần sau còn ai dám đến đạo tràng này nữa? Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này!

Nhưng trước khi làm chuyện ấy, chính quý vị nhất định phải hiểu rõ: Ba ngày trước đó phải niệm Phật ở nơi ấy, niệm chú Vãng Sanh hồi hướng cho chúng, bảo chúng nó dọn đi: Ba hôm sau tôi muốn sát trùng chỗ này, phun thuốc sát trùng, mời chúng nó dọn đi. Nếu càng viên mãn hơn thì một tuần lễ trước đó làm một lần, ba ngày trước đó làm lần nữa, [tức là] làm hai lần. Tâm chúng ta chân thành, chúng sẽ thật sự dọn nhà, quả thật có cảm ứng. Tuy chúng đã dọn nhà, chúng ta vẫn phải làm chuyện này, vì sao? Hàng xóm nhìn vào biết chúng ta rất để ý đến vệ sinh, bảo vệ hoàn cảnh, người bên ngoài đến chỗ chúng ta tham gia pháp hội rất yên tâm, chuyện này là đúng!

Trong Giới Kinh nói Tỳ-kheo thanh tịnh trong quá khứ dựng một gian lều tranh sống trên núi, tìm thợ bên ngoài không ra, dựng lều tranh cũng do chính mình làm, muốn đốn cây để làm vật liệu xây dựng. Đốn cây thì ba ngày trước đó phải tụng kinh, niệm chú, cúng bái thần cây, mời vị ấy dọn nhà. Đương nhiên trên cây có rất nhiều động vật nhỏ sống bám vào, cũng phải mời chúng nó rời khỏi. Ba ngày sau chúng ta đốn cây, như vậy là đúng. Như vậy thì mới không có chuyện gì, chúng ta đã thông báo trước, đã thông báo mời họ dọn nhà. Thông thường chúng ta tụng A Di Đà Kinh, chú Vãng Sanh, niệm Phật hồi hướng cho họ. Chúng ta truyền Tam Quy cho chúng, dùng [nghi thức] Tam Quy trong [lễ] Phóng Sanh: “*Quy y Phật, chẳng đọa địa ngục; quy y Pháp, chẳng đọa ngã quý; quy y Tăng, chẳng đọa bàng sanh*”. Dùng cách ấy.

Nhị tứ, cổ kinh vân: “Thi ân tế pháp, sử kỳ đắc an. Nhược kiến sát giả, đương khởi từ tâm”.

(Hai mươi bốn, vì thế, kinh nói: “*Ban ân giúp đỡ kẻ thiếu thốn khiến cho được yên ổn. Nếu thấy kẻ giết hại, nên khởi từ tâm*”)

Chúng ta phải nỗ lực học tập bốn câu này. Hai câu trước, chúng ta thấy kẻ thiếu thốn thì phải giúp đỡ họ. Hiện thời, tại những quốc gia đã phát triển, nói chung cuộc sống vật chất đều chẳng đến nỗi thiếu thốn, nhưng cuộc sống tinh thần hết sức thiếu thốn, chúng ta phải giúp đỡ họ. Thiếu thốn về mặt vật chất thì xã hội hiện thời có rất nhiều tổ chức từ thiện đang làm, điều này cần phải có tài lực và nhân lực kha khá thì mới có thể thực hiện được. Đoàn thể của chúng ta ít người, tài lực cũng chẳng nhiều, chuyện hiện thời chúng ta có thể làm được chỉ là về mặt cuộc sống tinh thần, đặc biệt là bố thí Phật pháp. Trong Phật pháp, chúng ta đã bỏ nhiều năm để quan sát, lãnh hội, học tập mới thật sự hiểu rõ sự thù thắng của Tịnh tông. Chúng ta giới thiệu cho người khác, đương nhiên là đem thứ thù thắng nhất giới thiệu với người ta. Nói chung, chớ nên dành món tốt nhất cho chính mình, đem món hạng hai, hạng ba đưa cho người ta, làm như vậy chẳng xứng với người khác. Nếu họ không thể tiếp nhận được, chúng ta cũng chớ nên miễn cưỡng, quý vị ưa thích tu học pháp môn nào, chúng ta cũng tán thán, cũng cổ vũ, khích lệ.

Chớ nên nói pháp môn này của tôi là hạng nhất, pháp môn kia của quý vị là hạng nhì. Nghĩa lý đúng đắn trong nhà Phật là môn nào cũng đều là hạng nhất, không môn nào hạng nhì! Quý vị thấy hai mươi lăm môn Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm, có môn Viên Thông nào gọi là hạng nhì hay chẳng? Không có! Môn nào cũng đều là hạng nhất. Đây chính là “*pháp môn bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (pháp môn bình đẳng, không có cao - thấp), thật đấy! Nhưng chúng sanh căn tánh chẳng giống nhau, tuy môn nào cũng đều là pháp môn bậc nhất, có những pháp môn chúng ta không học được nổi, không đạt được kết quả. Học không nổi thì không đạt được kết quả, đối với chúng ta mà nói, pháp ấy không phải là bậc nhất. Một người có thể thật sự đạt đến chỗ tốt đẹp, thật sự đạt thành tựu [nơi pháp môn nào] thì pháp môn ấy đối với chính họ được gọi là bậc nhất. Giống như thuốc được bán trong tiệm thuốc, mấy trăm, mấy ngàn thứ thuốc, vị thuốc nào cũng là bậc nhất cả, đều trị được bệnh. Trị được chứng bệnh [của ai] thì người đó cũng coi [thuốc ấy] là bậc nhất; thuốc không trị được chứng bệnh, tuy là thuốc bậc nhất, người bệnh ấy không coi thuốc đó là bậc nhất, nhất định phải hiểu điều này.

Tuy Tịnh tông thích hợp trọn khắp ba căn, chúng ta đọc kinh thấy được rằng: Nếu không phải là thiện căn, phước đức, nhân duyên đã tu nhiều đời nhiều kiếp thì người ta chẳng thể tiếp nhận được pháp môn này, họ nhất định bài xích. Chúng ta nên hiểu rõ những sự thật này: Chúng ta tiếp nhận pháp môn này, ưa thích pháp môn này, đây là thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta chín muồi! Chúng ta giới thiệu với người khác, người khác chẳng thể tiếp nhận, chúng ta hiểu rõ là thiện căn, phước đức, nhân duyên của người ấy chưa chín muồi. Chưa chín muồi thì Phật, Bồ Tát đều chẳng thể độ được, chúng ta cực trí, nóng ruột làm chi?

Mọi người thường nghe nói “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ không có duyên), “vô duyên” ở đây chẳng phải là không có duyên gì với Phật, đối với hết thảy chúng sanh Phật đều có duyên, “vô duyên” là gì? Ý nói duyên của kẻ ấy vẫn chưa chín muồi. Duyên của kẻ ấy chưa chín muồi, Phật không độ được kẻ ấy, Phật đến giảng cho kẻ ấy, hắn không tiếp nhận, hắn đâu có nghe! “*Phật độ hữu duyên nhân*”, “hữu duyên” là gì? Duyên người ấy đã chín muồi rồi, giảng cho hắn thì hắn hoan hỷ tin nhận, đây là hữu duyên, duyên đã chín muồi. Do vậy, hữu duyên hay vô duyên tức là nói duyên đã chín muồi hay chưa. Chưa chín muồi thì giúp đỡ hắn, cổ vũ, khích lệ hắn, mong hắn được chín muồi; đã chín muồi rồi thì khuyên hắn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chưa chín muồi bèn giúp cho hắn chín muồi, vậy là đúng! Không có thiện căn, giúp cho hắn gieo thiện căn. Hắn niệm được một câu A Di Đà Phật, thấy tượng A Di Đà Phật, thấy sáu chữ “nam-mô A Di Đà Phật”, chính là “*lạc tại bát thức điên lý diện, vĩnh vi đạo chủng*” (rớt vào trong ruộng tám thức, vĩnh viễn là hạt giống đạo), đây là gieo chủng tử cho hắn. Chúng ta làm như vậy thì độ được hắn, đời này hắn chưa thể chín muồi, nhưng nhiều đời nhiều kiếp sau hạt giống ấy của hắn sẽ hiện hành, sẽ khởi tác dụng. Do vậy, người học Phật niệm niệm đều nhằm giúp đỡ chúng sanh, đây là Bồ Tát đạo, đây chính là điều được nói ở

đây “*thi ân tế phạp, sử kỳ đắc an*” (ban ân, giúp đỡ người thiếu thốn, khiến cho được yên ổn).

Chúng ta in rất nhiều tấm sticker [với bốn chữ] A Di Đà Phật, mục đích là ở chỗ này: Trồng thiện căn, gieo chủng tử cho hết thảy những người chưa có chủng tử thiện căn. Những ai đã tu nhưng chưa chín muồi, chẳng tin tưởng điều này, tu theo bất cứ một tông phái nào, y theo bất cứ kinh điển nào, chúng ta đều tán thán. Trong sự tán thán ấy, khuyến khích, cổ vũ họ, đem công đức tu học của người ấy cầu sanh Tịnh Độ, quyết định được sanh [Tịnh Độ]. Đoạn cuối cùng của phẩm Tam Bối Vãng Sanh trong kinh Vô Lượng Thọ nói tất cả những ai đọc tụng Đại Thừa muốn hồi hướng vãng sanh đều được vãng sanh. Do vậy, pháp môn Tịnh Độ vô cùng rộng lớn, tuyệt đối chẳng phải chỉ có người tu Tịnh nghiệp mới được vãng sanh, người học Thiền cũng có thể vãng sanh, người học Mật cũng có thể vãng sanh, người học Giáo cũng có thể vãng sanh, ai cũng đều có thể vãng sanh! Điều kiện là Tín - Nguyện - Hạnh, quý vị tin tưởng, muốn đi, lúc lâm chung một niệm hay mười niệm đều được.

Nhưng tu hành có một nguyên tắc: Bất luận tu theo một tông hay một phái nào, bất luận niệm kinh gì, niệm danh hiệu một đức Phật hay Bồ Tát nào, đều phải niệm đến nhất tâm bất loạn, phải biết điều này! Chúng ta niệm A Di Đà Phật, phải cầu nhất tâm bất loạn. Niệm Quán Âm Bồ Tát cũng phải cầu nhất tâm bất loạn. Niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng phải cầu nhất tâm bất loạn, vậy mới là đúng! Nhất tâm bất loạn là cái nhân để vãng sanh (năng sanh chi nhân), Tây Phương Cực Lạc thế giới là cái quả ngũ hầu sanh về đó (sở sanh chi quả). Do vậy, một niệm hồi tâm thay đều được vãng sanh, đây gọi là “công phu”. Nhất tâm ấy chính là thanh tịnh tâm, trong nhà Thiền gọi là Thiền Định, bên Giáo Hạ gọi là Chỉ Quán, có công phu ấy, có năng lực ấy mới được. Đây chính là điều chúng ta có nghĩa vụ phải báo cáo với những người tu hành theo các tông phái khác.

Trong chú giải có hai câu: “*Tài bố thí năng linh thân an, pháp bố thí năng linh tâm an*” (Tài bố thí khiến cho thân yên, pháp bố thí khiến cho tâm yên). Đây chính là đem nhân quả bố thí đều trình bày hết cả ra. Chú giải dẫn một câu chuyện từ Tạp Bảo Tạng Kinh[29], câu chuyện này nên xem kỹ càng, khi lên tòa giảng kinh có thể dùng làm dẫn chứng, những chuyện ấy đều là sự thật. Những nhân duyên quả báo tương tự như đã nói ở đây thì trong kinh điển, trong lịch sử Trung Quốc cũng không hiếm. Vì thế, những sách nhân quả trong thời đại này càng phải giảng nhiều, loại này mọi người rất thích nghe. Đặc biệt là đối với người trẻ tuổi, đang độ tuổi học sinh, tục ngữ thường nói: “*Tiên nhập vi chủ*” (cái gì được biết đến đầu tiên thì cái đó là chánh yếu). Họ đọc được nhiều sự tích cảm ứng, sự tích nhân quả báo ứng thì mai sau khôn lớn ra đời khởi tâm động niệm đều có kiên trì, như vậy thì tốt lắm. Nếu những nhân quả báo ứng có thể kết hợp với khoa học hiện đại thì tốt nhất, thật sự có thể khiến cho người ta tin phục, khiến cho mọi người tin tưởng. Sự bố thí ấy tuy nhỏ, nhưng nếu tâm địa thanh tịnh từ bi thì công đức rất lớn, trong Giới Kinh dẫn chứng những chuyện ấy rất nhiều.

Cổ nhân đem những chuyện ấy gom soạn lại, càng tiện cho chúng ta tham khảo, tác phẩm ấy chính là Kinh Luật Dị Tướng[30]. Kinh Luật Dị Tướng tổng hợp những câu chuyện nhân duyên quả báo trong kinh điển, còn có một bộ sách nữa là Pháp Uyển Châu Lâm. Do vậy, người giảng kinh trong buổi giảng phải chêm vào những câu chuyện xưa, xen vào những chuyện nhân duyên. Hai bộ sách ấy biên tập rất hoàn chỉnh, đây là công sức của cổ nhân. Trong lịch sử Trung Quốc, những giáo huấn về nhân duyên quả báo cũng [được ghi chép] rất nhiều. Lịch sử đáng tin cậy, chẳng thể tùy tiện chép vào, không phải là sự thật thì chắc chắn chẳng ghi chép. Người xưa cũng đã tổng hợp lại, đây chính là bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ, hình như hiện thời cũng có cho in lưu hành riêng. Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ[31] rất hay, đây là [chuyện] quá khứ. Trong hiện tại, từ báo chí, tạp chí hề có những câu chuyện như vậy, quý vị nên cắt ra [để dành], đây là chuyện hiện tại. Nêu thí dụ, đương nhiên càng gần đây càng hay, càng hiện đại thì người hiện đại chẳng có chút hoài nghi nào. Quá khứ thì kinh có kinh điển làm chứng cứ, sử có lịch sử làm chứng cứ, rất xác thực, đây chẳng phải là nói tùy tiện, đều đáng cho đại chúng tin tưởng, khiến cho chúng ta thấu hiểu sâu xa nhân quả báo ứng.

Nhị ngữ, Y! Khả bất giới dư!

(Hai mươi lăm, ôi! Chẳng nên răn dè ư?)

Trong điều [giới thứ nhất] này, đại sư Liên Trì hết sức cảm thán trước chuyện này. Trong phần chú giải trích dẫn Đại Trí Độ Luận, Phật nói sát sanh có mười thứ tội, sát nghiệp nặng nề dường như luôn luôn có, đây cũng là sự thật. Hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi.

Phần 5:

Xin mở sách đến trang mười bảy, dòng thứ nhất, chú giải ghi: “*Đại Luận vân*” (Đại Trí Độ Luận chép), thông thường chúng ta thấy trong chú sớ của cổ nhân ghi như vậy thì quá nửa là chỉ Đại Trí Độ Luận. Có khi ghi là “Trí Luận”, hết sức rõ ràng là Đại Trí Độ Luận. Có khi viết là “Đại Luận”, chữ Đại Luận này cũng chỉ Đại Trí Độ Luận, điều này chúng tôi giới thiệu sơ qua là được rồi. Trong Đại Trí Độ Luận, đức Phật nói sát sanh có mười thứ tội, điều này rất rõ ràng, không cần phải nói cặn kẽ. Chúng ta xem đoạn thứ hai mươi sáu:

Nhị lục, nhị viết bất đạo.

(Hai mươi sáu, điều thứ hai là không trộm cướp)

Đây là điều thứ hai trong mười giới, khóa học của chúng ta phải hoàn tất trước Tết Âm Lịch, sau Tết chúng ta không có nhiều thời gian. Do vậy, phần chú giải quý

vị tự xem, chỗ nào không rõ có thể nêu câu hỏi. Nếu không hỏi, chúng tôi sẽ lướt qua, không đọc. Do vậy, chính mình nhất định phải đọc, trong ấy có chữ khó thì phải tra [tự điển], phải chú thích âm đọc ra. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, chúng tôi gần như là dạy đọc, hướng dẫn cho quý vị đọc, còn thâm nhập nghiên cứu quý vị sẽ thể nghiệm trong hành trì sinh hoạt thường nhật, nhất định phải biến [Luật Nghi này] thành cuộc sống hiện thời của chúng ta thì giới luật này mới hành được thông suốt. Chúng ta không thể xoay ngược cỗ xe lại được, chẳng thể khôi phục thời đại xa xưa, cũng chẳng thể chiếu theo phương thức của cổ nhân, phải biết điều này. Chú giải do cổ nhân chú thích, những gì kinh điển đã nói đều là nguyên lý, nguyên tắc siêu việt thời gian, siêu việt không gian, chúng ta phải thấu hiểu tinh thần, biết được nguyên tắc, rồi mới biết áp dụng sao cho vô cùng thích đáng, thật viên mãn trong cuộc sống của chính mình. Đây gọi là “chân chánh trì giới”. Tiếp theo là phân giải thích:

Nhị thất, giải viết: “Kim ngân trọng vật, dĩ chí nhất châm, nhất thảo, bất đắc bất dĩ nhi thủ”.

(Hai mươi bảy, giải thích: “Từ vật đáng giá như vàng bạc cho đến một cây kim, một ngọn cỏ, chớ nên không cho mà lấy”)

“*Không trộm cắp*” được nói trong Phật pháp, nếu nói đơn giản nhất, rõ ràng chính xác nhất thì là “*không cho mà lấy*”. Đây đều là nói về vật có chủ, những vật có chủ nhân. Chủ nhân không cho chúng ta, chúng ta cứ tùy tiện lấy thì là trộm cắp. Nói thật ra, giới “trộm cắp” này hết sức nhỏ nhiệm, bất luận đồ vật gì dù quý trọng hay rẻ mạt, “*kim ngân trọng vật*” là vật quý trọng, “*nhất châm, nhất thảo*” là vật tầm thường, đều chớ nên “*không cho mà lấy*”. Phân hai mươi tám, hai mươi chín, ba mươi tiếp theo là giảng rõ cho chúng ta biết về giới cấm trộm cắp, ở đây là nói trong nhà Phật.

Nhị bát, nhược thường trụ vật.

(Hai mươi tám, nêu là vật thường trụ).

Thế nào là “thường trụ vật”? Thường Trụ là những gì thuộc về đạo tràng của chúng ta, đây là “thường trụ vật”, phàm ai là người xuất gia đều có phần. Muốn dùng vật thường trụ thì phải dùng theo cách như thế nào? Theo phương thức trước kia là phải “làm Yết-ma”. Yết-ma (karma) nói theo cách chúng ta bây giờ là “mở cuộc họp”, mọi người đều đồng ý thì chúng ta có thể lấy dùng. Mọi người không đồng ý thì chẳng được lấy dùng. Do vậy, khi chúng ta muốn sử dụng vật thường trụ thì phải được đại chúng đồng ý. Chuyện nhỏ nhất tầm thường mà phải được đại chúng đồng ý thì phiền phức quá, nhất là trong những tự viện tùng lâm lớn, mấy trăm, mấy ngàn người ở, gom hết lại mở cuộc họp rất phiền toái. Do vậy, vị “chủ tịch” của tùng lâm

tự viện, [tức là] vị hiện thời chúng ta gọi là Trụ Trì, hoặc Quán Trưởng của Đồ Thư Quán chúng ta, có thể thay mặt đại chúng phân xử. Đương nhiên chuyện nhỏ thì vị ấy có thể quyết định, chuyện lớn thì vị ấy cũng phải mở cuộc họp toàn thể. Ví dụ như phân xử bất động sản thuộc đạo tràng chúng ta là chuyện lớn, vị ấy nhất định phải kêu gọi đại chúng họp lại. Củi, gạo, dầu, muối tầm thường, một cây kim, một ngọn cỏ là chuyện nhỏ nhất, vị ấy có thể toàn quyền thay mặt đại chúng quyết định, phải biết điều này!

Trộm của thường trụ, tội lỗi ấy hết sức nặng nề, vì chẳng phải là kết tội với một cá nhân mà là kết tội với toàn bộ Tăng đoàn. Nhất là nếu đạo tràng ấy là thập phương đạo tràng, sự phiền phức càng lớn hơn nữa, tội lỗi nặng nề nhất. Nhưng hiện thời thập phương đạo tràng gần như không có, mang danh nghĩa là “thập phương đạo tràng”, chứ trên thực tế vẫn y như cũ, không phải là thập phương đạo tràng! Thập phương đạo tràng thì bất cứ người xuất gia nào đều có thể “quải đơn” (cư trú). Hiện thời người xuất gia đến [đạo tràng] quải đơn không dễ dàng chi, đây cũng là xu thế của thời đại. Trước kia lòng người ai cũng nặng về đạo, thuần hậu, xã hội có trật tự, xã hội an toàn, người phát tâm xuất gia đều là thiện tâm. Xã hội hiện thời kẻ gian dối, phạm tội quá nhiều, trong số người xuất gia cũng chẳng đàng hoàng. Nếu kẻ ấy đến phá hoại đạo tràng thì sự việc phiền phức lắm.

Trong thời kỳ Mạt Pháp này, trong kinh đức Phật giảng rất rõ ràng, con cháu của Ma đều xuất gia, hiện tướng Tỳ-kheo, gia nhập Tăng đoàn để phá hoại Phật pháp. Trong khi đức Phật còn tại thế, Ma vương Ba Tuần[32] thưa với Phật: “Trong tương lai, tôi sẽ phá hoại pháp của Ngài”. Đức Phật nói: “Chánh pháp của Như Lai không một ai có cách chi phá hoại được!” Ma nói: “Đợi đến thời kỳ Mạt Pháp, khi pháp vận của Ngài đã suy, tôi kêu con Ma, cháu Ma đều xuất gia hết, hiện tướng Tỳ-kheo để phá hoại Phật pháp của Ngài”. Đức Phật nghe xong, không nói một câu nào, ứa nước mắt. “*Thí như sư tử trùng, hoàn phệ sư tử nhục*” (Ví như trùng trong thân sư tử lại rĩa thịt sư tử). Đây là con cháu của Ba Tuần, chứ không phải là con cháu của Phật, đến phá hoại Phật pháp, chúng ta phải nâng cao tâm cảnh giác đối với điều này. Do vậy, trong giai đoạn hiện tại, khi [có ai] muốn gia nhập Tăng đoàn, chúng ta không thể không chú ý, không cẩn thận.

Do tình huống xuất gia hiện thời khác hẳn trước kia, trước kia xuất gia phải đậu cuộc thi do quốc gia tổ chức, đúng là “*phẩm đức kiêm ưu*” (tài lẫn đức đều cao); hơn nữa, cuộc thi do nhà vua chủ trì. Vì thế, người xuất gia xưa kia được xã hội tôn trọng là có lý vậy. Về mặt đức học thông thường, quý vị nhất định có trình độ tiến sĩ, lại còn phải thi đậu về Phật pháp, hoàng đế sẽ ban một tờ độ điệp cho quý vị. Quý vị cầm được tờ độ điệp ấy mới có tư cách xuất gia. Quý vị nói với vị pháp sư hữu duyên của một tự viện nào đó: “Tôi muốn xuất gia”. Vị ấy sẽ hỏi trước: “Anh có độ điệp hay không?” Có độ điệp thì có thể cho quý vị xuống tóc, không có độ điệp thì không thể thân nhận, bởi như vậy là phạm pháp. Người xuất gia được đế vương công nhận, thừa nhận: “Người có thể làm thầy ta, người có thể thay ta giáo hóa bá tánh”.

Do vậy, người xuất gia gọi là “đế vương sư” (thầy của vua chúa), được xã hội tôn trọng, hoàng đế tôn trọng. Trong thời đại ấy, người xuất gia phạm pháp, chẳng dùng pháp luật thế gian để xét xử mà dùng giới luật của Tăng đoàn để xét xử.

Hoàng đế Thuận Trị nhà Thanh phế bỏ chế độ cấp độ điệp, chế độ thi cử; sau đấy, người xuất gia trình độ không ngang nhau nữa. Có rất nhiều kẻ phạm tội không chạy đi đâu được bèn xuất gia. Phẩm chất của người xuất gia hiện thời suy sụp cả ngàn trọng, chắc chắn chúng ta chẳng thể dùng những tiêu chuẩn xưa kia để cân nhắc. Do vậy, hiện thời đạo tràng này chẳng thể làm thập phương đạo tràng là có lý, có cội nguồn lịch sử sâu xa vậy. Chúng ta làm như vậy không sai, người ta đến quải đơn với chúng ta ở nơi đây, muốn đến ở với chúng ta vài ngày, nhất định phải quan sát. Nếu kẻ ấy lai lịch bất minh, tốt nhất là chúng ta đừng thu nhận. Cổ nhân thường nói: “*Thỉnh thân dung dị, tống thân nan*” (mời thân dễ, tiễn thân khó). Vì sự an toàn của đạo tràng chúng ta, nhất định phải rất thận trọng, phải biết điều này! Từ xa đến, đãi họ ăn một bữa cơm là được rồi, chẳng giữ họ ở lại. Ở tại nơi đây thì nhất định có người thân thuộc, có người chúng ta biết rất rành giới thiệu thì có thể ở lại vài ngày. Chuyện này phải biết, chuyện này chẳng phạm giới. Thời đại này khác với thời đại trước, Phật pháp khế cơ khế lý, “cơ” là hoàn cảnh hiện tiền, nhất định phải biết hoàn cảnh hiện tiền.

Nhị cửu, nhược tín thí vật.

(Hai mươi chín, nếu là vật của tín thí)

“*Tín thí vật*” chính là vật do tín đồ cúng dường cho thường trụ. Cúng dường thường trụ, nhưng còn chưa chia cho mọi người, thì vật ấy là của tín đồ, là của tín chúng. Khi còn chưa chia thì thuộc về “tín thí vật”. Tuy vậy, cúng dường cho chúng ta, chúng ta chia cho mọi người rồi thì [vật ấy] thuộc về loại nói ở dưới đây là “*tăng chúng vật*”.

Tam thập, nhược Tăng chúng vật.

(Ba mươi, nếu là vật của Tăng chúng)

“*Tăng chúng vật*” là vật đã chia cho mỗi một người, thuộc về mỗi cá nhân. Những điều này chúng ta đều phải hiểu rõ, đều phải rành rẽ. Tiếp theo còn có ba điều nữa, nhưng không thuộc về Tăng đoàn.

Tam nhất, nhược quan vật.

(Ba mươi một, hoặc là quan vật)

“*Quan vật*” nói theo cách bây giờ là vật thuộc về quốc gia, thuộc xã hội, thuộc về chánh quyền địa phương, nay chúng ta gọi là những “thiết bị, công trình công

cộng”. Thiết bị công cộng đều được xây dựng từ tiền đóng thuế của nhân dân. Chúng tôi nêu một thí dụ nhỏ, như điện thoại công cộng, điện thoại công cộng do chánh phủ lắp đặt, hoặc do chánh quyền thành phố lắp đặt, hoặc do công sở của một khu vực lắp đặt, đều do tiền nộp thuế của dân chúng mà có. Nếu muốn ăn trộm thứ ấy thì sẽ mắc tội với nhân dân cả thành phố, tội ấy rất nặng. Phạm là vật thuộc của công phải nhất định yêu tiếc, quý vị không yêu tiếc đều có tội, nhất định phải biết điều này.

Bình thường chúng ta nói đến tu phước, tích lũy công đức, thực hiện từ đâu? Yêu tiếc vật thường trụ, yêu tiếc của công. Những vật thuộc về của công phải coi trọng hơn những vật thuộc về chính mình. Những vật của chính chúng ta nếu làm hỏng không sao cả, phải biết những vật thuộc về của công là vật thuộc đạo tràng, thuộc về thập phương thường trụ, chúng ta phải làm sao cho xứng với người xuất gia mười phương. Nếu những thiết bị công cộng chúng ta không cẩn thận, không chú ý làm hỏng thì làm sao xứng đáng với dân chúng của cả thành phố. Quý vị nghĩ được như vậy thì tự nhiên sẽ sanh tâm cung kính, tự nhiên rất chú tâm, rất cẩn thận. Đây là chúng ta tu phước, là đang tích đức!

Trong cửa Phật cũng thường nói: “*Địa ngục môn tiền tăng đạo đa*” (trước cửa địa ngục, sư sãi, đạo sĩ đông đảo). Vì sao người xuất gia dễ đọa địa ngục như vậy? Không biết, không hay, không có ý thức ấy, không có khái niệm ấy, thường xuyên phạm lỗi! Tùy tiện làm hư hỏng các thiết bị công cộng, coi thiết bị công cộng rất thường, coi đồ đạc của chính mình rất trọng, đây là điên đảo, đây là làm lạc! Nhất định phải dè chừng, nhất định phải tiếc phước. Dùng điện thoại thì trừ phi bắt đắc dĩ, đừng dùng! Khi dùng thì gắng hết sức tiết kiệm thời gian, đây là quý vị tiếc phước, [vì] đây chính là “*thường trụ vật*”. Không có phước báo thì đạo tràng theo đúng chánh pháp có thần hộ pháp, quý vị hưởng hết phước báo rồi, thần hộ pháp trục đi, quý vị ở chỗ này không được. Thân tâm quý vị không yên, đạo tràng chúng ta không kêu quý vị đi, mà chính quý vị không đi không được! Sức mạnh nào vậy? Thần hộ pháp đuổi đi. Thần hộ pháp đuổi đi là hoa báo, tương lai còn có quả báo, gặp phiền phức rồi!

Đạo tràng chúng ta là một đạo tràng hoằng pháp, trong tương lai mọi người đều có cơ hội ra ngoài hoằng pháp, bất luận là đạo tràng mời quý vị, hay là các cư sĩ thỉnh riêng quý vị, người ta tiếp đãi quý vị, đối với đồ đạc trong nhà người ta cũng phải quý tiếc giống hệt như vật của thường trụ; quý vị mới được người khác lễ kính. Phải có lòng từ bi, đừng làm phiền người khác, dùng đồ vật của người ta phải kỹ càng như dùng vật của thường trụ. Vậy mới là đúng! Đây là giống như người xuất gia, giống như người trì giới.

Tôi có lần ở tại nước Mỹ, cũng là đi các nơi hoằng pháp, Quán Trưởng phái hai vị Ngô Chiêu, Ngô Hạnh làm thị giả cho tôi. Đối với sự hành trì của hai vị ấy, các cư sĩ phê bình Ngô Chiêu khinh phước, không biết tiếc phước, gọi điện thoại quá lâu, gọi điện thoại quốc tế về Đài Loan, cầm điện thoại nói cả nửa tiếng đồng hồ hay một tiếng đồng hồ, quá đáng! Sau này, khi hóa đơn điện thoại gửi về, quý vị nghĩ

trong tâm người ta sẽ cảm thấy như thế nào? Giống người xuất gia ở chỗ nào? Vị này rất thông minh, phản ứng rất lẹ làng, tôi và Quán Trưởng đều rất tán thưởng ông ta. Đối với chuyện ông ta bỏ đi, Quán Trưởng nuôi tiếc sâu đậm, chúng tôi cũng mong giữ được ông ta ở nơi đây, chúng tôi thật sự không muốn để ông ta đi, nhưng thần hộ pháp đẩy đi! Ông ta rời bỏ nơi này của chúng ta hoàn toàn chẳng phải do ý của tôi và Quán Trưởng, chúng tôi đều mong mỗi ông ta có thể chất phác tu học siêng năng và đạt thành tựu trong Tăng đoàn chúng ta. Khăng khăng không nghe, cứ muốn đi, khuyên thế nào ông ta cũng không ở lại. Do vậy, tôi bảo Quán Trưởng: “Đừng buồn, thần hộ pháp đẩy đi, đây là chuyện không làm chi được hết! Không biết tiếc phước, thần hộ pháp đẩy đi ấy mà!” Những chuyện giống như vậy đều thuộc về giới trộm cắp, quý vị làm quá đáng rồi! Do vậy, phải quý tiếc đồ dùng công cộng.

Tam nhị, dân vật.

(Ba mươi hai, đồ vật của dân)

“*Dân vật*” là mọi đồ đạc của dân chúng. Tôi vừa mới nói đó, chúng ta đến nhà cư sĩ, được người ta tiếp đãi, hết thấy những vật dụng trong nhà người ta chúng ta phải yêu quý như đồ vật thuộc về thường trụ, vậy mới là đúng!

Tam tam, nhất thiết vật.

(Ba mươi ba, hết thấy vật)

“*Nhất thiết vật*” là những vật thuộc về quý thần, cảm thú, thường gọi là “vật vô chủ”, thật ra là không phải không có chủ, chẳng qua chúng ta không thấy được đó thôi. Nêu một ví dụ, chẳng hạn như cây cối, cây cối là vật thuộc quý thần. Trong Giới Kinh có nói, cây cao hơn chiều cao một người đều có quý thần nương gá trong ấy. Quý thần không có chỗ ở, sống trong cây, chúng ta kêu là “thọ thần” (thần cây). Cây nào có thần? Mà chính là quý thần sống nương gá vào chỗ ấy.

Trước kia, người xuất gia sống trên núi cắt một lều tranh, dùng vật liệu ngay nơi ấy. Do vậy, quý vị phải nhớ kỹ: Người xuất gia chuyện gì cũng phải biết. Chớ có nói chuyện này không biết, tội hồ tở về chính mình thanh cao, làm rồi! Giặt quần áo, nấu cơm, may vá, ngay cả cắt nhà, dựng lều tranh, xưa kia đều do chính mình làm. Dựng lều tranh đương nhiên phải đốn cây để làm vật liệu. Trong Giới Kinh nói: Ba hôm trước khi đốn cây phải đến nơi đó cúng tế, tụng kinh, niệm chú cho họ, bảo họ ba ngày sau tôi muốn dùng thứ này làm vật liệu, xin thần cây dọn nhà, nhường cho tôi, vậy là đúng pháp. Đây là cung kính đối với hết thấy mọi vật.

Cây cối hoa cỏ đều có thần nương gá; do vậy, chúng ta đối với những vật ấy có thể thương thức, nhưng chớ nên chấp trước, chớ nên yêu thích chúng quá đáng. Yêu thích quá đáng, yêu thích hoa thì đời sau có thể biến thành thần hoa; yêu thích cây có thể biến thành thần cây. Vì vậy, Phật dạy chúng ta đối với hết thấy vạn vật đều

phải dùng tấm lòng bình đẳng để đối đãi, chớ nên ham đắm, vật gì chúng ta dùng đến nó chớ nên ham đắm, phải buông bỏ được. Hễ ưa thích một thứ gì sẽ biến thành một loại ham đắm, phiền phức lớn lắm! Người xuất gia có kẻ ưa thích tượng Phật, tượng Phật xưa có giá trị vô cùng, coi như đồ quý báu để tom góp, chẳng chịu buông bỏ. Đòi sau sẽ đi về đâu? Tượng Phật lại chẳng thể sanh con đẻ cái, trong tượng Phật có ký sinh trùng, trong tượng Phật có chuột. Chúng tôi có lần sống ở chùa Long Hoa tại Hương Cảng, trong tượng Phật có ổ chuột. Nếu quý vị yêu mến quá mức không bỏ được, tương lai sẽ biến thành loại ấy. Trong chùa miếu có gián, có chuột là do đâu? Đều là những hòa thượng đòi trước không bỏ được, lưu luyến nơi ấy, biến thành những loài đó! Ưa thích sách thì trong sách có loài mọt sách, sẽ biến thành loài mọt sách. Đây đều là sự thật!

Do vậy, chúng ta phải đổi cái tâm hoan hỷ đó, nhất tâm nhất ý ưa thích A Di Đà Phật, ưa thích Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là đúng! Lúc lâm chung, ý niệm nào mạnh, ý niệm có sức mạnh hơn sẽ lôi quý vị đi đâu thai trước hay đi thọ sanh trước. Người niệm Phật chẳng thể vãng sanh là vì có tâm tham luyến đối với pháp thế gian, ắt [là vì] có chuyện không buông xuống được, đây chính là cội nguồn khiến quan trọng đến cùng cực, cội nguồn của việc người ấy chẳng thể vãng sanh. Vì vậy, mọi việc buông xuống hết, điều gì cũng dùng được nhưng chẳng chấp trước một điều gì, khi mất đi chắc chắn chẳng đau lòng. Vậy là quý vị đại tự tại rồi! Đây là đem giới cấm nói ra, tiếp theo là nói đến những hành vi trộm cắp.

Tam tứ, hoặc đoạt thủ.

(Ba mươi tư, hoặc đoạt lấy)

“*Đoạt thủ*”, mọi người thường hiểu lầm điều này, nghĩ đây đâu phải là trộm cắp, chứ thật ra đây là [phạm] giới trộm cắp. Ví dụ như hiện thời ông Giản Phong Văn đang làm nghề kiến trúc, chiều hôm qua đến thưa với tôi: “Bạch sư phụ! Chiều nay con không thể đến nghe kinh được” “Vì sao?” “Con phải đi tặng bao lì-xì”. Có phải là cam tâm tình nguyện hay không? Không phải! Chẳng phải là cam tâm tình nguyện, nhưng không tặng đâu có được, người nhận lấy đã phạm giới trộm cắp. Thế nhưng phạm vi [của giới này] lớn lắm! Quý vị địa vị càng cao, người ta có chuyện cầu cạnh quý vị, chẳng thể không biếu xén, nhưng hoàn toàn chẳng phải do cam tâm tình nguyện, đều thuộc về giới trộm cắp hết! Người thời xưa làm quan, hai ống tay áo thênh thang gió mát, quyết định chẳng nhận những vật gì không nên nhận, quý vị mới hiểu phạm vi rộng lớn của giới trộm cắp! Hễ chẳng phải là do tôi cam tâm tình nguyện, mà là bắt buộc dĩ không biếu xén không xong, đây đều gọi là “*đoạt thủ*” (đoạt lấy), lươn lẹo ý thể đoạt lấy, quý vị không dám không biếu, không dám không bợ đỡ. Đây đều là giới trộm cắp.

Tam ngũ, hoặc thiết thủ

(Ba mươi lăm, hoặc lén lắt)

“*Thiết thủ*” là lén lút lắt, nay chúng ta gọi là “ăn trộm”.

Tam lục, hoặc trá thủ.

(Ba mươi sáu, hoặc gạt lắt)

“*Trá thủ*” là dùng phương pháp lừa đảo để đạt được, đều thuộc về trộm cắp. Trong xã hội hiện thời [chuyện này] rất nhiều: Làm đồ giả mạo nhãn hiệu [nổi tiếng] để bán kiếm lời, không thành thật, lừa dối là thuộc về loại này. Đấy đều là phạm giới trộm cắp.

Tam thất, nãi chí thâm thuế mạo độ đẳng, giai vi thâm đạo.

(Ba mươi bảy, cho đến trốn thuế, làm đồ giả, đều là trộm cắp)

Do vậy, giới trộm cắp này rất nhỏ nhiệm, chẳng dễ gì giữ được! Có rất nhiều tín đồ thọ giới xong đến hỏi tôi: “Bạch sư phụ! Nay chúng con buôn bán, không trốn thuế không thể có lời được. Mọi người đều trốn thuế, chúng con làm sao đây?” Đương nhiên tốt nhất là đừng thọ giới. Thế nhưng không thọ giới cũng chớ nên làm, vậy làm như thế nào? Tôi bắt buộc dĩ giới thiệu phương pháp của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư lấy trộm, lấy trộm tiền tài từ công quỹ, để làm gì? Phóng sanh. Không phải để tự mình hưởng thụ mà là thay thế quốc gia tu phước, thay thế xã hội tu phước. Chuyện trộm cắp ấy là [hạnh] Bồ Tát, chứ không phạm giới trộm cắp, Ngài không mắc tội. Vì sao? Quốc gia chúng ta không tin Phật pháp, không biết tu phước báo; đại chúng xã hội không hiểu Phật pháp, không biết tu phước. Chúng ta trộm lấy một ít để tu phước thay cho xã hội, tu phước thay cho quốc gia. Đấy là tâm Bồ Tát, Vĩnh Minh Diên Thọ như vậy đấy. Như vậy thì được!

Nếu trốn thuế để chính mình hưởng thụ thì quý vị có tội lỗi lớn rồi, vì tiền thuế thâm từ nhân dân. Quý vị phải hướng về nhân dân cả nước mà sám hối, khi trả nợ trong tương lai, nhân dân cả nước đều có phần, quý vị phải trả khi nào? Chuyện này hết sức phiền phức! Quý vị ăn trộm của một người, tương lai trả nợ là trả cho một người, còn được đi! Quý vị ăn trộm của dân cả nước, vậy thì phiền quá, đấy là chuyện rất đau đầu. Vì thế, trộm của thường trụ và trộm của công, ăn trộm vật công cộng, tội lỗi ấy nhất định đọa địa ngục A Tỳ. Nếu các vị ăn trộm của đối tượng nào đông quá, ăn trộm của dân cả nước, vấn đề hết sức nghiêm trọng! Chúng ta ắt phải biết, ắt phải hiểu rõ.

“*Mạo độ*” được giải thích trong phần sau. Chúng ta mở sách xem dòng mười hai trong trang mười chín, “*mạo độ*” là giả mạo. Trong xã hội chúng ta ngày nay thường nghe đến chuyện làm giả, làm nhái. Đấy là tham lợi mà xâm phạm quyền lợi của người khác. Đấy đều thuộc về trộm cắp.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, phạm vi của nó hết sức rộng lớn, hết sức tỉ mỉ. Sau khi thật sự hiểu rõ xong, người ấy nhất định sẽ hết sức yêu mến vật dụng thuộc thường trụ, hết sức quý tiếc thiết bị công cộng, coi vật của thường trụ và đồ công cộng nặng gấp mười lần đồ của chính mình không chừng. Nhất định phải hiểu điều này, đây là đạo lý chân chánh, là sự thật chân chánh. Bất luận quý vị có thọ giới hay không, nếu quý vị phạm thì đều mắc tội, mà tội còn rất nặng! Tiếp theo là nêu những quả báo do phạm tội trộm cắp:

Tam bát, kinh tải nhất sa-di đạo thường trụ quả thất mai, nhất sa-di đạo chúng tăng bính số phiên, nhất sa-di đạo chúng tăng thạch mật thiếu phần, câu đọa địa ngục.

(Ba mươi tám, kinh chép một sa-di trộm bảy trái cây của thường trụ, một sa-di lấy trộm mấy cái bánh của chúng tăng, một sa-di ăn trộm chút thạch mật của chúng tăng, đều đọa địa ngục)

Những chuyện này phát xuất từ kinh Phật. Chúng ta thấy [ăn cắp] rất ít, trong phần chú giải sau đó đã viết rất tường tận, quý vị hãy tự xem. “*Kinh tải nhất sa-di đạo thường trụ quả thất mai*”. Vị sa-di này cũng kể như là có lòng tốt, ăn trộm bảy trái cây để cúng dường sư phụ, “*nhất sa-di đạo tăng bính số phiên*” ăn trộm mấy tấm bánh nướng. “*Nhất sa-di đạo chúng tăng thạch mật thiếu phần*”: Thạch mật là đường mía, giống như đường phèn hiện thời, từng khối từng khối một, giống như đá vôi. “*Câu đọa địa ngục*” (đều đọa địa ngục), quý vị thấy chuyện nhỏ xíu xiu như vậy, chẳng đáng kể chi, vì sao mắc tội nặng như vậy? Quý vị phải biết là vì những đồ ấy là vật thuộc thường trụ, là vật của chúng tăng, chứ không phải của một cá nhân. Quý vị ăn trộm của một cá nhân, không mắc tội nặng dường ấy, trả nợ cũng dễ dàng, sám hối cũng thuận tiện. Quý vị phải hiểu: Thường Trụ, Tăng Chúng không chỉ là một tăng đoàn của chúng ta vì Tăng không có giới hạn, người xuất gia trong tận hư không trọn pháp giới là một Tăng đoàn. Do vậy, “phá hòa hợp Tăng” là trọng tội!

Tuy chúng ta ngày nay là trên hình thức, khi mọi người xuất gia đến nơi chúng ta không thu nhận họ, đây là thời kỳ bất thường, là biện pháp tạm thời. Người thật sự xuất gia thật sự có lòng tốt, chúng ta cầu còn không được, hoan nghênh họ đến còn không kịp. Do vậy, chúng ta quả thật là Tăng đoàn thật sự, quả thật là thập phương đạo tràng; hiện thời giống như biện pháp bắt đắc dĩ trong thời kỳ chiến tranh, loạn lạc, trong thời kỳ bất thường, để bảo vệ sự an toàn của tăng đoàn chúng ta nên mới làm như vậy. Đây là chánh xác! Vì thế, đây là thời kỳ không bình thường, là thủ đoạn bất thường. Nhưng phải nhớ kỹ, hết thấy những gì được trang bị trong Tăng đoàn chúng ta đều thông khắp mười phương, đều trọn khắp pháp giới, chúng ta và trọn khắp hư không pháp giới cùng là một thể thì quý vị mới hiểu khi trộm một cây kim, một ngọn cỏ, tội ấy đều là A Tỳ địa ngục!

Nếu đạo tràng của chúng ta đây do tư nhân thiết lập, do tôi truyền cho đồ đệ của tôi, truyền cho đồ tôn của tôi, gọi là “tử tôn đạo tràng” (đạo tràng truyền cho con cháu) thì tội lỗi chẳng nặng nề đến thế, mà nhẹ thôi! Vì sao vậy? Đạo tràng này của quý vị là một gia đình, là một gia tộc, chẳng thông khắp mười phương, chẳng thông khắp ba đời, nên kết tội khác nhau.

Trong xã hội hiện thời, tử tôn đạo tràng rất nhiều. Đạo tràng này của chúng ta không phải là tử tôn đạo tràng, đạo tràng này do đại chúng quyên tặng cúng dường, không phải do một người bỏ tiền ra, không phải do một người làm chủ. Ở Đài Loan có một người, gia tộc của chính ông ta có tiền bèn lập ra một đạo tràng. Tuy tạo dựng một đạo tràng, ông ta cũng nhận hết thầy cúng dường của tín đồ, chẳng hiểu cách tính sổ sách trong đó ra sao, chúng ta cũng không biết tính toán, nhưng nhất định biết tính toán sổ sách.

Vì thế, thập phương thường trụ là trân quý nhất, chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ. Chuyện cảm ứng trong đạo tràng của chúng ta rất nhiều, nhưng chúng tôi không nói, trên những bản tin chúng ta cũng không viết. Vì sao? Đạo tràng chánh pháp không làm những chuyện ấy. Hiện thời rất nhiều đạo tràng dùng những chuyện cảm ứng để dụ hoặc tín đồ. Trong những chuyện cảm ứng của chúng ta thì có rất nhiều quý thần thỉnh cầu muốn đến đạo tràng của chúng ta, chuyện này thường xảy ra. Năm trước vào đúng mùng một Tết, chín giờ sáng gọi điện thoại muốn vào trong đạo tràng của chúng tôi, chúng ta thờ bài vị của vị đó tại đây. Chuyện này chúng tôi thường chẳng kể ra, đều không nhắc đến. Quý vị nói đạo tràng này không thù thắng, vì sao [quý thần] khăng khăng đến đây? Yêu cầu được đến đây? Quán Trưởng nói: “Vì sao gọi điện thoại cho tôi?” Tôi nói: “Bà là chủ nhân, bà đồng ý mới được! Gọi điện thoại cho tôi, vô ích! Nhất định phải gọi bà, bà bằng lòng vị ấy mới vô được chớ!” Chuyện kiểu này rất nhiều. Quý vị mới hiểu rằng đạo tràng này quả thật được chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ. Quý vị chớ nghĩ rằng cánh cửa đó mở toang, [nếu] chúng ta ở đây không đồng ý, mọi quý thần không vào được! Họ yêu cầu chúng ta chấp thuận, thờ bài vị, họ mới vô đây được, nhưng chúng tôi không nói ra. Những đạo tràng có chuyện nhỏ nhặt đều tuyên dương rầm rộ; không có thì bịa đặt đồn thổi, mục đích của họ là gì? Mong mọi tín đồ đều tới. Phàm là những chuyện cảm ứng ấy, một chữ chúng tôi không nhắc tới, chỉ có một số ít thường tới đây là biết, quyết định chẳng tuyên dương. Mọi người nỗ lực tu học, tương lai đều có thành tựu. Vì thế, với phần chú giải ở chỗ này, bản thân [quý vị] nhất định phải xem kỹ. Chúng ta xem đoạn ba mươi chín:

Tam cửu, cổ kinh vân: “Ninh tỵ đoạn thủ, bất thủ phi tài”.

Tứ thập. Y! Khả bất giới dư!

(Ba mươi chín, vì thế kinh nói: “Thà chặt tay, chẳng lấy của sai trái”.

Bốn mươi! Ôi! Chẳng nên răn dè ư!)

Phải biết lợi - hại ở chỗ này, rồi quý vị mới biết tu phước ra sao, tiếc phước như thế nào, vun bồi phước như thế nào, quý vị mới có thể phước huệ song tu. Quý vị không biết, không hiểu rành cách tu phước huệ song tu ra sao? Đúng là “tu mù luyện đui”. A! Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng tới đoạn này.

Hỏi: “*Nhược đạo tha kinh quyển, kế chỉ mặc trị phạm tội*” (Hỏi: Nếu trộm quyển kinh của người khác, tính tội đã phạm theo giá trị của giấy và mực), dường như tội không nặng lắm! Phía trước nói: “*Đạo tăng man vật giả, quá sát bát vạn tứ thiên phụ mẫu đặng tội*” (trộm tràng hoa của Tăng, tội nặng hơn giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ), sao mà sai biệt quá xá vậy?

Đáp: “*Đạo tha kinh quyển*” là vật của một người thôi, nên tội rất nhẹ. Một quyển kinh bao nhiêu tiền, tôi chỉ thiếu quý vị bao nhiêu đó tiền. Tôi trả quý vị cũng tiện lắm. Nhưng vật của thường trụ thì nặng nề lắm! Vật của thường trụ là gì? Thường trụ là mỗi một người đều có phần. Ví dụ như một quyển kinh của thường trụ là mười đồng, đây là của thường trụ, quý vị ăn trộm. Thường trụ có bao nhiêu người? Vừa mới nói đây thôi, đạo tràng này của chúng ta thông khắp mười phương ba đời, chẳng biết rõ con số nữa! Quý vị thiếu mỗi người mười đồng, quý vị cũng không biết rõ [con số là bao nhiêu nữa]. Nếu quyển kinh này là của cá nhân tôi, quý vị lấy trộm, quý vị trả cho tôi mười đồng là xong rồi. Nặng - nhẹ khác nhau như vậy đó!

Vì thế, vật của thường trụ quyết định chẳng được trộm, vật thuộc công cộng chớ nên ăn trộm. Nếu khi quý vị ăn trộm đồ vật công cộng, nếu vật ấy do quốc gia lập đặt, quý vị kết tội với dân cả nước. Nếu do chính quyền Đài Bắc lập đặt, quý vị kết tội với người dân cả thành phố Đài Bắc. Vậy là phiền phức lắm, nặng vậy đó! Vì thế, ăn trộm của một người tội rất nhẹ, ăn trộm vật của thường trụ kết tội nặng nề. Quý vị thấy một sa-di ăn trộm bảy trái cây, có đáng kể chi, vì sao đọa địa ngục? Do là vật của thường trụ! Một cây kim, một cọng cỏ tội thuộc về vật của thường trụ tội đều nặng cả, thuộc về một cá nhân thì tội rất nhẹ; do vậy, chớ nên trộm vật của thường trụ. Quyết định chẳng được ăn trộm vật thuộc công cộng, mắc tội rất nặng. Người ta thường không hiểu, chẳng biết đạo lý này, tự cậy mình thông minh, gây tạo tội nghiệp lớn lao, quả báo trong tương lai chẳng thể nghĩ tưởng được!

SA DI LUẬT NGHI YẾU LƯỢC TRỌN BỘ

[1] Đánh cách có nghĩa là in một dòng cao hơn những dòng khác, những dòng kẻ đó in thấp xuống một chữ.

[2] Lục phạm: thiên, nhân, A Tu La, súc sanh, địa ngục, nga quý.

[3] Hiền Thủ Ngũ Giáo (ngũ giáo theo cách phán định của ngài Hiền Thủ): Ngài Hiền Thủ chính là tam tổ của tông Hoa Nghiêm. Ngài phán định giáo pháp của đức Phật được chia thành năm loại, tức là: Tiểu Thừa Giáo (ngũ pháp Thanh Văn giáo), Đại Thừa Thi Giáo (Quyền giáo), Đại Thừa Chung Giáo (Thật Giáo), Đốn Giáo, Viên Giáo (theo Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương, quyển 1). Sở dĩ gọi là Hiền Thủ Ngũ Giáo để phân biệt với Ngũ Giáo được phán định bởi ngài Khuê Phong Tông Mật cũng thuộc tông Hoa Nghiêm.

[4] Tứ Giáo là cách phán định giáo pháp của tổ Trí Khải (Trí Giả đại sư) tông Thiên Thai, gồm: Tạng, Thông, Biệt, Viên.

[5] Tam luân thể không: Bản thể của người thí, người nhận, vật được bố thí đều là không.

[6] Trong Đại Tạng Kinh có hai bản Phật Thuyết Vị Tăng Hữu Nhân Duyên Kinh:

1. Bản thứ nhất gồm một quyển được dịch vào thời Đông Hán, tên người dịch đã thất lạc. Vị Tăng Hữu chỉ thiện căn của Như Lai rộng lớn, hiếm có. Kinh này xiển dương công đức vô lượng của việc kiến tạo Phật tháp và Phật tượng.

2. Bản thứ hai gồm 2 quyển, do ngài Đàm Cảnh dịch vào thời Nam Tề. Nội dung tường thuật chuyện Phật sai Mục Kiền Liên đến thành Ca Tỳ La thuyết phục Da Du Đà La cho La Hầu La xuất gia. Rồi đức Phật giảng cho vua Ba Tư Nặc và đình thần công đức của việc nghe pháp, lại giảng cho bốn tên “thạch nữ” (đàn bà không thể có con được, thân hình ô dề, thô kệch, sức vóc như đàn ông, chuyên lo khiêng kiệu cho hoàng hậu, phi tần) hiểu do nghiệp báo nào họ lại là thạch nữ, cũng như nói những phương tiện Khai - Giá của Ngũ Giới cho vương tử Kỳ Đà nghe.

Bản kinh được hòa thượng Tịnh Không nhắc đến ở đây chính là bản kinh thứ hai.

[7] Chư Kinh Yêu Tập còn có tên là Thiện Ác Nghiệp Báo Luận, do ngài Đạo Thế (có thuyết nói là ngài Đạo Tuyên là tác giả) được soạn vào năm Hiên Khánh thứ tư (659) đời Đường. Tác phẩm này bao gồm những trích đoạn quan trọng từ các kinh, nhưng chú trọng nhiều nhất về nghiệp báo thiện ác, rồi chia thành từng loại. Sách gồm 20 quyển, chia thành 815 tiểu mục. Sách này có tính chất gần như một tiểu từ điển bách khoa về Phật giáo. Dựa trên cấu trúc và ý tưởng của sách này, về sau, Pháp Uyển Châu Lâm được biên soạn chi tiết và đầy đủ hơn.

[8] Cụ Túc Giới (Upasampana), còn phiên là Ô Ba Bát Na, dịch nghĩa là Cận Viên (gần với sự viên mãn), tức là thân cận với Niết Bàn. Đôi khi còn dịch là Cận Viên Giới, Cận Cụ Giới, hoặc chỉ gọi vắn tắt là Đại Giới, tức là giới luật của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. So sánh với giới của Sa Di, giới phẩm Tỳ-kheo phức tạp, chi tiết hơn nên gọi là Cụ Túc Giới. Tỳ-kheo có 250 giới, Tỳ-kheo-ni có 348 giới. Các nước theo truyền thống Đại Thừa và chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa dùng Tứ Phần Luật làm căn bản cho Cụ Túc Giới. Muốn được thọ Cụ Túc Giới, giới tử phải thân thể khỏe mạnh, các căn đầy đủ, không bị đui, mù, câm, điếc v.v.. không phạm tội, không phạm giới hủy nhục Tỳ-kheo-ni, Sa-di-ni v.v... tuổi từ 20 đến 70.

[9] Tam Đàn Đại Giới là giới đàn truyền cả ba cấp giới cho giới tử gồm: Sơ Đàn: Truyền Sa Di, Sa Di Ni Giới; Nhị Đàn: Truyền Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni giới; Tam Đàn: truyền xuất gia Bồ Tát Giới. Theo truyền thống của Phật giáo Trung Quốc, người xuất gia phải thọ đủ cả ba giới đàn này mới được coi là người xuất gia có tư cách Đại Thừa. Thời gian truyền giới thường bắt đầu từ hôm 30 tháng trước đến 14 tháng sau. Một đại đàn truyền giới như vậy phải có một vị Đắc Giới hòa thượng, Yết Ma A Xà Lê Sư, Giáo Thọ A Xà Lê Sư, gọi chung là “tam sư hòa thượng”, ngoài ra là bảy vị tôn sư chứng minh. Do đó, có thuật ngữ “tam sư thất chứng”.

[10] Thành Thật Tông có tên gọi này là do lấy bộ Thành Thật Luận của ngài Ha Lê Bạt Ma (Harivarman) làm kinh điển chủ yếu. Ngài Ha Lê Bạt Ma sống vào khoảng từ bảy trăm cho đến tám trăm năm sau khi Phật nhập diệt. Thoạt đầu, Sư học giáo nghĩa Tiểu Thừa của bộ phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ với Cứu Ma La Đà, rồi học tập các bộ giáo nghĩa Đại Thừa, Tiểu Thừa. Bộ Thành Thật Luận nhằm phê phán lý luận của Hữu Bộ. Năm Hoàng Thủy thứ 14 đời Diêu Tần

(412), pháp sư Cưu Ma La Thập dịch bộ này sang tiếng Hán. Môn nhân của ngài La Thập là Tăng Đạo viết Thành Thật Luận Nghĩa Sớ, Đạo Lăng viết Thành Thật Luận Sớ. Về sau, ngài Tăng Đạo đi về phương Nam, hoằng pháp mạnh mẽ, chuyên giảng Tam Luận và Thành Thật Luận. Đồng thời, ngài Huệ Long do được Tống Minh Đế cầu thỉnh cũng giảng luận này. Giới tăng sĩ, trí thức Trung Hoa thời ấy đặc biệt yêu thích Thành Thật Luận nên có rất nhiều vị pháp sư giảng luận này, ngoài ra còn có Trí Tạng soạn Thành Thuật Luận Đại Nghĩa Ký, Thành Thật Luận Nghĩa Sớ, Viên Đàm Doãn soạn Thành Thật Luận Tự Sao, Hồng Diệm soạn Thành Thật Luận Huyền Nghĩa... Hứng thú đối với Thành Thật Luận của Phật Giáo Trung Hoa kéo dài mãi đến đời Đường. Ngay cả ngài Huyền Trang trước khi sang Thiên Trúc thỉnh kinh cũng từng học luận này với ngài Triệu Châu Đạo Thâm. Sau khi các bộ luận như Thập Địa Kinh Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận được phiên dịch, ngài Đạo Tuyên, một môn đệ nổi tiếng của ngài Huyền Trang phán định tông này thuộc Tiểu Thừa, vì không vượt ngoài trình độ lý luận của hệ thống Tỳ Bà Sa, hứng thú nghiên cứu đối với bộ luận này giảm dần và đến giữa đời Đường hầu như không còn ai giảng giải nữa. Tông này mất hẳn. Giáo nghĩa chính yếu của tông này có thể tạm nêu như sau: Nhân không và pháp không, tức là ba đời thật có nhưng quá khứ, vị lai không có bản thể thật sự, chỉ là thể dụng của pháp hữu nhân duyên sanh trong từng sát-na. Pháp do nhân duyên sanh, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chủ trương Trung Đạo. Tông này phủ nhận thuyết Trung Âm, chủ trương thánh đạo bất thoái, tức là A La Hán vĩnh viễn đoạn được ái căn nên không thoái chuyển. Tứ Đại là giả danh, nếu lìa sắc thì không có Tứ Đại. Các căn là giả danh, lìa Tứ Đại sẽ không có các căn v.v... Tông này chia chi ly các hiện tượng giả hữu thành 84 pháp. Nói chung, tông này chủ trương Không Tánh theo kiểu Chiết Pháp Không, tức là chia sự vật nhỏ nhất đến vi trần, rồi chia vi trần thành nhỏ mãi đến thành hư không; nhưng không phải là “chân không diệu hữu” như trong Duy Thức. Trong cách lập luận của tông này, có dung hợp rất nhiều giáo nghĩa của Bát Nhã, Pháp Hoa, nên trong một thời gian dài, nó được coi là một tông phái Đại Thừa.

[11] Câu Xá Tông là tông phái y cứ vào luận Câu Xá mà thành lập. Thành Thật Tông được gọi là Không Tông, còn Câu Xá Tông gọi là Hữu Tông. Câu Xá Luận gọi đủ là A Tỳ Đàm Đạt Ma Câu Xá Luận do ngài Thế Thân trước tác, tổng hợp các giáo nghĩa từ Đại Tỳ Bà Sa Luận và giáo nghĩa của Kinh Lượng Bộ, phê phán giáo nghĩa Nhất Thiết Hữu Bộ. Bộ luận này do ngài Chân Đế dịch vào năm Thiên Gia đời Trần (564), Ngài còn soạn sớ chú thích. Các vị Huệ Khải, Huệ Tịnh, Đạo Nhạc cũng soạn sớ giải. Năm Vĩnh Huy thứ sáu đời Đường (654), pháp sư Huyền Trang dịch lại bộ luận này. Môn nhân là Thần Thái, Phổ Quang, Pháp Bảo đều viết chú giải. Chính bản dịch của ngài Huyền Trang và ba bộ chú giải của môn nhân mới là kinh điển y cứ căn bản của tông này. Từ sau thời Đường, tông này dần dần thất truyền, dù đã được truyền sang Nhật. Ngoài Câu Xá Luận, tông này còn lấy Tứ A Hàm và Đại Tỳ Bà Sa Luận, A Tỳ Đàm Tâm Luận, Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận làm kinh điển y cứ. Giáo nghĩa tông này chủ yếu thuyết minh chánh lý nhân duyên của các pháp, phá kiến chấp của phàm phu ngoại đạo, coi việc đoạn Hoặc để chứng thánh quả, xuất ly tam giới là mấu chốt. Họ phân định các pháp gồm hai loại lớn hữu vi và vô vi, rồi lại phân tích tỉ mỉ thành 75 pháp, tức là Sắc Pháp gồm 11 thứ, tâm pháp 1 thứ, tâm sở hữu pháp 46 thứ, bất tương ưng hành pháp 14 thứ v.v... Đồng thời, tông này còn đề xướng giáo nghĩa sáu căn nhân và 4 trợ duyên, cũng như thuyết minh chi ly về Kiến Hoặc, Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc v.v... Nói chung, tông phái này chủ trương các pháp đều thật có, nhưng lại cho rằng chúng không thường hằng. Tóm lại, giáo nghĩa rất phức tạp đến nỗi các học giả Nhật Bản cho rằng giáo nghĩa Tiểu Thừa tại Trung Hoa thất truyền không phải vì quá đơn giản, nông cạn như người đời thường lầm tưởng, mà vì quá phức tạp, chi ly, quá nặng phần triết học, trở thành huyền học thanh đàm, thiếu thực tiễn trong việc tu học, chỉ thích hợp cho những học giả, nên không thu hút được quảng đại quần chúng Trung Hoa, Nhật Bản.

[12] Tác phẩm này được gọi là Ngũ Chung Di Quy vì gồm có năm phần: Dưỡng Chánh Di Quy, Huân Tục Di Quy, Giáo Nữ Di Quy, Tòng Chánh Di Quy, Tại Quan Cầu Pháp Lục, nội dung tổng hợp những giáo hóa về xử thế, làm người cũng như những khuôn mẫu huấn luyện đạo đức của Nho Gia, chẳng hạn như trong phần Dưỡng Chánh Di Quy, Trần Hoàng Mưu trích yếu những phần trong Châu Tử Trị Gia Cách Ngôn, Châu Tử Đồng Mông Tu Tri v.v... Tác phẩm này được hoàn thành vào năm Càn Long thứ bảy (1742).

[13] Quét dọn ở đây không có nghĩa là dọn dẹp nhà cửa mà là tập tành uốn nắn theo khuôn phép, bỏ đi những thói quen lười nhác, cầu thả, vội vàng, bộp chộp.

[14] Khuyên là vẽ một vòng tròn, bên cạnh một chữ, có ý nghĩa giống như dấu chấm hiện thời.

[15] Thập Tam Kinh là mười ba bộ kinh điển trọng yếu của Nho Gia theo Tống Nho, gồm kinh Thi, kinh Thư, Châu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký, Châu Dịch, Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện, Luận Ngữ, Nhĩ Nhã, Hiếu Kinh, Mạnh Tử

[16] Đây là một bộ sử do Ngô Thừa Quyền chủ biên, chép tóm tắt lịch sử Trung Quốc từ thời Tam Hoàng Ngũ Đế cho đến vua Sùng Trinh nhà Minh.

[17] Thông Giám Tập Lãm, có tên gọi đầy đủ là Ngự Phê Lịch Sử Thông Giám Tập Lãm, do các văn thần soạn vào thời Càn Long nhà Thanh, chủ yếu chép sự kiện lịch sử từ cuối đời Minh đến cuối thời Ung Chánh.

[18] Theo nghĩa gốc, Quy và Cù là hai loại thước của thợ mộc. Quy là thước tròn, Cù là thước vuông.

[19] Hoàng Tán (1611-1685) là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, Sư là người xứ Tân Hội, tỉnh Quảng Đông. Thuở nhỏ Sư học Nho, thông thạo kinh điển, đến năm 20 tuổi được bổ làm “học sinh viên” của huyện. Sau khi Mãn Thanh chiếm Trung Hoa, Sư xuống tóc làm Tăng, chuyên nghiên cứu tu tập Thiền, tham học với ngài Đỉnh Hồ Đạo Khâu, được ân khải. Thoạt đầu, Sư trụ tại chùa Bảo Tượng Lâm ở Quảng Châu, sau kế vị ngài Đỉnh Hồ làm trụ trì chùa Triệu Khánh. Suốt đời Sư chú trọng tu tập thực tiễn, tuy chuyên tu Thiền, nhưng Sư đau lòng trước tình trạng tu tập phô trương, sáo rỗng, khẩu đầu Thiền của chốn Thiền môn thời ấy, nên tuyệt không bao giờ nói đến Thiền mà chuyên hoằng dương luật nghi, đề xướng giới hạnh, coi đó là trách nhiệm của cả đời mình. Sư thị tịch năm Khang Hy 21 (1685), thọ 75 tuổi, còn để lại những tác phẩm như Đỉnh Hồ Sơn Mộc Nhân Cư, Thiền Sư Sát Cáo, Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Hội Thích, Tâm Kinh Luận, Tứ Phần Giới Bản Như Thích, Quy Giới Yếu Tập, Bát Quan Trai Pháp, Lễ Phật Nghi Thức v.v...

[20] Đàm Nhất (692-771) là cao tăng đời Đường, người xứ Sơn Âm, xuất gia vào niên hiệu Cảnh Long, tỉnh thông nội điển lẫn ngoại điển. Lúc đầu, Sư theo học bộ Hành Sự Sao với ngài Đàm Thắng, sau lên Trường An, thờ ngài Thái Lăng của tông Tướng Bộ làm thầy, soạn sách Phát Chánh Nghĩa Ký, xiển dương sự khác biệt trong giáo nghĩa của hai tông Nam Sơn (Luật Tông) và Tướng Bộ. Sau Sư về trụ trì chùa Khai Nguyên ở Cối Kê, trước sau giảng Tứ Phần Luật ba mươi lăm lần, giảng Hành Sự Sao hơn hai mươi lần, độ chúng đến mười vạn người. Người đương thời xưng tụng Sư là “Nhân Trung Sư Tử”. Sư thị tịch năm Đại Lịch thứ sáu, thọ 80 tuổi, đệ tử có những bậc nổi tiếng trong Luật Tông như Lăng Nhiên, Thần Hạo, Biện Tú, Đạo Ngang v.v...

[21] Cửu Thứ Đệ Định (navānupūrva-samāpattayah), có nghĩa là chín loại Định được tu theo thứ tự không gián đoạn. Còn gọi là Vô Gián Thiền, hoặc Luyện Thiền, gồm Tứ Thiền trong Sắc Giới, Tứ Xứ trong Vô Sắc Giới và Diệt Thọ Tướng Định. Do chẳng xen lẫn với những tâm khác, theo thứ tự nhất định từ định này tiến vào định kia nên gọi là Thứ Đệ Định. Do không có niệm khác xen tạp nên gọi Vô Gián Thiền. Lại do dùng những môn Thiền này để luyện cho thiền hạnh thanh tịnh, giống như luyện vàng nên gọi là Luyện Thiền.

[22] Viên Anh (1878-1953) là một vị cao tăng thời cận đại, người xứ Cổ Điền, tỉnh Phước Kiến. Pháp danh Hoàng Ngô, hiệu Thao Quang. Sư sanh vào năm Quang Tự thứ 4 đời Thanh, mồ côi từ bé. Năm 19 tuổi đến Cổ Sơn xin xuất gia, chuyên tu theo tông Thiên Thai. Sau sang chùa Thiên Ninh ở Ninh Ba học Thiền. Năm 26 tuổi, tham học với Kính An Hòa Thượng chùa Thiên Đồng. Sau đi giảng kinh khắp vùng Phước Kiến, Chiết Giang. Năm Quang Tự 32 (1906), Sư quen thân với ngài Thái Hư, kết nghĩa huynh đệ. Khi ấy, Sư đã 29 tuổi, Thái Hư mới 18. Sư tận lực tổ chức Trung Quốc Phật Giáo Hội cũng như vận động bảo vệ tài sản của tự viện trước những âm mưu “thâu đoạt chùa chiền biến thành trường học” của chính quyền Quốc Dân Đảng. Sư từng đứng đầu hội Phật Giáo Trung Quốc. Khi cuộc kháng Nhật nổ ra, Sư tích cực vận động quyền góp thuốc men hỗ trợ quân đội. Sư đặc biệt chú trọng sáng lập những cơ cấu từ thiện, phục hưng chùa chiền các nơi, lập ra những tạp chí Phật giáo, cứu trợ đồng bào bị nạn. Tuy bận rộn với công tác tổ chức giáo hội, Sư vẫn tích cực hoằng pháp, trước tác rất nhiều, nhất là chú giải kinh Lăng Nghiêm. Trước tác gồm có Viên Anh Văn Tập, Viên Anh Đại Sư Pháp Vựng.

[23] Bảo Tịnh (1899-1940) là một vị cao tăng thời cận đại, người xứ Thượng Ngu, tỉnh Chiết Giang. Thuở nhỏ Sư đọc Cao Tăng Truyện bèn có chí hướng xuất gia. Sau khi tốt nghiệp đại học, Sư liền xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Về sau, thân cận Đế Nhân Pháp Sư để tham học giáo nghĩa Thiên Thai Giáo Quán. Năm 1927, Sư sáng lập tờ Hoàng Pháp Nguyệt San, thường qua lại giảng kinh thuyết pháp ở Thượng Hải, Hàng Châu, Hương Cảng, Quảng Đông v.v... Sư thị tịch năm 1940 tại chùa Ngọc Phật tại Thượng Hải, trụ thế 41 năm. Những trước tác nổi tiếng nhất của Sư là Đại Thừa Khởi Tín Luận Giảng Nghĩa, Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu Giảng Thuật, Phổ Môn Phẩm Dư Giảng, Phật Di Giáo Kinh Giảng Nghĩa, A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký...

[24] Tục Pháp (1641-1728), người đời Thanh, quê ở Nhân Hòa (Hàng Châu), tỉnh Chiết Giang, họ Trâm, tự Bá Đình, hiệu Quán Đảnh, còn có hiệu là Thành Pháp. Năm lên chín tuổi xuất gia với ngài Minh Nguyên tại chùa Từ Vân núi Thiên Trúc, Hàng Châu, thọ Cụ Túc năm 19 tuổi, 20 tuổi bắt đầu giảng kinh, được ngài Minh Nguyên phó pháp kế tục đời thứ năm thuộc pháp hệ của tổ Liên Trì Châu Hoàng. Sư bác lãm kinh điển, dung thông các học thuyết, không câu nệ. Mỗi lần Sư lên giảng tòa, tứ chúng tụ về nghe rất rộng. Sư thị tịch năm Ung Chánh thứ sáu, thọ 88 tuổi, các đệ tử trừ danh nhất là Bồi Phong, Từ Duệ, Trung Chánh, Thiên Hoài. Trước tác Sư để lại gồm những bộ Hiền Thủ Ngũ Giáo Nghi, Viên Giác Chiết Nghĩa Sớ, Hoa Nghiêm Tông Phật Tổ truyện v.v.. Tác phẩm Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao của Sư được coi là tác phẩm chú giải chương Đại Thế Chí Viên Thông hay nhất từ trước đến nay. Do ngài trụ trì chùa Từ Vân nên khi nhắc đến ngài, người ta thường gọi là Từ Vân Quán Đảnh chứ ít khi gọi thẳng pháp danh.

[25] Khứ Thanh trong tiếng Quan Thoại có nghĩa là âm đọc lên giọng, nhẹ hơn dấu sắc của tiếng Việt.

[26] Trong âm Quan Thoại, chữ Dược 藥 có âm đọc là Yàu. Chữ Nhạo (樂) có ba âm đọc là Nhạc (yuè), Lạc (lè) và Nhạo (yàu).

[27] Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật thuyết Sa Di Thập Giới Nghi Tác Kinh, do ngài Thi Hộ dịch, được xếp vào Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng mang số 1473, tập 24.

Ngài Thi Hộ (Dānapāla), là một vị phiên dịch kinh nổi tiếng thời Tống. Ngài vốn là người xứ Ô Điền Nặng (Udyāna) ở Bắc Ấn Độ, được người đời xưng tụng là Hiền Giáo đại sư. Không rõ năm sanh và năm mất. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980) đời Tống Thái Tổ, Sư cùng ngài Thiên Tức Tai cùng đến Biện Kinh (nay là Khai Phong), ngụ tại viện dịch kinh ở chùa Thái Bình Hưng Quốc, tận lực phiên dịch. Số lượng kinh do Ngài dịch rất nhiều, đủ mọi thể loại, nổi tiếng nhất là các bộ Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh, Cấp Cô Trưởng Giả Đắc Độ Nhân Duyên Kinh, Quảng Thích Bồ Đề Tâm Luận, Đại Thừa Thập Nhị Tụng Luận, Lục Thập Tụng Như Lý Luận, Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội Đại Giáo Vương

Kinh, Nhất Thiết Như Lai Kim Cang Tam Nghiệp Tối Thượng Bí Mật Đại Giáo Vương Kinh, Thủ Hộ Đại Thiên Quốc Độ Kinh, Biến Chiếu Bát Nhã Ba La Mật Kinh v.v...

[28] Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc: Kiến Hoặc còn gọi là Kiến Phiền Não, Kiến Chương, hay Kiến Nhất Xứ Trụ Địa. Những tên gọi này đều hàm nghĩa Kiến Hoặc là những phiền não, mê hoặc khiến cho hành nhân không thấy được đạo, mê chấp không thấy được Tứ Thánh Đế, không thấy được Phật tánh. Do khi tu tập thánh đạo, hành nhân phải đoạn trừ những Hoặc này mới thấy được tánh nên còn gọi là Tu Hoặc. Theo luận Câu Xá, Kiến Hoặc về căn bản chính là mười Sử gồm năm loại sử (thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến) và năm độn sử (tham, sân, si, mạn, nghi). Trong Dục Giới thì với Khổ Đế phải đoạn cả 10 Sử, Tập Đế và Diệt Đế mỗi Đế phải đoạn bảy Sử (tức là loại trừ Thân Kiến, Biên Kiến, và Giới Cấm Thủ Kiến ra), Đạo Đế có tám Sử (không có Thân Kiến và Biên Kiến). Do vậy, trong Dục Giới, phối hợp với Tứ Thánh Đế như trên, ta phải đoạn 32 phẩm Kiến Hoặc. Với Sắc Giới và Vô Sắc Giới, cách tính cũng gần giống như trên, nhưng mỗi Đế đều loại thêm Sân Sử, do đó mỗi Giới phải đoạn 28 Sử. Do vậy, 32 Sử của Dục Giới + 28 Sử của Sắc Giới + 28 Sử của Vô Sắc Giới = 88 món Sử, tức 88 món Kiến Hoặc.

[29] Tạng Bảo Tạng Kinh (Samyukta Ratnapitaka sūtra), gồm 10 quyển, do ngài Cát Ca Dạ và Đàm Diệu dịch chung vào thời Nguyên Ngụy, được xếp trong quyển thứ bốn của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Kinh này chép về những chuyện liên quan đến đức Phật, đệ tử Phật và những duyên sự sau khi đức Phật nhập diệt. Kinh được chia thành 121 chương, đại bộ phận là những chuyện liên quan đến đức Phật. Trong kinh này còn ghi cả cuộc vấn đáp giữa vua Mi Lan Đà xứ Hy Lạp và Na Tiên Tỳ Kheo khoảng 200 năm sau khi đức Phật nhập diệt, cũng như những cuộc vấn đáp giữa vua Chiên Đàn Kế Ni Tra xứ Đại Nhục Chi với tôn giả Kỳ Dạ Đa. Nói cách khác, kinh này là tổng hợp của nhiều bài kinh ngắn được trích từ tạng A Hàm, chủ yếu dùng thí dụ nhân duyên để nêu rõ mối quan hệ giữa nhân và quả.

[30] Kinh Luật Di Tướng do ngài Bảo Xương soạn, hoàn thành vào năm Thiên Giám thứ 15 đời Lương (516), nội dung ghi chép những tướng trạng lạ lùng hiếm có trong các bộ kinh luật. Thoạt đầu Lương Vũ Đế sai Tăng Mân sao chép những chuyện lạ trong kinh luận, sau giao hẳn cho ngài Bảo Xương chủ trì và sắc truyền các ngài Tăng Hào, Pháp Tánh phụ tá. Sách được chia làm hai mươi một loại: trời, đất, Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, quốc vương, hoàng hậu, thái tử, công chúa, trưởng giả, Ưu Bà Tắc v.v... cho đến địa ngục. Bộ sách này khá lớn, chiếm đến năm mươi quyển trong tập năm mươi ba của Đại Tạng Kinh.

[31] Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do ông Nhiếp Vân Đài biên soạn, Hứa Chỉ Tịnh ghi lời bàn định. Nội dung thu thập những câu chuyện trong lịch sử, trích từ các bộ sử nổi tiếng của Trung Hoa từ Sử Ký cho đến Minh Sử, khởi đầu bằng chuyện vua Thuấn, kết thúc bằng chuyện Cáp Lập Ma (tức Karmapa của Phật giáo Tây Tạng) thời Vĩnh Lạc nhà Minh.

[32] Ba Tuần (Pāpīyas, hoặc Pāpman), còn dịch là Ba Duyên, Ba Duyên, Ba Bê, Pha Duyên, Ba Tỳ, Bát Bể. Danh xưng thường được kinh điển sử dụng nhất là Ma Ba Tuần hay Thiên Ma Ba Tuần (Mara Pāpman). Dịch ý là Sát Giả, Ác Vật, Ác Trung Ác, Ác Ái, đều hàm nghĩa ác ma phá hoại thiện căn và sanh mạng. Theo Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi Kinh, quyển thượng, thì Ba Tuần chính là Thiên Chúa tầng trời thứ sáu trong Dục Giới. Đại Trí Độ Luận quyển 56 giảng Ma có tên là Tụ Tại Thiên Vương. Theo sách Huệ Lâm Âm Nghĩa và bộ Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương, chữ Tuần 旬 đúng ra phải là chữ Duyên, tức chữ Mục 目 dưới bộ Câu bị viết sai thành chữ Nhật 日, nên Duyên bị ghi sai thành Tuần. Do bị ghi sai lâu ngày, hầu như không còn sách nào ghi là Ba Duyên nữa